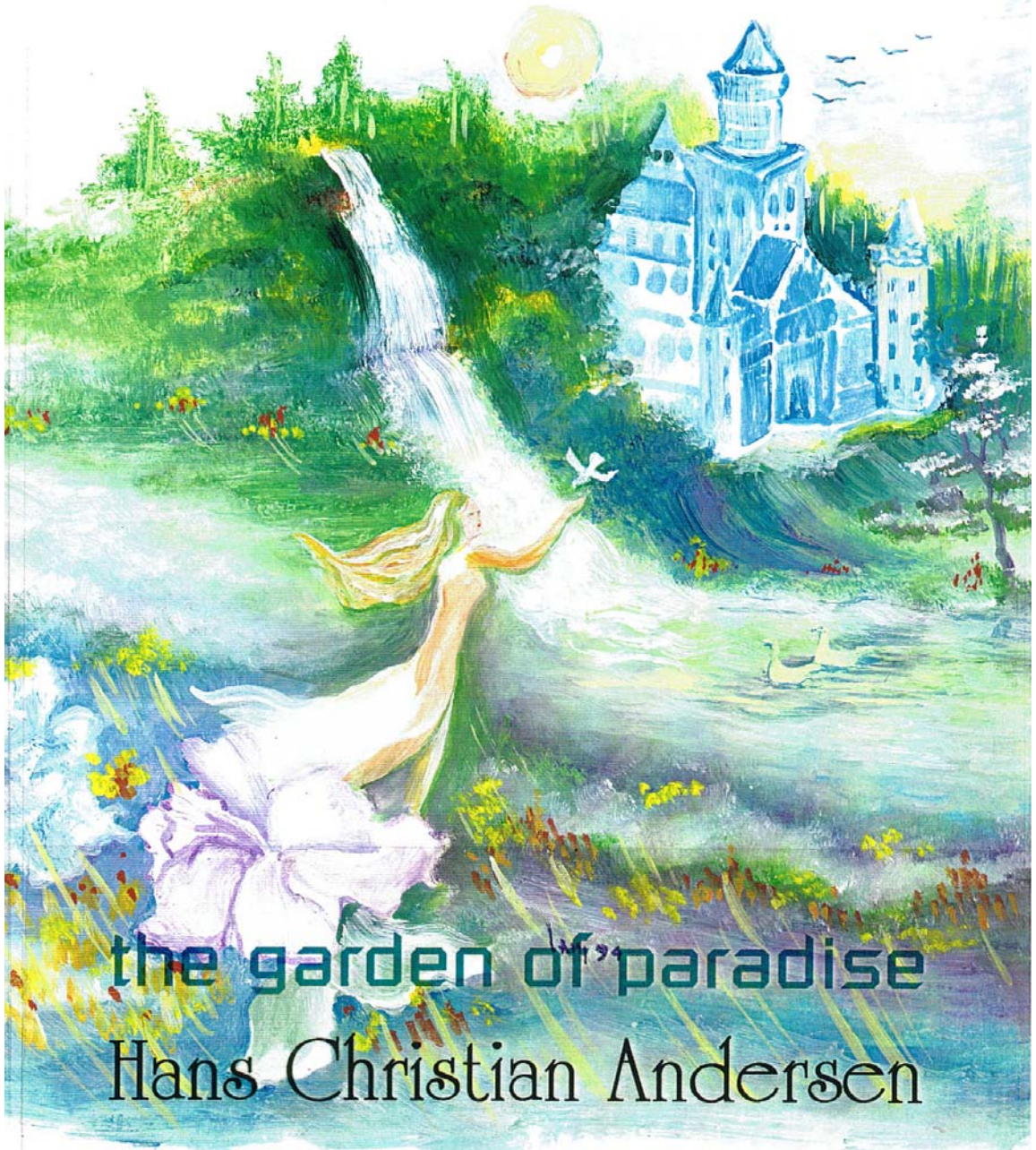


vườn địa đàng



the garden of paradise
Hans Christian Andersen

HANS CHRISTIAN ANDERSEN

vườn địa đàng

The Garden of Paradise

Đỗ Văn Phúc
dịch

Tập truyện dịch chọn lọc từ bản tiếng Anh
Andersen's Fairy Tales
do Children's Classics, New York
xuất bản năm 1988

Bản dịch Vườn Địa Đàng xuất bản 1995
Bìa và phụ bản minh họa của
Nguyễn Thành Lâm và Đỗ Văn Phúc
dịch giả giữ bản quyền

Copyright©1995 by Michael PV Do
All rights reserved

Mục lục

Lời tựa của Quách Y Lành	6
Giới thiệu về tác giả	7
Con chim họa mi	8
Công chúa thủy tề	14
Vườn địa đàng	25
Ông vua ở trường	33
Cô bé bán diêm	36
Chiếc hòm bay	38
Đàn thiên nga	42
Anh lính chì dũng cảm	51
Chiếc hộp thiếc	54
Cô bé đi đôi giày đỏ	58
Bé Túc	62
Bạn đồng hành	64
Đừng tin lời con rắn độc	75
Một bà mẹ	76

Chân thành cảm tạ

Ông Đào Nhật Tiến, ông bà Nguyễn Hữu Hoạ, Quách Y Lành, ông Hồ Đình Lực, ông Nguyễn Thành Lâm, ông Lê Hữu Dinh và các bằng hữu đã giúp đỡ phương tiện để ấn hành tập truyện này.

ĐÓN ĐỌC

BÀ CHÚA TUYẾT

The Snow Queen

Truyện cổ Andersen tập 2

Đỗ Văn Phúc dịch

Gồm nhiều truyện ngắn rất hấp dẫn từng làm say mê hàng triệu thanh thiếu niên khắp thế giới; là cuốn sách gối đầu giường, là mẫu mực cho cuộc sống biết yêu thương nhân loại, dũng cảm hy sinh, và luôn luôn phấn đấu vươn lên Chân, Thiện, Mỹ.

QUÊ HƯƠNG VÀ HOÀI VỌNG

Đỗ Văn Phúc

Tuyển tập gồm những bài tham luận, ký sự, sưu khảo về các đề tài chính trị, xã hội, văn hoá viết trong trại tù và trong thời gian ly hương vì vận nước. Về những năm tháng khổ đau khó xoá nhòa trong tâm khảm của một tầng lớp thanh niên đã hiến trọn tuổi thanh xuân cho tổ quốc để rồi nhìn thấy ngày đen tối trùm lên quê hương dầu yêu, che mờ cả tương lai dân tộc.

Tặng người bạn đời chung thuỷ KIM HOA và các con

Lời tựa của nhà văn Quách Y Lành

Những thập niên trước, nếu như có ai đó hỏi tôi nghĩ thế nào về tuổi trẻ, chắc hẳn lúc ấy tôi chỉ mỉm cười nhìn xa thật xa, xa đến độ không tìm được câu trả lời. Cũng những thập niên trước, nếu có người nào hỏi tôi ước mơ gì về ngày mai khi sẽ lớn, chắc hẳn lúc ấy tôi chỉ mỉm cười, thế thôi. Vì tôi hãy còn thơ ngây quá để tìm được câu trả lời thích đáng về các biến động hoặc sự nhân dạng ở ngày mai... Ngược lại, những thập niên trước nếu có những ai hỏi tôi nghĩ thế nào về những chuyện thần thoại ngày xưa, ngày xưa? Chắc hẳn và chắc hẳn lúc ấy tôi sẽ mở to đôi mắt để gọi lại trí nhớ những chuyện cổ tích mà mình đã được nghe kể.

Cho đến hôm nay, dĩ nhiên thời gian không phải những thập niên trước, nên tôi không còn mỉm cười hay nhìn xa vắng nữa, vì thực tế trong đời sống đôi lúc đã loang lổ hay rĩ sét hoặc đôi khi đốt cháy hồn mình. Cháy đến độ tôi muốn chạy ngược trở lại một cách vội vàng để tìm kiếm giòng suối tuổi thơ với giây phút bình yên, lắng nghe chuyện cổ tích. Sau cùng và may mắn, tôi đã gặp Vườn Địa Đàng (The Garden of Paradise) qua bản thảo của dịch giả Đỗ Văn Phúc.

Vườn Địa Đàng được dịch giả Đỗ Văn Phúc chuyển ngữ từ bản dịch tiếng Anh, gồm 12 chuyện cổ tích của tác giả Hans Christian Andersen, trong đó tiêu đề Vườn Địa Đàng được chọn thành tên sách. Tôi đọc và đã đọc, tôi đã suy tư và nhận thức từ trang thứ nhất có giòng chữ đầu tiên đến trang cuối cùng có dấu chấm hết. Đọc xong, tôi phân vân mãi với chính mình và đặt câu hỏi: dịch giả Đỗ Văn Phúc từng tốt nghiệp thủ khoa ngành Chính trị học tại Đại học Vạn Hạnh ngày xưa với học vị cử nhân, tốt nghiệp khoá 1 Sĩ quan Chiến tranh Chính trị Dalat. Rồi đất nước loạn ly, ly loạn. Anh bị bắt đi cải tạo suốt mười năm ròng rã mới được thả về, đến Mỹ theo diện H.O., trong thời gian 5 năm, anh Phúc vừa lo cho gia đình, vừa sinh hoạt cộng đồng, vừa cấp sách đến trường, tốt nghiệp ngành Vật lý (A.S), và đang theo đuổi năm cuối ngành Điện. Trải qua những bề dâu ấy, cộng với kiến thức và trình độ sinh ngữ của anh, tôi nghĩ rằng anh sẽ chuyển ngữ những sách thuộc về khoa học và chính trị có lẽ thích hợp với khả năng của anh hơn.

Nhưng ngược lại anh đã chọn Vườn Địa Đàng để phục vụ độc giả. Đây là một tác phẩm rất khó chuyển ngữ để người đọc có thể hiểu được rõ ràng hàm ý của tác giả. Nhất là đối tượng phân đông là những người trẻ. Điểm nổi bật đáng kể nhất là dịch giả Đỗ Văn Phúc đã chọn 12 câu chuyện có giá trị đặc biệt và bổ ích, rất thực tế, nhằm mục đích cung ứng cho người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, và luôn luôn tạo nên cảm giác chờ đợi, hồi hộp... Để rồi sau đó, khi kết thúc câu chuyện, người đọc lại cứ ngỡ rằng mình đang ở trên Vườn Địa Đàng thật.

Vài Lời Giới Thiệu

Truyện cổ tích của Hans Christian Andersen không những hấp dẫn lứa tuổi thiếu nhi, mà còn lôi cuốn cả đối với những tầng lớp thanh thiếu niên, cả những vị trung niên. Ở lứa tuổi bốn mươi, chúng tôi còn đọc say mê những chuyện Công Chúa Thủy Tề, Nữ Hoàng Tuyết, Em Bé Bán Diêm.... Đọc một lần, hai lần, và nhiều lần nữa, vẫn cảm thấy hấp dẫn và thú vị. Mỗi lần, sau khi đọc xong, chúng tôi cảm thấy trong lòng dâng lên một mối xúc động dạt dào; say mê về những nhân vật cổ tích, tuy hoang đường nhưng rất thật, đầy nhân cách đáng yêu, đáng học hỏi. Cốt truyện đầy lòng nhân hậu, tính vị tha và khuyến khích phát huy nghị lực. Mỗi câu chuyện đúng là một bài học, dạy chúng ta biết cách sống đối với chính mình, đối với tha nhân, biết đấu tranh cho cái đẹp, cái tốt lành, trung thực.

Hans Christian Andersen sinh ra trong một gia đình nghèo ở thị trấn Odense, Đan Mạch năm 1805. Cha ông làm nghề thợ giày, nhưng tin rằng họ thuộc về một nguồn gốc quý tộc đã thất thế; vì thế gia đình ông vẫn cố gắng duy trì một nề nếp phong lưu. Cậu bé Andersen nghèo, không có tiền đi xem hát, chú bèn tưởng tượng ra những vở kịch. Rồi thì, vừa là soạn giả, vừa là diễn viên, nhạc công, ca sĩ, cậu bé tự trình diễn với chính mình. Cậu để phần lớn thời gian niên thiếu vui đùa bên chiếc cối xay cũ kỹ bên bờ sông Odense, để cho dòng nước miên man với trí tưởng tượng phong phú của mình.

Sau khi cha qua đời, Hans xin phép mẹ lên Copenhagen tìm kiếm thời vận và hạnh phúc. Ông bước vào lãnh vực văn chương với những truyện thần tiên cho trẻ em. Đa số truyện của ông liên hệ tới mùa đông, có tuyết rơi, có sương mù lãng đãng, có lò sưởi với những nhánh cây khô bắt lửa nổ tí tách. Ông gần gũi với những người nghèo khó, tôn vinh sự dũng cảm, nghị lực đấu tranh để vươn lên trong nghịch cảnh.

Nhà thơ Ingermann đã nói: "Andersen có một khả năng quý báu, là dù trong công rãnh, ông vẫn tìm ra được những hạt trai." Hans du lịch nhiều, có vô vàn chất liệu cho các câu chuyện của mình. Ông viết nhanh, viết nhiều và rất khó với chính bản thân khi trau sửa bản thảo. Vì thế truyện của ông rất hay, bố cục chặt chẽ, đầy đủ chi tiết cần thiết, lời văn nhẹ nhàng, gợi cảm.

Ông để lại cho đời những câu truyện thần tiên giá trị, được toàn thế giới say mê. Truyện của ông làm đề tài cho những cuốn phim hay nhất. Dù xem qua một phim hoạt họa, chúng ta vẫn không khỏi rung rúc xúc cảm khi trên màn ảnh đã hiện lên chữ The End, và những nhân vật trong phim cứ đeo đuổi mãi trong ý tưởng chúng ta.

Chọn dịch một số truyện trong cuốn Andersen's Fairy Tales của nhà xuất bản Children's Classics, chúng tôi hy vọng sẽ giúp được các bạn nhỏ Việt nam mà khả năng Anh ngữ còn hạn chế, chưa thể đọc thấu đáo được nguyên tác. Dĩ nhiên trong khi dịch, chúng tôi cố gắng sửa đổi văn phong sao cho thích hợp với người Việt chúng ta, vừa phải duy trì tối đa văn và ý của tác giả. Ước mong các bạn nhỏ tìm thấy cuốn sách này là người bạn gối đầu giường và học hỏi những điều tốt lành mà Hans Christian Andersen muốn chuyển đạt.

Dịch giả cũng rất mong muốn đón nhận những góp ý bổ ích để hoàn thiện công việc cho những bản dịch sau này.

Austin, Giáng sinh 1994
Đỗ Văn Phúc

Con Chim Họa Mi The Nightingale

Ngày xưa, ở tận bên Trung hoa, vị hoàng đế là người Tàu, và thần dân của ông ta cũng là người Tàu, dĩ nhiên. Chuyện xảy ra đã rất lâu, từ một thời xa xưa lắm, nhưng phải kể lại kéo thời gian có thể làm cho nó bị lãng quên đi chăng.

Cung điện của hoàng đế huy hoàng nhất trên cõi đời này. Nó được xây bằng loại gốm mịn nhất, rất đắt tiền, nhưng cũng rất mỏng manh chỉ cho phép chúng ta sờ nhẹ thôi. Ngoài vườn Thượng uyển đủ loại kỳ hoa dị thảo. Trong đó có loại hoa lục lạc, miệng hoa như hình cái chuông bạc. Mỗi khi gió rung lên, hoa phát ra tiếng lanh canh như tiếng chuông. Ai đi qua cũng không thể không dừng chân lại để ngắm nghía. Khu vườn rộng, nhiều góc ngách đến nỗi vị quan coi vườn không thể biết đâu là đầu, đâu là cuối vườn. Nếu bạn cứ tiếp tục dạo chơi, bạn sẽ đi lạc vào một khu rừng đẹp với những hàng cây cao và những hồ, suối chảy quanh co. Khu rừng chạy dài ra tận bờ biển, nơi nước trong xanh và sâu thẳm để cho những con thuyền lớn có thể thả buồm rong giữa những tầng cây.

Trong khu rừng kỳ ảo đó, có một con chim họa mi có giọng hát thật quyến rũ. Ngay những người đánh cá nghèo nàn, dù có hàng trăm mối bận tâm, cũng phải ngừng lưới để lắng nghe tiếng chim mỗi khi đi qua đó. “Trời ơi, tiếng chim thật tuyệt vời!” một người đánh cá thốt lên. Xong, anh ta quay trở lại với công việc mình cho đến khi nghe lại tiếng chim hát, anh lại một lần nữa thốt lên tiếng thán phục: “Tuyệt làm sao, tiếng chim ca!”

Khách du từ mọi xứ đến nước Trung hoa đều trầm trồ chiêm ngưỡng những kỳ quan: lâu đài, thành quách, vườn tược. Nhưng không một ai quên được tiếng chim họa mi, vì nó là điều ưu tiên trên mọi thứ khác. Họ nói với nhau: “Đúng là có một không hai trên đời này.”

Khi trở lại quê nhà, kể chuyện cho người thân về chuyến du lịch sang Tàu, họ lại đề cao chim họa mi hơn cả những danh lam thắng cảnh mà họ được chiêm ngưỡng. Nếu đó là một thi sĩ, anh ta sẽ viết ngay ra hàng trăm bài thơ hay về chim và vườn hoa, và khu rừng muôn màu muôn sắc. Những bài thơ này truyền tụng khắp nơi và một ngày nào đó, nó lan truyền đến Trung hoa, và vị hoàng đế được nghe đến. Ngài ngồi trên ngai vàng đọc đi đọc lại những bài thơ, gật gù thích thú vì giang san ngài được người ta tán dương. “Nhưng tiếng chim họa mi thì thật là tuyệt!” Ngài đọc đến câu này thì tròn đôi mắt lên mà nói: “Thế này là thế nào? Chim họa mi? tại sao ta chẳng hay biết gì cả? Nếu quả thật có một con chim họa mi trong giang sơn của ta, ngay cả trong vườn Thượng uyển của ta mà ta chẳng hề nghe đến? Phải chờ người ngoài nói tới trong trang sách này ư?”

Ngài cho gọi vị quan hầu cận đến, ông này hách đến nỗi mỗi khi có một ông quan nhỏ hơn muốn nói điều chi với ông ta, ông ta chỉ “Ú” một tiếng thôi, mà điều này thì chẳng biểu lộ rằng ông đồng ý hay không.

“Người ta nói đến một con chim họa mi trong vườn ta,” vị hoàng đế nói, “họ nói rằng nó tuyệt vời nhất trên thế gian này! Tại sao ta chưa hề nghe ai nói đến?”

“Tâu hoàng đế, thần cũng chưa nghe nói đến bao giờ.”

“Ta muốn chim phải đến ca hát cho ta nghe mỗi buổi chiều. Cả thế giới biết những gì ta có, mà chính ta lại không hay?”

“Thần cũng thế, tuy nhiên thần sẽ đi kiếm nó ngay.” Vị quan trả lời, nhưng trong thâm tâm, ông ta chẳng biết phải đi nơi đâu để tìm chim.

Ông chạy vội xuống lầu, rồi chạy lên, chạy vào, chạy ra từ phòng này sang phòng kia, chạy dọc theo hành lang rộng rãi của hoàng cung mà lòng rối bời vì không biết phải làm gì. Những người ông gặp, ông đều đón lại hỏi về chim, nhưng chẳng ai cho ông biết điều gì cả. Sau cùng, lòng lo âu tràn ngập, ông quay lại vị Hoàng đế và tâu rằng đó chỉ là chuyện huyền hoặc do các thi nhân tưởng tượng ra thôi.

“Tâu hoàng đế, ngài chẳng nên tin làm chi chuyện bày vẽ của bọn thi nhân; sách vở chỉ là thứ người ta vẽ vờ thêm.”

“Nhưng cuốn sách ta đang đọc là tặng phẩm của hoàng đế Nhật bản, nên nó chẳng thể nào là sai cả. Ta đã quyết, ta sẽ phải được nghe tiếng chim hát, ngay trong đêm nay, nếu không toàn thể triều đình sẽ phải tội chém đầu.”

“Tuân lệnh.”

Quan hầu lại chạy nữa, ông chạy lên, chạy xuống, chạy qua chạy lại; một nửa số quan triều chạy theo ông, vì ai cũng lo sợ bị chém đầu trong đêm nay nếu không tìm được chim. Họ đặt ra hàng trăm câu hỏi mà không ai có thể trả lời nổi. Sau cùng họ gặp một cô hầu bếp.

“Chim họa mi à, trời ơi, tôi biết quá về chim. Vâng, chim ca hát rất hay. Mỗi chiều, khi tôi được phép mang thức ăn về cho bà mẹ già bệnh hoạn của tôi đang ở nhà sát bờ biển, tôi thường nghỉ một vài phút trong rừng và được nghe tiếng chim hát. Chim ca hay đến nỗi tôi phải rơi lệ vì tưởng như nghe tiếng mẹ tôi thầm thì bên tai tôi.”

“Cô bé xinh xắn ơi,” vị quan hầu vui mừng nói, “ta sẽ bổ nhiệm người thường trực làm trong ban ngự thiện, cho phép người được hầu cơm hoàng đế nếu người dẫn ta đến chỗ chim họa mi. Vì hoàng đế đã muốn có chim trong đêm nay.”

Họ cùng nhau đi nhanh đến khu rừng nơi chim thường xuất hiện. Trên đường đi, họ nghe tiếng một con bò cái vừa rống lên.

“Đúng là tiếng chim hát,” một vị quan trẻ reo lên, “hay tuyệt làm sao, tôi vẫn thường nghe tiếng này mà.”

“Không phải đâu, đó là tiếng bò rống, chúng ta chưa đến nơi đâu.”

Rồi lại nghe tiếng ệnh ương kêu lên oạp oạp trong bụi cỏ.

“Hay ghê,” một vị quan khác lại nói, “nghe như tiếng chuông ngân.”

“Đó là tiếng ệnh ương kêu!” cô gái nói, “Ta sắp gặp chim rồi.”

Cuối cùng họ được nghe tiếng chim hát từ trên cành cây cao.

“Đó, chim họa mi đó,” Cô gái nói, “hãy lắng nghe, kìa chim trên cành kia.”

Cô chỉ tay vào một con chim nhỏ màu xám đang đậu trên một cành cây.

“Thế này ư?” vị quan hầu ngạc nhiên, “ta chẳng tưởng tượng nổi, một con chim tầm thường, lông lá màu xám trông dơ bẩn mà ai nhìn cũng phải khiếp.”

“Chim họa mi bé xinh ơi,” cô gái gọi, “hoàng đế yêu cầu chim đến hát cho ngài.”

“Rất hân hạnh!” Chim duyên dáng trả lời và đập cánh hát lãnh lót trong một tư thế rất khoan thai, nhịp nhàng.

“Tiếng chim nghe như tiếng thủy tinh trong trẻo,” quan hầu cuối cùng phải thừa nhận, “xem cái cổ nhỏ bé làm sao, phải nói rằng ta chưa bao giờ nghe tiếng hát tuyệt vời như thế. Ta chắc đêm nay, hoàng đế sẽ hài lòng lắm.”

“Tôi sẽ phải ca hát cho hoàng đế thường trực sao?” Chim hỏi.

“Chim thân mến, ta có vinh dự truyền lệnh của hoàng đế rằng chim phải có mặt ở hoàng cung trong đêm nay, và sẽ đem tiếng hót tuyệt vời cho ngài thưởng lãm.”

“Tiếng tôi hót chỉ hay trong rừng cây thôi.” Chim nói thế, nhưng cũng vui lòng bay theo đoàn người về hoàng cung vì chim biết hoàng đế đang ngóng chờ.

Hoàng cung đêm nay trang hoàng thật lộng lẫy. Vách tường và sân nền sáng rực lên bởi hàng ngàn ngọn nến có chân cắm bằng vàng y. Dọc theo hành lang là hàng trăm đóa hoa lấp lánh muôn màu, hoa cũng reo lên tiếng nhạc mỗi khi lay động qua lại. Ngay chính giữa sân rộng, vị hoàng đế ngự trên chiếc ngai vàng uốn hình rồng mây, một chiếc cột cũng bằng vàng đặt trước ngai là nơi chim sẽ đậu ca hót.

Tất cả triều thần đều có mặt, cô gái hầu bếp được phép đứng nấp sau cánh cửa, vì bây giờ cô đã là quan bếp của vua. Mọi người đều ăn mặc triều phục đúng phẩm cách; cả trăm con mắt đổ dồn vào con chim xám nhỏ bé.

Chim bắt đầu cất tiếng hót líu lo, thánh thót; và vị hoàng đế cảm động đến rơi lệ. Những giọt nước mắt tuôn trào trên gò má ngài; chim càng hót càng hay, tiếng chim xúc động tận tâm can mọi người. Hoàng đế ân cần tặng chim một chiếc vòng vàng để đeo quanh cổ. Nhưng chim khéo léo từ chối, vì cho rằng chim đã nhận được phần thưởng xứng đáng là sự ưu ái của vua. Chim nói:

“Tâu hoàng đế, những giọt nước mắt của ngài là phần thưởng quý báu nhất cho thần. Những giọt nước mắt của một hoàng đế tối cao là sức mạnh vạn năng để cảm hóa lòng người. Lạy Thượng đế chứng giám cho thần, hôm nay thần đã được một ân tứ trọn vẹn...”

Chim lại hót thêm những âm điệu ngọt ngào, thú âm thanh siêu vời của Thượng giới.

Quý vị phu nhân trong triều đều thì thầm vào tai nhau những lời khen chim; họ ngậm vào miệng vài ngụm nước và thử hót theo chim và tự cho mình cũng có giọng hót thánh thót như chim!

Ngay cả bà quản gia hoàng cung là cụ già khó tính nhất trong các cụ trên đời cũng phải nhận là chim hót hay tuyệt vời. Đúng thế, đêm nay, chim đã làm nên một chuyện hi hữu, chim đã mang lại một cảm xúc khó tả trong lòng mọi người. Thế là chim ở lại hoàng cung, có một chiếc lồng vàng đẹp đẽ, chim được tự do bay ra khỏi lồng hai lần trong ngày, và một lần trong đêm. Chim có 12 người hầu cận mang theo những sợi dây tơ để quàng quanh chân chim. Thật chẳng có gì là thú vị với cách sống như thế.

Toàn thiên hạ bàn tán về chuyện con chim họa mi tuyệt vời. Mỗi khi họ gặp nhau, cứ như là họ phải chào nhau, một người nói “HOA”, thì người kia đáp “MI”, thế là họ đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ngay.

Một hôm, hoàng đế nhận một gói quà lớn, bên ngoài có ghi hai chữ Họa Mi. “Đây chắc lại là một cuốn sách khác nói về chim họa mi của ta.” Hoàng đế mở gói quà, chẳng phải là cuốn sách, mà là một con chim họa mi đeo bằng gỗ, một sản phẩm mỹ thuật của bàn tay con người. Trông nó giống hệt con chim thật, nhưng được tô điểm bằng kim cương, bích ngọc và sapphires.

Khi người ta vắn dây cốt, con chim cũng hót hay như chim thật, nhưng hơn thế, nó lúc lắc cái đuôi làm loé lên những ánh vàng. Trên cổ chim gỗ, có đeo một băng lụa trên có hàng chữ: “Con chim Họa mi của Hoàng đế Phù tang không dám so với chim Họa mi của Hoàng đế Trung hoa.”

Mọi người có mặt đều thốt lên: “Ô! chim gỗ đẹp quá.”

Thế là người sứ giả mang quà đến được phong ngay chức tước : Đại quan Họa mi Hoàng gia.

“Bây giờ cho hai con chim cùng ca để xem hợp âm hay đến đâu?”

Hai chim cùng hát, nhưng như một cung đàn lạc điệu, vì mỗi con hát theo thể cách riêng của mình, và con chim nhân tạo chỉ có thể hát theo điệu valse.

“Nó chẳng có lỗi gì,” quan chương nhạc nói, “chúng ta sẽ điều chỉnh được thôi.”

Thế rồi họ để cho chim gỗ hát một mình. Nó cũng thành công không kém chim thật, thêm vào đó, lại ưa nhìn vì những trang sức lộng lẫy mà người ta phủ lên mình nó.

Chim gỗ hát hàng chục lần và không mệt mỏi; ai cũng muốn nghe lại từ đầu, nhưng hoàng đế phán rằng phải để cho chim thật đến phiên mình hát.

Nhưng khi mọi người quay lại tìm, thì họa mi đã biến mất tự bao giờ. Không ai để ý để hay rằng chim đã bay qua khung cửa sổ, trở về với khu rừng bát ngát của mình.

“Thế này là thế nào?” Hoàng đế ngạc nhiên hỏi.

Cả triều thần đều lên tiếng nguyên rủa con chim họa mi là đồ vô ơn. “Tuy thế, chúng ta cũng có con chim hay nhất đây rồi.”

Chim gỗ lại hát, lần này là lần thứ bốn mươi lăm, cũng cùng một âm điệu, nhưng vua quan không phân biệt được vì họ có hiểu gì về âm nhạc đâu.

Quan chương nhạc cứ khen lấy khen để con chim nhân tạo và cho rằng nó hay hơn chim thật nhiều, chẳng những cái dáng thể bên ngoài mà còn ở bên trong nữa.

“Tâu hoàng thượng, thưa quý bà, quý quan, đối với chim thật, quý ngài không thể biết trước chim sẽ ca điệu chi, ngược lại, đối với chim gỗ, quý ngài tùy nghi lựa chọn, vì nó được sắp xếp sẵn. Quý ngài có thể tháo chim ra, xem thấy sự sắp xếp tinh vi của điệu nhạc valse, nốt này luyện theo nốt nọ tài tình như thế nào.”

“Đúng như ý kiến của chúng ta.” Mọi người biểu đồng tình, và vị quan chương nhạc phải thu xếp để đem chim gỗ biểu diễn trước công chúng vào ngày mai.

Dân chúng được nghe chim gỗ hát, và ai cũng say mê như lần đầu được nghe chim họa mi thật ca hát, người Trung hoa có cái cá tính như thế đó.

Họ đồng thanh la lên: “Ồ!”, họ cùng chỉ ngón tay lên trời, và gật gù lắc lư cái đầu. “Tiếng chim nghe rất hay, không thua gì chim thật, nhưng có điều gì thấy thiếu thiếu mà ta không thể nhận ra được.”

Con chim họa mi thật bị đuổi ra khỏi nước. Chim giả lại được thay vào chỗ chim thật, trong cái lồng vàng, treo bên giường ngủ hoàng đế. Nó nhận đủ thứ quà gồm toàn bằng vàng và quý kim. Nó được phong tặng là: “Ca sĩ thượng thặng số dzách của Hoàng gia.” Mỗi khi vào triều, nó được đứng ở vị trí đầu tiên phía bên trái; vì theo hoàng đế, phía trái là phía con tim, quan trọng nhất. Quan hàn lâm viết hàng chục bộ sách về chim gỗ; bài viết dài lê thê và theo mẫu tự Trung hoa ngoằn ngoèo, chấm phết như cọng trà tàu. Thần dân Trung hoa đều đọc sách bởi vì họ sợ sẽ bị coi là ngu si và nhất là có thể bị tội chém đầu.

Thế rồi ngày qua tháng tới, đã tròn một năm. Cả hoàng đế, cả các vị quan lớn bé, cả thần dân đều thuộc nằm lòng những điệu hát của chim họa mi nhân tạo; đến nỗi họ có thể cùng quây quần và hát theo bản nhạc. Đâu đâu, trên đường phố, ngoài cánh đồng cũng đều nghe bọn trẻ con hát “zizizi” hoặc “Cluck, cluck, cluck”. Cả hoàng đế cũng hát thế.

Bỗng một chiều nọ, trong khi chim máy trở giọng hát líu lo, hoàng đế thì nằm dài trên long sàng thưởng thức, có một cái gì đó bên trong con chim bỗng trục trục. Cái lò xo bung ra, tất cả các trục, các dây thiêu ngưng hoạt động, và con chim ngưng hát.

Hoàng đế nhảy bung ra khỏi giường và cho gọi quan Ngự Y đến. Nhưng ông ta biết làm gì bây giờ? Họ đưa chim đến một người thợ đồng hồ; sau khi xem xét qua thật kỹ lưỡng, ông ta sửa lại chút đỉnh và nói rằng chim đã bị xài quá lâu, nay cơ phận đã hao mòn, chẳng thể nào tân trang lại như ngày nào. Đúng là một chấn động lớn. Họ chỉ dám đề nghị chim sẽ hát một lần mỗi năm thôi. Chỉ có quan chương nhạc là dám dùng lời lẽ văn hoa nhất để thuyết phục hoàng đế thôi.

Rồi năm năm nữa trôi qua, cả nước Trung hoa chìm trong nỗi buồn rầu vì hoàng đế lâm trọng bệnh. và có thể không thoát khỏi lưới hái tử thần. Đông cung thái tử được chọn để sẵn sàng thừa kế ngôi vua. Nơi đâu, thần dân cũng tụ tập để hỏi vị quan hầu cận về tình hình sức khỏe của hoàng đế.

“Ppsiii” ông ta chỉ gật gù đầu để thay câu trả lời.

Trong cung, hoàng đế nằm im lặng trên giường bệnh, da tái nhợt, thân thể lạnh toát; cả triều đình đều nghĩ rằng ngài khó qua khỏi con trăng.; và họ quay ra tâng nịnh vị vua trong lai. Các đại thần thì lo bàn quốc sự, trong khi các quan nội giám thì lo tiệc tùng đãi đằng. Họ phủ khăn trắng khắp nơi, dọc theo hành lang, trong nội cung, không khí trở nên tịch mịch đầy vẻ chết chóc. Nhưng hoàng đế chưa chết. Ông nằm bất động trên chiếc giường gỗ gụ to lớn, phủ quanh là những tấm lụa Ba tư sặc sỡ. Cửa sổ bên giường mở rộng nhìn ra vườn hoa; ánh trăng chiếu dịu dàng trên thân thể ông, và chú chim gỗ đậu bên ông.

Hoàng đế thở nặng nề, như có một vật nặng đè lên ngực, ngài mở đôi mắt và như nhìn thấy tử thần đang kề cận. Một tay tử thần cầm lấy thanh kiếm lệnh của vua, một tay kia là quốc ấn. Quanh vua, vây bọc bởi hàng trăm bóng ma, người thì lấp ló, kẻ thì tỏ ra hớn hờ, có kẻ biểu lộ sự thương cảm. Đó là những thần dân, quan lại mà hoàng đế từng cư xử tốt, xấu tùy lúc. Nay là lúc mà họ chăm chăm nhìn vào hoàng đế trong giây phút chờ tử thần rước đi về bên kia cõi ta bà.

“Ngài có nhớ điều này không?”, một hồn ma nói. “Ngài có nhớ điều nọ không?” Hồn ma khác lại hỏi. Rồi chúng kể lể ra trăm thứ để quấy nhiễu vua.

“Ta chẳng biết gì cả!” Hoàng đế thều thào, “Nhạc đâu, nhạc đâu, hãy trở lên tiếng trống bát âm huyền ảo Trung hoa.” Ông la lên, “đề ta khỏi nghe bọn người này kể lể..” Nhưng bọn ma cứ thì thào bên tai ngài, và tử thần thì gật gù theo từng lời nói của chúng.

“Nhạc, nhạc,” Hoàng đế kêu lên, “hỡi con chim vàng quý báu, hãy hót lên, hót lên! Ta đã ban cho ngươi bao ngọc ngà châu báu, ta đã phủ trên mình ngươi bao nhiêu vàng bạc, ta ra lệnh, hãy hót lên.”

Chim vẫn đứng yên, im lặng, vì không có ai lên dây cót cho nó ca. Tử thần vẫn trở đôi mắt cú vọ nhìn ngài, tất cả chỉ là một sự yên lặng, cái yên lặng khủng khiếp.

Thình lình, từ cửa sổ, vang lên một tiếng hát ngọt ngào; đó là con chim họa mi thật đang đậu trên nhánh cây đào ngoài vườn. Chim hay được nguyện vọng của hoàng đế, và nó bay đến đem niềm an ủi và hy vọng cho ngài.

Chim càng hót, các khuôn mặt vây quanh hoàng đế càng lụi tan dần, máu trong thân thể ngài chảy mạnh lại, da dễ trở nên hồng hào, tứ chi ngài ấm lại. Ngay cả tử thần cũng phải lên tiếng: “chim ơi, cứ ca hót đi.”

“Vâng, nếu ông trả lại cho hoàng đế thanh gươm lệnh, chiếc ấn vàng; vâng, nếu ông trao lại cho ngài chiếc vương miện.”

Tử thần trao lại cho Hoàng đế những báu vật, mỗi thứ đổi lấy một bài ca. Chim ca về cảnh tịch mịch nơi sân chùa, chim ca ngợi khen đóa hồng đang nở, về những hương thơm ngào ngạt từ vườn hoa.. Tử thần chợt nhớ quê nhà mình, và như một luồng khí lạnh, ông ta bay biến vào không gian.

“Đa tạ, đa tạ,” Hoàng đế nói, “hỡi chú chim linh thiêng vô vàn quý mến, ta đã trực xuất ngươi khỏi giang san ta, thế mà ngươi vẫn đem tiếng hát xua đuổi tử thần để cứu ta, ta biết phải trả ơn ngươi thế nào cho vừa.”

“Ngài đã ban ơn cho thần,” chim kêu, “thần đã làm hoàng thượng rơi nước mắt lần đầu nghe thần ca hót, thần chẳng sao quên được hình ảnh đó. Đó chính là những hạt kim cương thưởng cho tấm lòng nghệ sĩ; Nhưng xin ngài hãy nằm yên nghỉ, sáng mai ngài sẽ thức dậy khoẻ khoắn, tươi vui; thần sẽ lại hót cho ngài nghe.”

Rồi chim tiếp tục ca, và hoàng đế chìm dần vào giấc ngủ ngon lành. Khi mặt trời chiếu rọi qua khung cửa sổ, ngài thức dậy, tươi khỏe hẳn ra. Chưa có một quan hầu nào đến với ngài vì họ tưởng rằng ngài đã chết. Chỉ có chim họa mi là vẫn ở bên ngài, tiếp tục ca hát.

“Người phải luôn ở cạnh ta!” Hoàng đế nói, “Người chỉ ca hát khi nào tùy thích, ta sẽ đem bẻ vụn con chim máy.”

“Xin ngài đừng làm thế,” chim âu, “chim máy đã làm đúng nhiệm vụ của mình. Thần có thể xây tổ trong vườn, cạnh ngài, nhưng hãy cho phép thần tự do, muốn bay đi đâu thì bay. Mỗi chiều, thần sẽ đậu trên cành đào kia, hát cho ngài nghe. Thần sẽ ca cho ngài những điệu nhạc, vui cũng như buồn, sẽ kể cho ngài về những người hạnh phúc cũng như những kẻ đau buồn; những điều hay cũng như những điều bất toại mà quần thần đã che đậy đối với ngài. Thần là con chim bé nhỏ, có thể bay muôn phương, đến tận kẻ nghèo hèn quê mùa để hay biết những điều bất hạnh của họ, những kẻ mà ngài chẳng hề hay biết về thân phận nhỏ nhoi. Thần yêu quý trái tim cao thượng của ngài hơn là ngôi báu cao vợi vợi này. Thần sẽ đến, sẽ ca cho ngài, nhưng xin ngài một điều ước hẹn.”

“Ta cho người mọi điều, cứ nói.” Hoàng đế đứng tựa vào thành giường, trong chiếc long bào mới thay, và tay cầm chiếc gương lện.

“Một điều, tâu hoàng thượng, xin ngài chớ nói cho ai hay rằng ngài có thần là con chim nhỏ bé đã tâu trình cho ngài hết mọi sự.”

Nói xong chim bay đi.

Đám quan lại chắc mắt hoàng đế đã băng hà, lục tục kéo vào để thăm dò; nhưng chúng ngạc nhiên thấy ngài tươi tỉnh đứng nhìn chúng và cất tiếng mỉa mai: “Chào các khanh.”

Công Chúa Thủy Tề The Mermaid

Xa tím ngoài khơi, nước xanh hơn những cánh lá xanh nhất và trong suốt như pha lê; nhưng sâu thăm thẳm mà không có neo nào có thể buông tới đáy; cho dù có chấp nổi hết thủy những ngọn núi từ đáy biển cũng chẳng thể cao lên tới mặt biển.

Bạn đừng tưởng rằng chỉ có tuyền cát trắng dưới đáy biển sâu! - không! ở đó cũng có những cây xanh tuyệt đẹp với những thân, là, cành mềm mại mà chỉ cần một cơn nhẹ cũng đủ làm chúng lay động. Tất cả các loài cá lớn, nhỏ bơi lượn quanh đám cây như những bầy chim bay trên không trung. Nơi sâu nhất là cung điện vua Thủy tề; những thành quách làm bằng san hô, những vòm cửa sỗ cao, nhọn bằng hổ phách trong suốt, mái điện bằng vỏ sò đóng mở theo dòng nước. Nhờ những hạt trai lông lánh trong vỏ sò đó, những vương miện của quý bà hoàng được trang điểm thêm phần giá trị và uy nghi.

Vua Thủy tề góa vợ đã lâu, mẹ vua chăm sóc hoàng cung. Bà là một phụ nữ thông minh, kiêu hãnh về dòng dõi quý tộc của mình. Trên chiếc đuôi cá của bà trang trí mười hai viên ngọc trai, trong khi các công nương chỉ được phép đeo tối đa là sáu viên. Bà có nhiều đức tính, mà cao quý hơn hết là lòng thương yêu vô bờ đối với các cháu nội. Đó là sáu nàng công chúa xinh đẹp, nàng út là đẹp nhất. Da nàng mềm mại, mịn như cánh hoa hồng mới nở, đôi mắt xanh thăm thẳm; nhưng cũng như các mỹ nhân ngư khác, nàng không có đôi chân mà thay vào đó là chiếc đuôi cá.

Các nàng công chúa vui đùa suốt ngày, quanh quần trong hoàng cung, nơi hoa lá mọc từ những khe hở của tường thành. Khi chiếc cửa sỗ bằng hổ phách mở ra, những chú cá bơi vào như những con chim én bay vào phòng chúng ta. Chúng thường bơi đến nàng út để được nàng cho ăn và vuốt ve như các cô trên đất liền săn sóc con mèo nhỏ.

Bên ngoài hoàng cung là khu vườn rộng, cành lá xanh tươi, những trái cây vàng óng ánh và những đóa hoa đỏ rực không ngừng lay động. Mặt đáy biển toàn là cát mịn, xanh lấp lánh như màu diêm sinh. Mọi vật như tắm mình trong một màu xanh biếc. Bạn có thể tưởng như đang ở trên vòm cao tít của bầu trời, phía trên và dưới mình chỉ là trời xanh chứ không phải đang ở dưới đáy biển sâu. Những khi bình lặng, bạn có thể nhìn xuyên qua màn nước thấy mặt trời rực rỡ như một bông hoa đỏ tía.

Mỗi nàng công chúa có một mảnh vườn nhỏ của riêng mình để trồng những cây hoa theo ý thích. Có nàng thích cắt xén cây theo hình con cá voi, có nàng tía hình mỹ nhân ngư; nàng út thì làm theo hình mặt trời và nàng chỉ trồng toàn hoa hồng đỏ.

Công chúa út tính trầm lặng và nhiều suy tư, tò mò. Trong khi các chị trang trí vườn bằng những vật nhặt từ các con tàu bị đắm; nàng út chỉ ưa thích bức tượng một chú bé bằng đá trắng chìm theo một con tàu nào đó. Bên cạnh bức tượng, nàng trồng một cây liễu đỏ, mọc nhanh lạ thường với những nhánh mềm uốn quanh tượng, phủ xuống nền cát xanh in bóng màu tím; ôi! chiếc bóng cũng lung linh như những cành thật.

Không gì làm cho nàng ưa thích bằng nghe những câu chuyện về loài người sống trên mặt đất. Nàng vờ nội kê cho nghe về những con tàu, những đô thị, những sinh vật kỳ lạ trên kia. Đối với nàng, điều kỳ thú nhất là những đóa hoa tỏa mùi hương mà hoa biển không có; cũng như những cây xanh có những con cá bay qua bay lại và biết ca hát

lú lo. Bà nội gọi những con cá đó là chim, nàng chẳng hiểu được, vì nàng có thấy chim bao giờ.

Nội nói: “Khi nào cháu đến tuổi mười lăm, cháu sẽ được phép bơi nổi lên mặt nước, ngồi trên mỏm đá dưới ánh trăng để nhìn những con tàu qua lại, cháu sẽ thấy cây xanh và những đô thị và nhiều nhiều nữa...”

Mỗi nàng công chúa cách nhau một tuổi, cô chị cả năm nay sắp đến tuổi mười lăm, như thế phải năm năm nữa mới đến phiên cô út. Các nàng đều hứa với nhau là sẽ kể lại những gì mắt thấy tai nghe khi đến lượt mình được nổi lên quan sát thế giới bên trên vì bà nội chẳng thể kể cho họ nghe hết tất cả những điều diệu kỳ mà trí tò mò của họ khó lòng thoả mãn.

Chỉ có nàng út là nao nức nhất, vì phải chờ đợi lâu nhất. Nàng đắm chiều, tư lự và trở nên mơ mộng. Nhiều đêm, nàng đứng tựa cửa nhìn qua màn nước xanh đậm, qua đó nàng thấy ánh trăng và những vì sao, ánh sáng mờ nhạt. Trăng sao khi nhìn qua màn nước trông lớn gấp bội so với khi ta nhìn từ mặt đất. Mỗi lần nàng nhìn thấy một bóng sẫm lướt qua, nàng nhận ra đó là một con cá voi hay một con tàu chở đầy những người thế gian. Những người này chẳng bao giờ có thể biết rằng có một nàng công chúa thủy cung xinh đẹp đang đứng bên dưới vron đôi cánh tay trắng muốt hướng về phía con tàu.

Đã đến ngày sinh nhật lần thứ mười lăm của cô công chúa lớn. Nàng được phép thực hiện một chuyến viễn du lên khỏi mặt nước kia. Khi trở về, nàng có hàng trăm câu chuyện lý thú kể cho các em, mà hơn hết cả, là được tắm mình dưới ánh trăng, trên bãi cát trong một đêm yên lặng; hướng đôi mắt về phía đô thị kế cận, thấy những ánh đèn lấp lánh như những vì sao; nghe những điệu nhạc, những tiếng động xe cộ, tiếng người cười nói, thấy cả những tháp giáo đường, tiếng chuông rền trong không gian.

Nàng út nghe mà lòng nôn nao xiết bao! Khi chiều xuống, nàng đứng tựa cửa nhìn qua màn nước xanh miên man suy nghĩ về những đô thành trên kia với những âm thanh, những ánh đèn, ao ước chính mình được nghe tiếng chuông ngân nga trong gió.

Năm sau, nàng công chúa thứ hai đến lượt, nhẹ bung mình lên mặt nước. Mặt trời vừa lặn, để lại một cảnh tượng huy hoàng mà theo nàng thật tuyệt vời. Bầu trời, và cả những đám mây vàng rực lên, đẹp vô ngần. Mây lơ lửng trôi trên nền màu đỏ, màu tím càng lúc càng nhanh dần. Một đàn thiên nga bay qua như một dải lụa trắng hướng về phía chân trời nơi mặt trời vừa lặn xuống. Nàng bơi theo, nhưng chỉ còn nhìn thấy màu mây hồng nhạt và màu nước xanh mờ.

Công chúa thứ ba phiêu lưu hơn, nàng bơi đến tận con sông rộng để thấy những cánh đồng xanh, những ngọn đồi trũng nhỏ, những lâu đài, những vùng quê trải dài theo khu rừng muôn màu muôn vẻ. nàng được nghe tiếng chim hót; mặt trời trở nên quá nóng đến nỗi nàng phải nhiều lần hụp lặn xuống để làn nước vuốt ve cho khuôn mặt mình dịu lại. Ở một bãi cát, nàng thấy một đám trẻ con trần truồng chạy nhảy, bơi lội; nàng đến gần tỏ ý muốn cùng nhập bọn vui đùa, nhưng chúng hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Một con vật đen đui tiến gần nàng sủa vang inh ỏi. Nàng quá sợ, vội trảm mình xuống biển. nàng chẳng bao giờ quên được những gì mình đã thấy, nhất là đám trẻ con biết bơi lội dù rằng chúng không có chiếc đuôi cá như nàng.

Nàng Tư nhút nhát hơn các chị, nàng chỉ dám nằm trên một mỏm đá xa tít xa mà theo nàng là nơi lý tưởng nhất để quan sát hàng dặm xung quanh. Ngược nhìn vòm trời cao vời vợi như chiếc chuông thủy tinh, nàng thấy những con tàu nhưng vì quá xa, nàng tưởng như đó là những con chó biển. Những con cá heo nhảy lượn, những chú cá voi khổng lồ phun nước như hàng trăm cái vòi quanh nàng.

Đến lượt cô Năm. Ngày sinh nhật nàng nhằm vào mùa đông, cho nên những điều nàng thấy được khác xa với những gì mà các chị đã kể. Biển xanh ngắt, đầy những tảng

băng trôi; mỗi tảng băng trông như một viên ngọc, nhưng quá lớn, lớn hơn cả tháp chuông nhà thờ; chúng đa hình, đa dạng và lấp lánh như kim cương. Nàng ngồi trên tảng băng lớn nhất, mỗi lần có con tàu đi qua, thủy thủ trên tàu kéo còi khi nhìn thấy nàng mỹ nhân ngư đang ngồi, mái tóc vàng xỏa dài bay trong gió lộng.

Trời về chiều, những đám mây đen vần vũ kéo tới; giông và sấm sét rền vang khắp nơi, những tảng băng bị sóng xô đẩy. Những con tàu hạ buồm, run rẩy lo sợ trong lúc nàng vẫn ngồi yên lặng, theo dõi làn chớp xanh tỏa xuống mặt biển.

Những lần đầu tiên của các chị được du hành, ai cũng say mê với những kỳ thú. Nhưng càng lớn dần và khi được hoàn toàn tự do đi lại, họ trở nên lãnh đạm và chỉ còn thấy nơi thủy cung là tuyệt vời nhất.

Nhiều lần cả năm chị em tay trong tay, bơi lên mặt nước. Họ cất tiếng hát trong trẻo toả vào không gian; và mỗi khi giông tố đến, những con tàu tưởng chừng sắp bị sóng gió đánh chìm, họ cất giọng mê hồn ca ngợi về kỳ thú nơi thủy cung, kêu gọi các thủy thủ chớ có sợ hãi. Nhưng các thủy thủ nào hiểu gì, họ tưởng như đang nghe tiếng gió gào; và có thể nào họ thấy được vẻ đẹp thủy cung, vì một khi tàu chìm là họ sẽ bị chết đuối và chìm xuống đáy bể như một cái xác không hồn.

Khi các cô chị rủ nhau đi, nàng Út ở lại một mình, trầm lặng tưởng muốn khóc. Nhưng các nàng nhân ngư đâu có nước mắt để khóc cho nên nàng đau đớn vô vàn. Nàng tự nói với mình: “Ôi! ước gì ta đủ tuổi mười lăm, chắc ta sẽ yêu mến cái thế giới bên trên và những con người kỳ thú trên đó.”

Sau cùng, sinh nhật thứ mười lăm của nàng đã đến!

Bà nội ân cần dặn dò: “Thế là cháu đã trưởng thành, ra khỏi vòng tay của nội. Đến đây để nội trang điểm cho cháu như đã từng làm cho các chị.” Bà đặt trên mái tóc nàng một chiếc mũ miện bằng hoa huệ trắng mà mỗi cánh hoa là một hạt trai. Bà ra lệnh tám con sò đeo vào đuôi nàng như biểu hiện địa vị của nàng. Nàng rên: “Đau quá.” “Cháu phải chịu đau để làm đẹp chứ.” Nội bảo.

Nàng Út chỉ muốn vứt đi những thứ trang sức nặng nề đó và thay vào bằng những bông hồng đỏ hái trong vườn nàng, nhưng nàng không dám vì lòng kính sợ đối với bà. “Chào bà.” Nàng lượn nhẹ nhàng như chiếc bong bóng trời lên mặt biển.

Mặt trời vừa lặn, những đám mây vẫn còn chiều sáng với những tia sáng màu kim nhũ và màu hồng; những ngôi sao bắt đầu lấp lánh trên nền trời hồng nhạt; không khí mát dịu và mặt biển lặng như tờ.

Một con tàu với ba cột buồm vừa thả neo. Thủy thủ đang vui chơi, ca hát đàn địch. Khi chiều xuống dần, những chiếc lồng đèn đủ màu được thắp lên trông giống như những lá cờ hiệu của các nước phát phối trong gió. Nàng Út bơi lại gần cửa sổ khoang thuyền. Mỗi lần sóng đẩy nàng lên, nàng có thể thấy bên trong những con người ăn mặc đẹp đẽ. Người trai trẻ đẹp nhất trong đám là một hoàng tử với đôi mắt to; chàng có lẽ chưa quá tuổi mười sáu. Họ đang cử hành lễ mừng sinh nhật của chàng. Những thủy thủ nhảy múa trên boong. Mỗi khi hoàng tử xuất hiện, hàng trăm pháo hoa được bắn lên làm vùng trời sáng rực như ban ngày; cô Út của chúng ta hoảng sợ lặn sâu xuống. Nàng cố trấn áp sự sợ hãi, lại trôi lên để nhìn thấy những tia sáng tỏa ra như những cánh hoa cúc đủ màu. Nàng chưa bao giờ thấy pháo hoa. Có những pháo lớn như cả cái nong treo lơ lửng trên không, in hình trên mặt nước xanh lơ. Trên boong sáng đến độ nàng có thể thấy rõ cả những dây thừng, những con người vui vẻ. Ôi! hoàng tử đẹp làm sao, nhất là khi chàng tươi cười tiếp đón khách khứa. Tiếng nhạc vang lừng trong bóng đêm tịch mịch.

Đêm đã khuya, nhưng nàng không thể rời mắt khỏi con thuyền và chàng hoàng tử đẹp trai. Khi đèn tắt, pháo hoa không còn được phóng lên, những khẩu thần công cũng ngưng bắn; nhưng sâu thẳm dưới đáy bể, vẫn còn vang tiếng rì rào. Trong khi nàng nổi

trôi trên ngọn sóng, con tàu trôi dần, những cánh buồm lại căng gió, sóng trở nên mạnh hơn; những đám mây tụ lại. Từ xa, trời đã bắt đầu nổi giông tố.

Một cơn giông hải hùng đồ ập đến. Thủy thủ cuốn vội buồm nhưng không kịp. Con thuyền bị nhồi lên xuống theo những ngọn sóng đen sì cao như cả những ngọn núi. Nàng Út lặn xuống rồi lại trôi lên trên đầu ngọn sóng như một con thiên nga. Nàng thấy thích thú với cảnh tượng này trong khi thủy thủ thì đang lo sợ. Con thuyền vỡ dần, cột buồm không chịu nổi cơn gió mạnh, gãy làm đôi; nước tràn vào khoang thuyền, thuyền nghiêng hẳn.

Bây giờ cô Út mới nhận thức cảnh nguy hiểm đang xảy ra cho đám người trên, và chính nàng cũng bị đe dọa bởi những mảnh vỡ của con tàu. Trong chốc lát, trời tối đen như mực, nhờ những tia chớp, nàng có thể quan sát sự việc đang xảy ra trên boong. Mọi người đang tìm cách tự cứu lấy mình, nàng dõi mắt nhìn theo Hoàng tử và khi con thuyền chìm hẳn, chàng cũng chìm theo xuống biển.

Thoạt đầu, nàng vui sướng vô cùng, vì chàng đang theo nàng về tận nơi xứ sở mình; nhưng nàng chợt nhớ ra rằng, con người trên mặt đất không thể sống dưới nước, họ chỉ đến thủy cung bằng cái xác không hồn. Không, chàng không thể chết, chàng phải sống cho nàng. Nàng bơi lại sát hoàng tử giữa đám gỗ bồng bênh, quên hẳn hiểm nguy. Nàng lặn xuống, trôi lên cho khi chạm được vào thân thể chàng khi đó đã hoàn toàn bất lực trước sóng dữ. Chân tay chàng đã rã rượi, đôi mắt đẹp đã khép kín và nếu nàng không cứu kịp, chắc chàng không thoát khỏi tay của tử thần. Nàng nâng đầu chàng lên khỏi mặt nước và để mặc cho làn sóng đưa đẩy họ đến bất cứ nơi đâu.

Qua sáng hôm sau, cơn bão đã tan, trên mặt biển không còn lưu lại dấu vết gì của con tàu. Mặt trời mọc lên rực rỡ, những tia nắng hồng như rọi sức sống lên đôi má hoàng tử, trong khi đôi mắt vẫn còn nhắm chặt. Công chúa hôn nhẹ lên đôi mắt chàng, lùa tay vào mái tóc chàng; nom chàng như một pho tượng nhỏ trong vườn hoa riêng của nàng. Nàng cứ hôn chàng và ước ao chàng sống lại.

Sau rốt, họ cũng dạt vào bờ nơi có những ngọn núi xanh; trên đỉnh núi còn đóng một lớp tuyết trắng lấp lánh như đàn thiên nga đang đậu trên đó. Gần bờ là dải rừng làm nền cho một ngôi giáo đường mà phía trước là một vườn cam đầy trái. Tại đây, biển khoét sâu vào tạo thành một cái vịnh nhỏ, mặt nước hoàn toàn phẳng lặng nhưng rất sâu ở ngay các mỏm đá. Nàng dìu chàng lên một bãi cát trắng, đặt nhẹ thân thể chàng xuống, để đầu chàng cao lên hứng lấy ánh nắng ấm áp của ban mai.

Từ trong giáo đường, tiếng chuông thông thả ngân vang. Một đàn thiếu nữ tung tăng khắp nơi trong vườn cam. Nàng Út bơi ra, nấp vào tảng đá lớn, lấy rong biển che lên mái tóc và phần trên thân thể chờ xem có ai phát hiện ra chàng trai đáng thương.

Không lâu, một thiếu nữ trong đám tiến lại. Ban đầu, chợt thấy hoàng tử, cô lùi lại vì giật mình; định thần lại cô mới gọi các bạn đến tìm cách cứu chàng. Công chúa thấy chàng tỉnh lại dần, nhòe miệng cười với những cô gái quanh mình. Buồn thay chàng không cười với nàng, vì chàng không hề biết rằng nàng vừa cứu sống mình. Nàng buồn bã nhìn đám thiếu nữ dìu chàng vào bên trong ngôi nhà nguyện và nảo lòng lặn xuống bơi về thủy cung.

Nàng trở nên trầm mặc hơn bao giờ hết. Nàng tránh trả lời các chị về những điều khám phá của mình trong chuyến viễn du đầu đời.

Nhiều lần, khi thì sáng, lúc thì chiều, nàng bơi trở lại nơi đã từ biệt chàng; nhưng chỉ còn nhìn thấy trái cây chín dần, tuyết tan dần trên đỉnh núi còn chàng thì biệt tăm hơi. Nàng trở về thủy cung, lòng nặng trĩu u sầu. Nàng tìm đến khu vườn vuốt ve pho tượng mà nhớ đến chàng. Nàng chẳng còn hứng thú chăm sóc khu vườn, để cho cây cỏ mọc tràn lan vì, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Sau cùng, không thể một mình chịu đựng nỗi sầu, nàng thổ lộ cùng một trong các chị; rồi từ người này, tin lan ra người kia. Một chị nào đó, biết rất rõ về hoàng tử, biết nơi ở, biết cả vương quốc của chàng.

“Nào, lại đây em bé nhỏ của chị.” Các chị gọi nàng, và rồi sáu chị em, tay trong tay, bơi về phía hoàng cung của hoàng tử.

Nơi vương quốc của chàng, cung điện được xây bằng những phiến đá lớn màu vàng sáng chói với các bậc cấp bằng cẩm thạch, có một con đường cũng bằng đá dẫn xuống hoa viên. Mái lâu uốn cong, giữa những cột cao là hàng tượng đá giống như những người thật. Nhìn qua khung cửa kính trong veo, bạn có thể thấy rõ những dãy hành lang dài hun hút trang điểm bằng lụa là và vô số bức tranh tuyệt tác. Chính giữa sân đường là một vòi phun nước cao tận nóc; ánh sáng rơi vào những tia nước, phản chiếu lên những cây hoa mọc quanh bể cá.

Bây giờ, nàng đã biết nơi chàng ở. Nàng năng lui tới những khi chiều tà; nàng bơi gần hơn vào bờ, có khi mạo hiểm vào tận con kênh dưới hành lang. Nàng ngồi say đắm nhìn chàng trai trong khi chàng vô tình tưởng rằng chỉ có mình chàng dưới ánh trăng thanh.

Nhiều lần, nàng thấy chàng dong thuyền dạo chơi, tiếng nhạc văng vẳng; nàng vượt lên mặt nước và nếu ngọn gió tình cờ thổi tung mái tóc nàng, nếu có ai tình cờ thấy được cũng tưởng nàng là một con thiên nga đang tung cánh mà thôi. Nhiều đêm, nàng nhìn thấy đàn chài bắt cá dưới ánh sáng ngọn đuốc; họ ca ngợi hoàng tử; nàng cảm thấy trong lòng dâng lên niềm xúc động và hạnh phúc vì đã cứu sống chàng. Nàng làm sao quên được giây phút chàng mê man tựa đầu vào ngực nàng, nàng đã hôn chàng say đắm. Chàng nào có biết gì về nàng đâu, dù trong cả giấc mơ.

Càng ngày, nàng càng thấy mình có nhiều tình cảm với loài người, nàng tha thiết được sống với họ trên đất. Thế giới của họ rộng lớn biết bao! Với những con thuyền, họ có thể vượt đại dương; họ có thể trèo lên những đỉnh núi cao vợi vợi, xuyên qua những cánh rừng già, hay qua những dải đất trải dài tận chân trời xa mà mắt nàng khó có thể nhìn tới. Biết bao điều nàng muốn biết thêm mà các chị không thể thỏa mãn được. Nàng tìm đến bà, tin rằng bà biết nhiều về thế giới kỳ diệu kia mà nàng đặt tên là thế giới bên trên biển cả.

“Nếu con người không bị chết chìm, họ có thể sống mãi không?” Nàng hỏi.

“Họ cũng chết như chúng ta,” nội đáp, “cuộc sống của họ còn ngắn ngủi hơn của chúng ta nhiều. Chúng ta sống đến ba trăm năm, khi chết, chúng ta hoá thành bọt biển. Chúng ta không có linh hồn bất tử, không có cuộc sống trong thế giới vô hình. Một khi đã chết và trở thành bọt biển, chúng ta không thể tái sinh nữa. Con người thì lại khác, họ có linh hồn sống mãi sau khi thể xác trở thành tro bụi. Linh hồn bay lên cao tận những vì sao đến những thượng giới huyền diệu mà chúng ta không sao biết đến.”

“Tại sao chúng ta lại không có linh hồn bất diệt hả nội? Cháu sẵn lòng đổi ba trăm năm đời mình để được sống một ngày với loài người kia, và linh hồn cháu sẽ được bay lên miền cực lạc.”

“Đừng nghĩ đại cháu ạ! Chúng ta hạnh phúc hơn họ rất nhiều.”

“Nhưng rồi cháu phải chết và hóa thành bọt biển, cháu sẽ chẳng được nghe tiếng sóng rì rào, chẳng được nhìn thấy những đóa hoa hay ánh sáng mặt trời! Có cách nào để có được linh hồn hả nội?”

“Có, nếu có một người trên đất yêu thương cháu thật tình, yêu hơn cả bản thân, yêu hơn cha mẹ mình, dành trọn trái tim cho cháu, và sẵn sàng để một linh mục làm phép cưới với cháu, lúc đó, linh hồn chàng ta sẽ truyền qua cháu, cháu sẽ được hưởng phần

hạnh phúc của thế gian. Nhưng điều này không sao xảy ra được! Cháu coi, nếu cái đuôi cá là đẹp nhất đối với chúng ta, thì con người lại ghê tởm nó; họ ít hiểu về chúng ta và chỉ coi đôi chân thô kệch của họ là đẹp thôi.”

Công chúa thờ dài, buồn bã nhìn xuống chiếc đuôi cá của mình.

“Vui lên cháu, chúng ta hưởng thụ ba trăm năm dài vui chơi thỏa thích, sau đó yên nghỉ, thế là đủ lắm rồi. Tối nay có dạ vũ trong hoàng cung đấy.”

Đêm nay, hoàng cung trang hoàng rực rỡ, huy hoàng. Vách tường và trần phòng khiêu vũ bằng pha lê trong suốt. Hàng trăm con sò khổng lồ đủ màu sắc, xanh đỏ tím vàng, đứng dọc từng hàng cầm những cây đèn xanh soi sáng căn phòng rộng. Ánh sáng xuyên qua pha lê, soi khắp cả hoàng cung. Những đàn cá lớn nhỏ bơi lội nhón nhờ quanh những bức tường phản hồi màu sắc lấp lánh. Ngay chính giữa gian phòng, những người cá khiêu vũ trong giòng nước bạc theo tiếng hát du dương mà người trần thế không sao có được. Nàng Út hát hay nhất trong đám, giọng nàng trầm bổng, tuyệt vời. Được tán thưởng, nàng thấy hạnh phúc vô cùng. Nàng tự biết mình có giọng hát hay nhất dưới thủy cung lẫn trên trần thế. Nhưng vui đó, lại buồn ngay đó vì mỗi khi nghĩ đến thế giới trên kia, nàng không thể không nhớ đến hoàng tử, và lại buồn vì chẳng bao giờ có được linh hồn bất tử như chàng. Vì thế, nàng lánh mình ra ngoài trong lúc mọi người tiếp tục vui chơi. Nàng ngồi buồn trong khu vườn một mình, thôn thức.

Đột nhiên, nàng nghe một tiếng còi, nàng tưởng chàng đang dạo chơi đầu đây. Chàng ơi, chàng là người ta yêu hơn cả cha mẹ, người mà ta đặt hết tâm trí vào, người mà ta sẵn sàng dâng hiến hạnh phúc cả đời ta. Ta chấp nhận hết mọi điều để có chàng và được một linh hồn bất diệt. Trong lúc các chị vui chơi, tại sao ta không thử đến tìm mộ phù thủy để nhờ cậy giúp đỡ?

Nghĩ là làm ngay, nàng bơi nhanh đến động phù thủy là nơi từ khi sinh ra đến nay, chưa bao giờ nàng dám bén mảng đến gần. Nơi đây chẳng có hoa, chẳng có rong biển mà chỉ tro bụi một bãi cát xám dài tận cửa hang. Nước ở đây xoáy mạnh và gầm rú như một cối xay. Nàng phải bơi qua những vùng nước xoáy đó, qua những bãi bùn đen ngịt để vào được tận giang sơn mộ phù thủy. Căn nhà mộ nằm khuất sau đám bọt bùn này, giữa đám rừng kỳ lạ đầy san hô nửa động vật, nửa thực vật; chúng nom như những con rắn trăm đầu ngo ngoe giữa bãi cát; những cành san hô giống như những cánh tay ma quái luôn vươn ra, ôm chặt lấy thứ gì vô phúc lọt vào tầm với của chúng. Nàng công chúa đứng lại bên ngoài, khiếp đảm nhìn đám san hô; tim nàng đập liên hồi, nàng muốn quay trở về. Nhưng nghĩ tới hoàng tử và linh hồn bất diệt, nàng lấy lại can đảm. Nàng cuốn gọn mái tóc bới quanh đầu cho gọn để san hô không tóm được, khoanh tay vào trước ngực và bơi nhanh qua hiểm nguy. Thấy động, đám san hô vươn hàng trăm cánh tay về phía nàng; có cánh tay đang kẹp những mẫu xương người trắng hếu, kinh hãi nhất là có cả xác một cô thủy nữ vô phước nào đó. Nàng bơi đến một cửa hang rộng giữa bãi sinh và đám rừng dày đặc, dưới chân nàng lúc nhúc những con rắn to mập đầy khoang vằn vện. Căn nhà mộ phù thủy xây bằng xương sọ những người chết, mộ đang ngồi ngay giữa, đút thức ăn cho một con cóc già. Mộ gọi những con rắn là những chú gà bé bỏng và để mặc chúng bò quanh ghế ngồi.

“Ta biết ngươi đến đây có việc gì rồi,” mộ nói, “thật là rõ đại, bởi ngươi chỉ nhận lấy những điều bất hạnh thôi, hồi nàng công chúa đáng yêu của ta. Ngươi muốn lột bỏ chiếc đuôi cá, thay vào đó là đôi chân để có thể bước đi như con người; ngươi muốn được hoàng tử yêu thương để vừa có chàng vừa có một linh hồn bất diệt. Được, ta sẽ giúp ngươi toại nguyện.”

Nói xong, mộ cười lên sảng sặc nghe ghê rợn đến nỗi con cóc và bầy rắn cũng phải bò đi ẩn mình sau ghế.

“Người đến quả đúng lúc, vì nếu để qua ngày mai, phải chờ đúng một trăm năm nữa mới tới giờ tốt để ta làm phép. Ta sẽ chế một bài thuốc, trước bình minh ngày mai, người phải bơi vào bờ, ngồi trên bãi cát và uống thuốc ta cho; chiếc đuôi cá sẽ biến mất và thay vào đó là đôi chân thon thon, nhưng người sẽ phải chịu đau đớn vô cùng, tưởng như có một mũi dao nhọn đâm xuyên qua thân thể người. Người sẽ trở thành một thiếu nữ đẹp chưa từng có trên thế gian. Người sẽ có một dáng đi tuyệt đẹp mà không một nữ vũ công nào sánh nổi. Nhưng nghe đây, cứ mỗi bước người đi, sẽ như có một ngọn dao đâm vào chân làm tươm máu. Nếu người có thể chịu đựng nỗi đau đớn như thế, nói đi, ta sẵn sàng giúp cho.”

Nàng công chúa lúc này còn nghĩ đến điều chi ngoài chàng hoàng tử và linh hồn bất diệt, trả lời bằng một giọng run run: “Được, tôi bằng lòng.”

“Nhưng khoan, hãy nhớ thêm một điều,” mẹ phù thủy nói thêm, “một khi người đã mang hình hài con người, người sẽ chẳng bao giờ trở lại là một thủy nữ. Người sẽ chẳng thể bơi về hoàng cung với các chị và phụ vương nữa đâu. Và nếu người không chiếm được tình yêu của chàng, không được chàng yêu hơn cha mẹ chàng, không được chàng cưới hỏi làm vợ, người sẽ chẳng nhận được linh hồn đâu. Ngay sáng sớm hôm sau hôn lễ của chàng với một người thiếu nữ khác, trái tim người sẽ tan vỡ, và người sẽ tan biến thành bọt biển trôi bèo bồng vô định.”

“Tôi xin nhận tất cả điều kiện trên.” Nàng nói, mặt xanh như tàu lá.

“Nàng phải trả công cho ta bằng giọng nói quyến rũ, êm ái của nàng. Ta dám cá rằng nàng sẽ lời cuốn chàng bằng giọng nói đó, nhưng nàng phải cho ta thôi. Nàng phải trả cho ta thứ quý nhất nàng có để đổi lấy toa thuốc quý nhất của ta vì ta phải trích máu mình mới bào chế được.”

“Nếu tôi cho bà tiếng nói của tôi, thì tôi còn lại gì?” Nàng đau đớn hỏi.

“Nàng vẫn còn dung nhan tuyệt đẹp, dáng đi yêu kiều, và đôi mắt trong xanh có thể nói lên ngàn lời. Chừng đó đủ cho nàng mê hoặc bất cứ người đàn ông nào. Sao? sợ rồi sao? Thôi, hãy thề lưỡi ra cho ta cắt rồi ta đi pha thuốc đây.”

Mẹ soạn nồi niêu để nấu thuốc. “Trước hết, phải lau chùi dụng cụ cho vệ sinh.” mẹ nói và bốc một bầy rắn làm nùi giẻ lau qua cái nồi.; xong, mẹ lấy dao đâm vào ngực mình trích những giọt máu đen ngòm cho vào nồi nước. Khói đặc bốc lên khiếp đảm. Mẹ lần lượt cho vào nồi hàng chục thứ lá, rễ cây... cho đến khi thuốc sôi, nó réo lên như con cá sấu khô khè. Thuốc pha xong, trong suốt như nước lã.

Mẹ trao thuốc và cắt chiếc lưỡi của công chúa. Bây giờ, nàng trở thành người câm không còn ca hát, nói năng gì được nữa. Mẹ dặn nàng:

“Trên đường về, nếu có con san hô nào chụp được người, hãy cho nó một giọt thuốc, nó sẽ tan ngay.”

Nàng không cần phải dùng thuốc để trị san hô, vì chỉ nhìn thấy ánh sáng lấp lánh từ chai thuốc, chúng đã sợ hãi tránh xa.

Ngoài nhìn về phía lâu đài của vua cha, nàng đoán cả nhà chắc đang ngủ say, vì phòng khiêu vũ đèn đóm đã tắt tự bao giờ. Nàng ngần ngại không dám bước vào, vì nàng đã trở thành người câm, và chẳng, nàng sắp lìa bỏ gia đình mãi mãi. Lòng nàng dâng lên một nỗi buồn tê tái. Nàng dạo vào khu vườn, hái nơi đám cây của các chị mỗi nơi một đóa hoa, gửi hàng trăm nụ hôn gió về phía hoàng cung và bơi nhanh vào bóng đêm.

Khi nàng bơi đến lâu đài hoàng tử, mặt trời chưa lên, mặt trăng vẫn còn tỏa ánh sáng xanh huyền diệu. Nàng chọn một chỗ vắng, ngồi uống thuốc. Vị thuốc cay sè và nàng cảm thấy như có vô vàn mũi dao đang đâm xuyên qua cơ thể mình. Nàng nằm lặng người như chịu chết. Khi những tia nắng mặt trời bắt đầu le lói trên biển đông, công chúa thức tỉnh, thấy người đau nhói. Nhưng kìa, trước mặt nàng là chàng hoàng tử đẹp trai

đang chiếu đôi mắt đen nhánh xuống thân thể nàng. Nhìn lại mình, nàng thấy một đôi chân xinh xắn, mịn màng thay thế hẳn chiếc đuôi cá. Nàng kéo tóc vàng óng ánh che đầy thân thể lỏa lồ. Hoàng tử hỏi nàng là ai, từ đâu đến? Nàng nhìn chàng dịu dàng, qua đôi mắt bộc lộ vẻ u buồn vì chẳng thể thốt lên được lời nào. Hoàng tử dịu dàng đứng lên đưa về lâu đài. Như mục phù thủy đã báo trước, mỗi bước nàng đi cứ như dẫm lên một cây gai nhọn, nhưng nàng cam chịu một cách hài lòng. Nàng tựa bên chàng, nhẹ nhàng như một chiếc bong bóng. Mọi người đi qua đều trầm trồ khen đáng đi của nàng tuyệt đẹp làm sao.

Chàng sắm sửa cho nàng những lụa là, gấm vóc. Trong xiêm y mới, nàng trở nên một thiếu nữ đẹp nhất trên đời; nhưng khôn thay, nàng không thể nói và ca hát như nàng từng nói và ca hát mới ngày qua thôi. Khi hoàng gia ngồi nghe đám nô lệ ca hát, họ vỗ tay khen ngợi những kẻ xuất sắc. Hoàng tử vỗ tay mạnh nhất, và nhìn nàng mỉm cười làm nàng đau nhói vì nàng biết nàng ca hay hơn cả trăm lần. Nàng nghĩ: “Phải chi chàng biết ta đã vì chàng mà vĩnh viễn mất đi tiếng nói và giọng ca!” Khi đám vũ công bắt đầu ra sân biểu diễn, nàng đứng dậy trên mười ngón chân, lướt nhẹ nhàng như một cánh bướm. Bước chân nàng duyên dáng quá, làm cho đám vũ công phải lặng lẽ rút lui. Đôi mắt u buồn của nàng như gọi bao thồn thức trong tim người xem còn mãnh liệt hơn vô vàn lời ca bóng bẩy. Hoàng tử chiêm ngưỡng nàng say mê, chàng gọi nàng là cô em bé bóng. Nàng say sưa nhảy múa dù rằng mỗi bước chân khi đặt xuống nền như là đạp trên ngọn gai. Hoàng tử âu yếm nói với nàng, cho phép nàng được ở bên cạnh chàng và ngủ bên ngoài cửa phòng chàng, trên chiếc nệm nhung.

Chàng còn sắm cho nàng bộ trang phục kỳ mã, để nàng sánh ngựa dạo chơi cùng chàng. Họ thường phi nước kiệu trong những khu rừng, nơi những cành lá thấp la đà trên vai nàng, nơi những con chim ca hót líu lo trên những vòm cây. Họ trèo lên những đỉnh núi cao, dù đau đớn trên mỗi bước chân, nàng cũng tỏ ra vui cười và quyết theo chàng cho đến khi họ vượt lên cao ngang tầm đám mây trắng đang trôi chậm về chân trời.

Về đến lâu đài, vào mỗi đêm khi mọi người say ngủ, nàng thường thơ thẩn trên các bậc thềm đá. Làn nước lạnh buốt về đêm làm dịu cơn đau của nàng và gọi nàng nhớ đến những người thân yêu dưới kia mà nàng đã lia bỏ.

Một đêm nọ, các chị, tay trong tay bơi đến với nàng. Họ vừa bơi vừa hát những câu náo ruột trách nàng đã gây cho họ nỗi buồn rầu. Từ đó, họ đến thăm nàng mỗi đêm, có khi có cả bà nội và phụ vương cùng đi; hai người chìa tay về phía nàng, nhưng không dám bơi đến gần.

Càng ngày, hoàng tử càng thân cận với nàng hơn. Chàng yêu thương nàng như một cô em gái, chàng chưa hề có ý cưới nàng làm hoàng hậu tương lai của mình. Đau đớn thay cho nàng, nếu nàng không thành vợ chàng, nàng sẽ chẳng bao giờ có được linh hồn và sáng sớm hôm sau ngày hôn lễ của chàng, nàng sẽ tan ra thành bọt biển.

“Chàng ơi, có phải em thân thiết với chàng hơn ai hết không?” Nàng như thảm hỏi chàng qua đôi mắt mỗi khi chàng ôm nàng vào vòng tay và hôn lên mi mắt nàng.

“Vâng, em là người thân yêu nhất của ta, vì em có một tâm hồn trong sáng, vì em là quý nhất đối với ta.” Hoàng tử như hiểu ý nàng và thủ thỉ trả lời. “Em cũng giống như một thiếu nữ mà một lần ta gặp nhưng không mong tái ngộ. Ngày đó ta bị đắm thuyền, sóng đánh dạt ta vào một bờ cát nơi có ngôi đền thờ và các thiếu nữ xinh tươi đang học đạo. Cô đẹp nhất trong đám tìm thấy và cứu sống ta. Ta chỉ gặp nàng một lần đó thôi. Nàng là người độc nhất trên đời mà ta có thể yêu thương. Em giống nàng lắm, em hầu như có thể thay thế hình ảnh nàng trong ta. Vì nàng là người đã hiến mình cho đức Chúa, chỉ còn em, như duyên trời đưa đến ta, chúng ta sẽ chẳng bao giờ xa nhau.”

“Trời ơi! Chàng chẳng hề biết chính ta là người đã cứu sống chàng,” nàng nghĩ, “ta mang chàng vượt qua bao sóng dữ, ta đặt chàng trên bờ, ta ngồi canh cho chàng cho đến khi có người tìm thấy chàng. Ta đã nhìn thấy cô gái đẹp mà chàng yêu nhiều hơn yêu ta.” Nàng thở dài cay đắng, vì nàng không biết khóc. “A! cô gái kia là người tu hành, cô thuộc về giáo hội, cô chẳng bao giờ trở lại cuộc sống thế tục, thế là họ chẳng bao giờ gặp nhau nữa. Còn ta, ta ở đây với chàng, gần gũi săn sóc chàng hàng ngày. Ta sẽ yêu chàng và dâng hiến đời ta cho chàng.”

Một hôm, người ta loan truyền tin hoàng tử sắp cưới một công chúa nước láng giềng và đang chuẩn bị một chiếc du thuyền lộng lẫy để đi đón dâu. Chàng sẽ ngự trên thuyền hoa, đi thăm lân quốc, nhưng rõ ràng là để đến thăm nàng công chúa kia. Chàng đem theo nhiều tùy tùng. Cô bé đáng yêu của chúng ta chỉ mỉm cười lắc đầu, vì nàng biết rõ ý định của chàng. Chẳng là chàng đã thổ lộ: “Ta phải đi một chuyến cho biết mặt cô công chúa xinh đẹp. Phụ vương muốn vậy, nhưng ngài không thể buộc ta phải cưới nàng làm vợ. ta chẳng hề yêu nàng! Nàng chẳng thể giống người đẹp mà ta hằng mơ tưởng; chỉ có em là giống nàng thôi. Nếu ta phải chọn hôn thê, thì đó chính là em vì ta yêu đôi mắt long lanh và dáng điệu tuyệt vời của em vô cùng.”

Nói xong, chàng hôn lên môi nàng, vuốt ve mái tóc nàng và đặt chiếc đầu xinh xắn của nàng lên trái tim mình. nàng bắt đầu thấy giấc mộng của mình sắp trở thành hiện thực.

Khi họ ngồi trên chiếc thuyền chu du ngoài biển khơi, hoàng tử hỏi nàng: “Em không sợ sóng biển chứ? ta đoán thế.” Chàng kể cho nàng nghe về biển, khi trời êm gió lặng cũng như khi biển gầm thét trong cơn giông tố.; về những loài cá tôm, về những điều kỳ thú do những người thợ lặn khám phá dưới đáy biển sâu. Nàng mỉm cười vì nàng biết rõ hơn chàng mà không thể kể cho chàng nghe được.

Một đêm, khi mọi người ngủ say chỉ còn anh hoa tiêu còn thức canh hải đồ, và nàng thì ngồi bên mạn thuyền cố giương đôi mắt nhìn qua làn nước để được thấy thủy cung, bà nội tìm đến với nàng, trên mái đầu bạc vẫn là chiếc vương miện quý giá khảm đầy trai.. Lần lượt các chị cũng kéo đến. Họ nhìn nàng buồn bã. Nàng cười, sắp kể cho các chị nghe điều hạnh phúc sắp có của mình thì tên hầu bước đến; các chị lặn xuống biển làm toé lên một đám bọt trắng.

Sáng hôm sau, tàu cập bến, bỏ neo ở thành phố thủ đô nước lân bang. Chuông nhà thờ đổ liên hồi, kèn trống nổi lên khắp nơi. Những toán lính ngự lâm diễu hành giữa rừng cờ xí để tiếp đón hoàng tử. Xứ sở này có một đặc điểm, là hội hè, tiệc tùng, khiêu vũ bất tận ngày đêm. Nàng công chúa không có mặt vì ở mãi một tu viện xa đang trên đường về. Các công nương quý tộc thường được gửi vào tu viện để học trong tuổi thiếu niên và chỉ được về nhà khi đã trưởng thành.

Cuối cùng, nàng về đến.

Cô gái thủy cung nôn nóng được xem mặt giai nhân. Đúng là cô thiếu nữ trên bãi biển năm nào đã đến với hoàng tử lúc nàng phải lánh xa. Nàng phải thành tâm ngợi khen nhan sắc có một không hai của tình địch. Đôi mắt xanh thăm thẳm như chứa đựng cả một khung trời mơ; làn da nàng mịn màng, trắng nõn.

Hoàng tử thốt lên khi vừa thấy nàng: “Chính nàng, chính nàng là người đã cứu ta hôm nào. Ôi! ta hạnh phúc dường bao!”

Chàng ôm lấy người vợ chưa cưới vào lòng, đê mê, bồi hồi. Quay qua nàng thủy nữ, chàng nói: “Thật là một niềm vui sướng tột cùng mà ta chưa hề dám mơ tới, em hãy chia sẻ cùng ta, vì em yêu ta hơn thầy mọi người.” Cô gái bé bỏng đáng thương cầm tay chàng hôn mà trái tim tưởng như đang vỡ vụn. Lễ cưới của chàng sẽ là tang lễ của nàng, và nàng như đang tan biến thành bọt sóng.

Chuông nhà thờ lần này ngân nga báo tin vui. Khắp phố phường, người ta giăng hoa đèn rực rỡ. Giữa đám người reo vui tung bùng, đôi tân hôn, tay trong tay, đứng nhận ơn phước từ vị giám mục chủ lễ. Nàng Út trang điểm trong bộ lễ phục bằng lụa có viền những sợi vàng. Nàng đứng nâng đuôi áo cô dâu, nhưng đôi tai ù lên không còn phân biệt được các thứ âm thanh; mắt nàng mờ dại đi còn nhìn thấy chỉ những điều huy hoàng chung quanh. Nàng chỉ còn nghĩ đến cái chết đau đớn, nghĩ đến những gì đã, và sắp mất mát trên cõi dương thế này.

Ngay trong chiều hôm đó, khi lễ cưới tan, đôi tân hôn lên thuyền hoa giữa tiếng súng thần công và hàng ngàn bàn tay vẫy chào. Một căn lều màu hồng được lên căng ngay giữa sàn tàu làm nơi cho hai người nghỉ qua đêm. Con thuyền bồng bềnh trên mặt nước trong nhờ tấm buồm căng gió.

Khi đêm tới, người ta thắp đèn lồng cho thủy thủ nhảy múa vui chơi. Nàng công chúa thủy tề sực nhớ lại cái đêm đầu tiên khi nàng rời thủy cung bơi lên mặt biển trong dịp sinh nhật thứ mười lăm của mình; cũng những cảnh huy hoàng, sôi động như đêm nay. Nàng hoà mình vào đám người, nhún nhảy trên đôi chân đẹp. Chưa bao giờ nàng nhảy đẹp như đêm nay. Tuy mỗi bước là một lần cực hình, nhưng nàng không cảm thấy đau vì nỗi đau trong lòng còn mãnh liệt hơn. Nàng biết đêm nay là đêm cuối cùng trong đời mình, đêm cuối cùng được cùng chàng thờ chung một bầu không khí. Nàng ngược nhìn lên bầu trời cao rộng và những vì sao lấp lánh; một đêm dài vô tận mà sau đó chẳng có gì cho nàng. Cả một giấc mơ hoa tan biến, cả hạnh phúc, cả linh hồn bất diệt... chẳng có gì cho nàng sau đêm nay...

Cuộc vui đã tàn, nhưng nàng vẫn còn tiếp tục nhảy múa với ý nghĩ về cái chết lớn vờn trong tâm trí. Hoàng tử ôm hôn người vợ xinh đẹp, nàng ngược lại cũng đùa cợt với chàng, sau đó họ rút vào bên trong lều hồng. Boong tàu trở nên tĩnh mịch. Nàng Út vẫn đứng tì tay vào mạn thuyền nhìn về phương đông chờ tia bình minh của ngày tới sẽ đưa nàng vào bóng đêm vĩnh viễn.

Các chị tìm đến nàng trong giây phút tang tóc này, ai cũng ảo não, nàng không thấy mái tóc đẹp của họ trên sóng nước vì họ đã cắt cụt hết rồi.

“Em ơi, các chị phải cho mụ phù thủy những mái tóc đẹp để mụ giúp kế cho em khỏi chết vào ngày mai. Đây là con dao bén của mụ ấy, trong đêm nay, chạm lăm lăm là trước khi mặt trời mọc, em phải đâm dao sâu vào tim hoàng tử. Máu chàng chảy ra sẽ hàn gắn đôi chân em để trả lại cho em chiếc đuôi cá. Em sẽ trở về cuộc sống thủy nữ, về với các chị, với phụ vương, với thái hậu và sống cho hết ba trăm năm. Nhanh lên em, hoặc em, hoặc chàng phải chết trước khi bình minh. Nội đã rất đau lòng khi thấy các chị hy sinh mái tóc mình trao cho phù thủy. Giết chết hoàng tử đi, nhanh lên em! Em thấy chưa, ánh hồng đã rạng nơi chân trời, chỉ giây phút thôi, mặt trời lên thì còn gì là đời em.”

Nàng út nhận dao, bước vào vén lều lên nhìn thấy công chúa đang nằm tựa đầu lên ngực người mình yêu. Nàng cúi xuống hôn nhẹ lên mắt chàng rồi ngược nhìn lên màn trời, thấy đêm tan dần. Nàng cúi nhìn ngọn dao bén rồi lại nhìn chàng trai đang trong giấc nồng gọi tên vợ yêu. Đứng rồi, chàng chỉ biết có vợ thôi. Cô gái đáng thương nắm chặt chuôi dao nhưng đột nhiên quăng mạnh xuống giòng nước lúc này đang lấp lánh những tia hồng từ mặt trời đang nhô dần lên.

Một lần nữa, nàng ngoái nhìn hoàng tử, đôi mắt dại đi lảng vãng bóng tử thần. Nàng gieo mình xuống biển, thân thể nàng tan nhanh thành những bọt biển vật vờ.

Mặt trời lên cao, tia nắng ấm soi vào đám bọt, cô út thấy mình chưa chết. Nàng thấy trong ánh sáng dịu dàng buổi ban mai, hàng trăm sinh vật trong veo nhờn nhờn quanh nàng. Nàng cũng nhìn thấy cả con thuyền và vòm trời hồng lên. Các sinh vật lạ này cất lên tiếng nói êm ái, nhưng người trần không thể nghe được, và họ cũng không thể thấy

được chúng. Nhẹ nhàng như chiếc bóng, chúng bay lượn trên không trung. Từ đám bọt biển, nàng thấy mình đã thoát ra và cũng trở thành thứ sinh vật trong veo đó.

“Ta đang là gì đây?” Nàng tự hỏi, âm thanh nàng thoát ra cũng thanh thoát khác xa với thứ âm thanh trước đây.

Đám sinh vật trả lời giùm nàng: “Em đang biến thành con gái của không gian, vì thủy nữ như em không có linh hồn bất diệt nếu không được người thế gian yêu thương chân thành. Linh hồn em phải nương vào một quyền lực siêu nhiên. Các chị đây cũng thế, nhưng nhờ phẩm hạnh và các điều tốt mình đã làm được thì may ra sẽ được ban cho một linh hồn. Chúng ta bay qua những vùng nhiệt đới, dùng hơi gió mát để cứu những con người đang bị cơn nóng và bệnh dịch hành hạ. Chúng ta mang tình thương để hàn gắn nỗi đau khổ của những kẻ bất hạnh. Trong ba trăm năm, nếu chúng ta hết lòng làm việc thiện, chúng ta sẽ có được một linh hồn và cũng được siêu thoát nơi miền cực lạc như những người trần thế vậy. Em ơi, em đã chịu đau khổ và đấu tranh với bản thân mình như các chị từng làm, nên em cũng được trở thành con gái của không gian. Giờ đây, em sẽ bắt đầu ba trăm năm thử thách, làm việc thiện để được hưởng một linh hồn bất diệt.”

Nàng út đưa hai cánh tay trong veo về phía mặt trời, lần đầu tiên trong đời nàng, những giọt nước mắt lăn dài xuống đôi má.

Trên con thuyền, hoàng tử và đám tùy tùng đang đảo đảo tìm nàng. Họ u sầu nhìn xuống mặt nước, như thể họ tưởng nàng gieo mình tự vẫn. Nàng công chúa thủy cung, lúc này đã hoá ra vô hình, hôn lên mắt cô dâu và mỉm cười với hoàng tử rồi bay lên không trung với những bạn mới.

“Ba trăm năm sau, chúng ta sẽ được lên thiên đàng.”

“Có thể sớm hơn, nếu mỗi ngày chúng ta bay vào những căn nhà kia và tìm thấy một đứa trẻ hiếu thảo, biết làm vui lòng cha mẹ; Thượng đế sẽ rút ngắn thời gian cho chúng ta. Những trẻ em chẳng biết rằng chúng ta đang bay lượn trên đầu chúng. Mỗi lần chúng ta mỉm cười sung sướng vì thấy chúng làm một điều tốt, chúng ta sẽ bớt được một ngày thử thách. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta bắt gặp một đứa trẻ hư hỏng, chúng ta sẽ phải nhỏ giọt nước mắt u sầu, thì cuộc thử thách của chúng ta sẽ kéo dài thêm một ngày nữa.”

Vườn Địa Đàng The Garden of Paradise

Ngày xưa, tại một vương quốc nọ, có một hoàng tử rất thích đọc sách. Tủ sách của cậu có rất nhiều sách quý mà trên đời không ai khác có thể sắm nổi. Qua các cuốn sách quý đó, cậu biết được nhiều điều xảy ra khắp nơi trên trái đất, biết được mọi loài thảo vật, súc vật với đủ hình ảnh minh họa. Cậu biết hết về dân số, địa dư, sinh hoạt của các dân tộc từ đông sang tây. Nhưng buồn thay, trong hàng vạn trang sách đó, không một dòng chữ nào cho cậu biết rõ về vườn Địa đàng, nó nằm ở xứ sở nào, cách xa bao dặm?... mà đó lại là điều cậu khao khát muốn biết nhất. Ngày còn bé tí teo, chưa đến tuổi đến trường, cậu thường được bà nội kể cho nghe rằng nơi vườn Địa đàng, mỗi bông hoa là một chiếc bánh thơm ngon; từ nhụy hoa tươm ra lai láng chất rượu vang tuyệt hảo. Điều kỳ diệu là ai ăn được chiếc bánh đó sẽ học hỏi được thêm vô vàn điều mới lạ; càng ăn nhiều, càng thông thái. Cậu tin những điều này. Nhưng càng lớn lên, càng thông minh thêm, càng học được nhiều hơn, cậu càng tin rằng nơi vườn Địa đàng còn lắm điều kỳ thú, vượt xa những chuyện mà bà đã kể.

“Tại sao Eva lại hái trái cây Thông thái? Tại sao Adam lại ăn trái cấm? Nếu hai người không vi phạm điều cấm của Chúa trời, thì chắc tội lỗi đã không xảy ra trên trái đất?...vân vân và vân vân.”

Cậu thường tự đặt câu hỏi mà không sao trả lời được. Cho đến năm mười bảy tuổi, cậu vẫn còn mang nặng mỗi ưu tư này. Đầu óc cậu luôn bị ám ảnh về vườn Địa đàng.

Một hôm, chàng - hoàng tử nay đã đến tuổi thanh niên - thơ thẩn đi vào rừng. Chàng thích hưởng thú cô độc để suy nghĩ về chuyện đời như thế. Cho đến khi chiều xuống, mây tụ lại và đổ xuống cơn mưa tầm tã; trong rừng bỗng tối đen. Chàng trượt té xuống cỏ và đập mình vào một phiến đá. Người chàng ướt đầm vì nơi đâu quanh chàng cũng là nước. Chàng cố trèo lên một phiến đá lớn bao phủ bởi lớp rêu dày. Chàng gần như đuối sức khi nghe văng vẳng bên tai có tiếng xì xầm, và chàng chợt thấy phía trước hiện ra một cửa hang trong đó có ánh đèn lấp ló. Chàng lết về phía hang.

Chính giữa hang là một đồng củi đang bùng lên ngọn lửa đủ nóng để nướng một con mễn to đang chín tới. Con mễn béo trông ngon lành với đôi sừng lớn đang được một bà già quay chậm chậm, mỡ tuôn ra, chấy xèo xèo. Bà già thỉnh thoảng quăng thêm củi vào đồng lửa.

“Vào đây cậu, ngồi sát bên lửa cho áo quần mau khô.” Bà mời hoàng tử vào. Chàng nhìn bà già kỹ hơn. Đó là một bà lão tuy già nhưng còn rất khỏe mạnh, thân hình to lớn, cứng cáp, khuôn mặt nghiêm khắc.

“Nơi đây sao gió cuốn lồng lộng?” chàng hỏi

“Chưa đâu cậu bé, khi nào các con ta trở về, gió sẽ trở nên ào ạt hơn nhiều. Vì đây là hang gió, cậu biết không? các con ta là các vị thần gió bốn phương.”

“Thế ư, các thần gió ư?”

“Hỏi chi mà ngốc nghếch thế! các con ta làm những gì chúng thích, chúng ngao du suốt ngày tháng. Giờ này đang ở trên các tầng mây hay nhõn nhờ vùng xa nào đó.” Bà vừa nói vừa chỉ tay lên trời.

“Bà chỉ nói nhảm, bà không giống như các bà già ta thường gặp.”

“-! Ta chẳng nói quá lời đâu. Các con ta chẳng làm gì ngoài việc rong chơi. Ta khó mà kiểm soát được chúng nếu không thật độc đoán. Cậu có thấy bốn chiếc túi vải treo trên vách không? Các con ta sợ nhất là bị phạt nhốt vào túi, và ta chỉ thả chúng ra khi nào ta vừa ý thôi. Kia, một đứa đang trở về.”

Gió Bắc ào ào tốc vào hang, mang theo cả một luồng hơi lạnh giá; những hạt mưa đá rơi bộp bộp xuống nền đất cùng những bông tuyết trắng xoá bay lá tả. Gió Bắc mặc áo khoác da gấu, đầu đội chiếc mũ làm bằng da hải cẩu trùm kín tận mang tai. Chòm râu xồm dính đầy tuyết, thỉnh thoảng, những giọt nước đá nhỏ xuống áo.

“Đừng đi tới sát lửa,” hoàng tử la lên, “coi chừng rất nứt da.”

“Hề hề! ta mà rát ư.” Gió Bắc cười ồ lên. “Ta lại thích thế thì sao? Cậu này đúng là thứ sinh vật mỏng manh. Này, làm sao mà lọt vào hang này được thế?”

“Cậu ấy là khách của ta.” bà già vội nói, “Nếu con không thỏa mãn câu trả lời của ta thì cứ việc chui vào bị. Ý kiến của ta là thế.”

Gió Bắc dịu xuống, anh ta kể chuyện những nơi anh đã ngao du trong những tháng qua.

“Con từ biển Artic về, ở tận trên đảo Behring với đám thợ săn hải cẩu. Bọn Nga đầy mà. Trong lúc họ giương buồm xuôi về mũi Bắc, con đậu trên tay lái, ngủ một giấc dài. Thỉnh thoảng con đánh thức bầy chim hải âu cho chúng bay lượn chập chờn dưới chân con. Đúng là bọn chim kỳ lạ, chúng chỉ cần đập cánh vài lần rồi sải cánh ra, cú thể mà lượn mãi trên không.”

“Câu cho chúng không đuổi sức,” bà già nói, “rồi cuối cùng con cũng tới Berhing chứ?”

“Thật tuyệt mẹ ạ! Mặt đất rộng như một cái sàn nhảy, phẳng lì như cái bánh đúc, phần thì phủ tuyết, phần thì rêu phong. Ở đâu cũng thấy những bộ xương cá voi và bọn gấu trắng nhõn nhờ. Nơi đó chắc chưa hề có ánh nắng mặt trời chiếu xuống. Con thổi phù một hơi vào làn sương giá để có thể thấy rõ cái chuồng. Đó là một cái khung làm bằng các mảnh tàu vỡ, mái che bằng những tấm da cá voi lộn mặt trong ra ngoài, chỉ thấy toàn màu xanh và đỏ. Một con gấu trắng ngồi trên nóc nhà gặm gù. Con bay qua vùng bờ biển để ngắm các tổ chim, thấy mấy chú chim con kêu chim chíp; con thổi phù cho một cái, dạy cho chúng biết cầm miệng. Xa xa lại có bầy hải sư lặn mình trên bãi biển như những con bọ hung khổng lồ với cái đầu heo và những chiếc răng dài cả thước.”

“Con kể chuyện hay thật, con trai cưng của mẹ, nghe chuyện mà mẹ cứ ngỡ như thấy tận mắt.”

Gió Bắc kể tiếp:

“Mẹ biết không? Họ đi săn. Họ phóng những ngọn giáo dài ngập vào tận buồng phổi của con hải sư; máu trào ra như thác nước nhuộm đỏ nền băng. Con cũng nhập cuộc, con thổi lên từng ngọn gió làm cho những tảng băng sơn va vào mạn tàu. -i chào, họ hét lên, nhưng làm sao át nổi tiếng gào của con được. Họ đành phải vứt bỏ những con hải sư, vứt bỏ hòm xiềng và dây nhợ để trốn đi. Con tạt vào mặt họ những băng tuyết và đẩy cho họ trôi đi xuống phương nam, cho biết mùi nước lợ. Họ sẽ chẳng bao giờ dám trở lại Berhing.”

“Con lại làm bậy rồi.” Bà mẹ quát.

“Người khác sẽ kể chuyện tốt của con cho mẹ nghe. Kia, anh con từ phương tây về. Con khoái anh ấy nhất nhà, người anh toàn mùi biển cả, anh luôn mang theo con gió nồm mát mẻ.”

“Có phải chàng Zephyr bé nhỏ không?” Hoàng tử tò mò hỏi.

“Đúng đây, nhưng chàng Zephyr chẳng còn bé nhỏ nữa. Một thời xa xưa, anh ta là một đứa bé xinh xắn, nhưng xa xưa lắm rồi.”

Gió Tây có bề ngoài như một chàng trai hoang dã, chàng đội chiếc mũ dày, tay cầm một cái chày bằng gỗ mun, loại gỗ quý chỉ có ở Mỹ châu.

“Con từ đâu về, làm những gì? kể cho mẹ nào.”

“Từ những khu rừng hoang, nơi chỉ có gai mọc giữa các hàng cây cao, nơi chỉ có rắn rết bò trên những vùng đất ẩm ướt, nơi mà con người chẳng hề dám bén mảng đến.”

“Con làm gì ở cái xứ ấy?”

“Con quan sát những giòng sông hùng vĩ, coi nó xói mòn những tảng đá lớn. Rồi con phiêu lưu theo những đám mây đến tận cầu vồng nơi chân trời. Con thấy những chú bò mộng bơi theo giòng nước, quây mình làm cho bầy thiên nga bay vút lên trời xanh. Con khoái chí thổi lên từng cơn gió lớn làm cho cây cối bật gốc và cũng cuốn bay như những con chim lớn.”

“Chỉ có thế sao?”

“-! còn lắm thứ vui. Con bay về miền Savannahs, đùa cợt cùng bầy ngựa hoang, con lắc cây cho trái dừa rụng kêu bộp bộp. Còn nhiều chuyện khác, nhưng ai đại gì kể hết ra chuyện của mình. Phải không mẹ?” Nói xong., anh ta ôm hôn mẹ thật nồng nàn đến nỗi bà già suýt bật té. Đúng là một con người hoang dã!

Đến lúc này thì Gió Nam vừa về tới. Anh ta ăn mặc như một người Ả Rập.

“Chà! trong này lạnh quá, chắc là Gió Bắc đã về từ lâu.” Vừa nói, Gió Nam vừa cho thêm củi vào bếp.

“Nóng quá xá, chắc đủ quay chín một con gấu.” Gió Bắc la lên.

“Gấu là anh gấu đây!” Gió Nam châm biếm.

“Lại cãi cọ, mẹ cho vào cả trong túi hết. Ngồi trên phiến đá kia, kể cho mẹ nghe con đã đi những đâu.”

“Con ở Phi châu về, mẹ ạ. Con đi săn sư tử với dân Hottentots ở Kaffirland. Chao ôi, cỏ nhiều và xanh mướt. Con chạy đua với đà điểu, xem những con công múa xõe cái đuôi sắc sỡ đủ màu. Sa mạc thì toàn cát vàng giống như dưới đáy biển. Con gặp một đoàn lữ hành, họ khát quá đến nỗi phải giết nốt con lạc đà cuối cùng để lấy nước uống, nhưng chẳng thấm tháp gì. Mặt trời thì chói chang, cát thì nóng bỏng. Sa mạc mênh mông không thấy đâu là tận cùng. Con thổi lên thành một cơn lốc xoáy thật cao đến đỉnh trời. Mẹ có ở đó mà xem, bọn lữ hành trùm khăn lên che mặt và quỳ xuống trước mặt con như là trước chúa Allah của họ. Con chôn hết cả đám người trong đồng cát cao như kim tự tháp. Rồi con thổi cát đi, mặt trời chiếu xuống thiêu cháy hết hình hài họ; nay chỉ còn tro lại những mẩu xương khô. Kể lữ hành nào sau này qua đó thấy xương trắng mới biết thế nào là sa mạc.”

“Con chỉ làm điều ác.” Bà mẹ giận dữ la, “Chui vào bị ngay.” Không để cho Gió Nam kịp phản ứng, bà xách nách anh ta nhét vào bị. Anh ta lăn lộn trên mặt đất, nhưng bà ngồi đề lên, không cho rên rì.

“Các con của bà thật sôi nổi.” Hoàng tử nói.

“Đúng thế, nhưng ta có cách trị. Kia thằng út về.”

Gió Đông bước vào, ăn mặc như một chú chệt.

“Chắc con vừa từ bên Tàu về. Mẹ cứ tưởng con ở trên vườn Địa đàng.”

“Ngày mai con mới lên trên đó. Ngày mai mới đúng một trăm năm sau lần cuối con ở trên đó về. Con vừa từ bên Tàu, nơi con nhảy múa quanh các lâu đài và nghe tiếng chuông rền vang khắp nơi. Những vị quan lại đi dạo quanh phố phường, tay cầm gậy trúc. Họ vừa đi vừa hát 'Tổ chê, tổ chê, Tsing Tsang tsing' Con chẳng hiểu ý gì cả, con cũng hát theo 'Txing Txang Txu.’”

“Toàn chuyện vớ vẩn, chỉ có chuyện ngày mai con lên vườn Địa đàng là hay thôi. Con sẽ học lăm điều khôn. Nhớ uống nước suối Khôn ngoan và đem về cho mẹ một chai.”

“Con nhớ, mẹ! tại sao mẹ phạt anh Gió Nam trong bị? Cho anh ấy ra để anh còn kể chuyện về chim Phượng hoàng. Lần nào con lên Địa đàng, Chúa Tiên cũng đòi con kể lại. Mẹ chiều con, tha cho anh ấy. Con sẽ yêu quý mẹ nhất đời, con sẽ kiếm về cho mẹ thật nhiều trà ngon.”

“Mẹ chiều ý con, con cung của mẹ.”

Chàng gió Nam được tha, anh xấu hổ vì sự có mặt của hoàng tử.

“Đây là chiếc lá cọ mà Phượng hoàng chúa trao cho anh để gửi lên biểu Chúa Tiên; trên đó viết tiểu sử một trăm năm của Phượng hoàng. Tôi đã thấy chim chúa nổi lửa đốt cái tổ của mình và ngồi trên lửa điềm nhiên như một thầy fakia Ấn độ. Cùi cháy kêu rắc rắc và khói bốc lên khét lẹt. Cuối cùng chim Phượng hoàng ra tro, một cái trứng nở tung lên, chim Phượng hoàng con ra đời. Đó là con chim Phượng độc nhất trên trần thế, nó sẽ là chúa chim cai trị muôn loài trong một trăm năm tới. Nó gửi lời chào đến Chúa Tiên.”

Đến đây thì bà mẹ đứng dậy, kêu tất cả: “Thôi, ăn cái gì đi, đói lắm rồi.”

Họ ngồi quây quần bên bếp lửa ăn thịt con mên. Hoàng tử ngồi cạnh Gió Đông, họ chóng trở thành bạn thân.

“Kể cho tôi nghe về nàng Tiên và vườn Địa đàng.” Hoàng tử háo hức hỏi.

“Ngày mai, nếu hoàng tử muốn, tôi sẽ cõng hoàng tử lên đó. Kể từ ngày Adam và Eve bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng, thì chưa hề có một người trần tục nào đặt chân lên đó. Hoàng tử học Kinh thánh thì chắc rõ điều này.”

“ dĩ nhiên là biết.”

“Sau khi hai người phạm tội, Chúa Trời giận dữ làm cho Thiên đàng lún xuống đất, nhưng vẫn còn giữ được ánh mặt trời ấm áp, khí hậu êm dịu, và nét đẹp huy hoàng. Chúa Tiên, bà hoàng hậu của những chuyện thần tiên hiện sống trên đó, trong một hòn đảo Thiên thai, nơi thần chết chẳng hề héo lánh tới được, cuộc sống êm đềm và nên thơ. Ngày mai chàng sẽ ngồi trên lưng tôi, chúng ta cùng bay lên Địa đàng; bây giờ thì hãy im lặng, tôi cần ngủ một giấc cho lại sức.”

Sáng sớm hôm sau, khi tỉnh dậy, hoàng tử ngạc nhiên thấy mình đã ở trên cao chín tầng mây. Chàng đang cỡi trên lưng Gió Đông. Họ bay lên thật cao, đến nỗi khi nhìn xuống, thấy ruộng đồng, rừng rú, biển khơi trải dài ra như trên một tấm bản đồ đầy màu sắc.

“Chà, hoàng tử ngủ một giấc ngon thiệt. Ngủ thêm đi, vì chẳng có gì đáng xem phía dưới kia. trừ phi hoàng tử muốn đếm xem có bao nhiêu nóc giáo đường. Coi kìa, chúng giống như những cái chấm trắng trên nền xanh.”

“Tiếc quá, tôi ra đi mà không kịp từ giã bà mẹ và các anh của bạn.”

“Chẳng ai trách khi chàng đang ngủ.”

Họ bay nhanh hơn. Cây cối vùn vụt lùi lại phía sau. Trên mặt biển, tàu bè qua lại như những con thiên nga. Đến xế chiều, thành thị bên dưới chìm trong màn tối, ánh đèn

lấp lánh. Hoàng tử khoái chí vỗ tay liền được Gió Đông cảnh cáo là phải ôm thật chặt nếu không muốn bị rơi xuống đất và treo xác tòn ten trên đỉnh một tháp chuông nào đó.

Gió Đông bay nhanh còn hơn cả chim đại bàng trên trời Bắc Mỹ và dĩ nhiên là hơn hẳn những kỵ binh Kossack trên mình những con tuấn mã.

“Hãy nhìn dãy Hy mã Lạp sơn, kia là đỉnh cao nhất thế giới. Chúng ta sắp đến nơi rồi.”

Họ chuyển hướng về nam, không khí thoang thoảng hương thơm của hoa và mật. Mặt đất phủ đầy nho tươi chín mọng. Họ đáp xuống trên lớp cỏ êm. Hoa đủ loại rung trong gió như chào đón hai người.

“Chúng ta đến rồi sao?” Hoàng tử hỏi.

“Chưa, chưa đâu, chỉ sắp đến thôi. Hoàng tử có thấy vách đá và cái hang rộng phủ đầy nho dại kia không? Chúng ta phải đi qua đó. Hãy trùm khăn cho kỹ, mặt trời ở đây nóng lắm, nhưng đi sâu chút nữa sẽ lạnh vô cùng. Có thể nói bên này hang là mùa hạ, bên trong kia là mùa đông.”

Họ đi vào hang. Lạnh thật, nhưng không lạnh lâu. Gió Đông xòe đôi cánh chiếu sáng một vùng. Rõ là một cái hang kỳ lạ. Từ những phiến đá lớn, nước rỉ ra từng giọt, tạo thành thạch nhũ đủ muôn hình. Nhiều nơi thạch nhũ che hết phần trên hang, họ phải bò trườn sát đất như con rắn mối; có chỗ khác thì rộng rãi, thông thoáng.

“Đường lên Địa đàng mà cứ như đi qua địa ngục!” Hoàng tử phàn nàn, nhưng Gió Đông chẳng trả lời mà chỉ về phía trước, nơi có ánh sáng xanh dịu. Trên đầu họ, thạch nhũ thưa dần và trong veo như những cụm mây trắng dưới ánh trăng. Không khí mát dịu, thơm ngát hương hoa hồng.

Một giòng sông nước trong veo, chảy nhẹ nhẹ. Cá bơi lội tung tăng khoe lớp vảy bạc lấp lánh. Những con lươn tím, mỗi lần uốn mình, trên lưng ánh lên màu xanh biếc. Những hoa súng hồng lên giữa đám lá tròn đủ màu cầu vồng. Một chiếc cầu bằng đá hoa cương bắc qua giòng nước dẫn đến đảo Thiên thai, trong vườn Địa đàng.

Gió Đông ôm hoàng tử trong đôi tay khoẻ mạnh và lướt đi. Hoa lá đang cất tiếng ca hát những bài hát hay nhất mà thời thơ ấu ta thường nghe, tiếng hát du dương trầm bổng hoàng tử chưa hề được nghe ở cõi trần. Chàng cũng chưa bao giờ được nhìn thấy những cây lá đẹp và thác nước hùng vĩ như ở đây. Những giây leo đủ màu bao quanh một vòm tròn như những bức tranh minh họa trong Thánh kinh. Nơi đây, hoa lá, chim chóc, mọi vật đều phô hết vẻ huyền diệu của chúng.

Trên bãi cỏ non, một bầy chim công đang xòe đôi cánh sắc sỡ thi nhau nhảy múa. Nhưng khi hoàng tử thử đưa tay sờ vào, mới hay đó chỉ là những chậu cây cảnh đang lay động với những chiếc lá lớn như đuôi công. Đó đây, những con sư tử, cọp beo vui đùa hiền lành như những con mèo con. Chúng hiền đến nỗi những chú chim câu cũng dám đập cánh trên chọc.

Một nàng tiên tiến đến chào họ. Nàng mặc một chiếc áo choàng toả sáng như ánh thái dương, khuôn mặt hiền hậu như một từ mẫu. Nàng còn rất trẻ và đẹp tuyệt vời. Quanh nàng là các thiếu nữ xinh tươi trang điểm những ngôi sao lấp lánh trên mái tóc mềm.

Gió Đông trao cho nàng tiên chiếc lá cọ của Phượng hoàng chúa; đôi mắt nàng sáng lên vẻ thích thú. Nàng nắm tay hoàng tử và dẫn họ vào trong lâu đài. Dọc hai bên đường, hoa tulip nở rộ. Vòm nhà là một chiếc hoa vĩ đại càng nhìn càng thấy màu sắc biến hoá như trong kính vạn hoa. Hoàng tử đến bên cửa sổ, nhìn ra vườn thấy cây Thông thái, có một con rắn đang trườn trên một nhánh cây, có cả Adam và Eve đứng bên cạnh.

“Ừa! hai người còn đây sao?”

Hoàng tử ngạc nhiên hỏi, và liền được nàng tiên giải thích rằng đó chỉ là ảo ảnh, vì thần Thời gian đã biến hóa tất cả hình hài vật chất thành những mảng tranh mà con mắt thế gian chỉ nhìn thấy như ảo ảnh của tấm gương kỳ diệu mà thôi..

Hoàng tử lại nhìn thấy Jacob với chiếc thang dựng đứng trên bầu trời, những thiên thần bay nhõn nhõn xung quanh. Hầu như những gì từng xảy ra trên thế gian đều được thần Thời gian tái tạo ở đây qua những bức tranh lung linh, tuyệt mỹ.

Nàng tiên mỉm cười âu yếm đi vào một căn phòng rộng, bốn bức vách trong suốt in đầy hình ảnh đẹp của vô số thiên thần đang vừa tươi cười vừa hát hát những bài hát thiên cung. Giữa phòng là cây Thông thái với những cành, nhánh đều đặn, những trái táo vàng giữa đám lá xanh. Đó chính là trái cấm mà Adam đã ăn phải và bị đẩy xuống thế gian.

“Chúng ta hãy lên thuyền dạo chơi.” nàng tiên bảo, “Chúng ta sẽ tìm thấy sự thanh thoi trên sóng nước bập bênh. Chàng sẽ thấy con thuyền lắc nhẹ, nhưng nó không di chuyển đâu; chỉ có cảnh trí trên thế gian trôi chuyển qua mặt chúng ta thôi.”

Thật là lạ lùng. Chàng thấy cả một dải bờ biển trôi qua trước mắt. Kìa là rặng núi Alps mà đỉnh luôn phủ một lớp tuyết dày; kìa những đám mây lơ lửng, những chòm cây thông xanh cao vút. Chàng nghe được cả tiếng còi mục đồng vừa ngọt ngào, vừa buồn mênh mang. Rồi những cành cây sà xuống tận mạn thuyền, những con thiên nga bơi trên mặt nước hồ xanh trong của miền Danube. Đây là Hòa Lan với những dãy núi cao, vang vọng tiếng cầu kính của các tu sĩ dòng kín Franciscain. Kìa là Ai cập với Kim tự tháp cao tận mây xanh, những con Sphinx nửa người nửa thú bị ngập trong đám cát nóng sa mạc.

Hoàng tử thích quá, chàng được nhìn thấy hoàn toàn, đây đủ chi tiết hơn so với những điều mà chàng học qua sách vở.

“Tôi có thể ở lại đây mãi mãi chẳng?” Chàng hỏi.

“Tuỳ ý chàng thôi.” Nàng tiên đáp, “Nếu chàng tự chế được mình trước những cám dỗ mà không phạm phải điều cấm, thì chàng sẽ được ở lại đây vĩnh viễn.”

“Tôi hứa sẽ không như Adam mà sờ vào trái cấm kia.” Chàng hớn hờ trả lời. “Vì còn biết bao nhiêu thứ trái cây thơm ngon khác.”

“Chàng hãy lượng xem mình có đủ nghị lực không. Nếu không, hãy để Gió Đông đưa về cõi thế, và phải một trăm năm nữa mới được quay lại đây. Trong trăm năm đó, ở đây chỉ là một thời gian ngắn ngủi một trăm giờ thôi; nhưng cũng đủ dài cho những sự thử thách, cám dỗ của tội lỗi. Này nhé, mỗi buổi chiều, trước khi chia tay, em sẽ kêu gọi chàng lại với em bằng âm thanh tha thiết nhất. Nhưng chớ đến, vì cứ mỗi bước chàng sáp lại gần, sức quyến rũ sẽ tăng thêm gấp bội. Chàng sẽ đến sãnh đường, nơi có cây Thông thái, em sẽ nằm ngủ dưới tàn cây. Chàng sẽ cúi xuống sát mặt em để thấy em mỉm cười âu yếm với chàng; nhưng nếu chàng không dần được mà hôn lên môi em, thì vườn Địa đàng sẽ lún sâu xuống đất, và chàng sẽ mất tất cả. Những ngọn gió lạnh buốt như những mũi dao sẽ đâm vào cơ thể chàng, gào thét muôn đời bên tai chàng; những giọt mưa đá sẽ liên tục rơi trên mái tóc chàng; đau khổ và nhọc nhằn sẽ là bạn đường, đeo đuổi chàng mãi mãi.”

“Tôi cương quyết ở lại, chịu sự thử thách.” Hoàng tử mạnh dạn đáp.

Gió Đông hôn chàng từ già và khích lệ:

“Hãy gắng lên, giữ vững ý chí nhé, ta sẽ gặp lại nhau một trăm năm sau. Thôi tạm biệt.”

Hoa lá lên tiếng chào Gió Đông, chim muông bay theo tiễn chàng một khoảng đường dài cho đến biên giới trần gian.

“Bây giờ ta hãy cùng nhau nhảy múa.” Nàng tiên lên tiếng ngọt ngào. “Nhưng nhớ đấy, khi mặt trời sắp tắt, em sẽ rủ chàng đi theo, chớ có theo nhé. Em sẽ quyến rũ chàng

suốt một trăm năm, mỗi lần chàng thắng cám dỗ, chàng sẽ tặng thêm sức mạnh ý chí, và sẽ có lúc chàng hoàn toàn chế ngự được bản thân mình. Đêm nay sẽ là đêm thử thách đầu tiên, hãy nhớ lời em dặn.”

Hai người bước vào căn phòng trong suốt đầy hoa huệ thơm ngát. Tiếng đàn réo rắt, du dương vọng lại. Những thiếu nữ duyên dáng trong tà áo lụa trong suốt uốn éo lượn mình phô bày tấm thân ngọc ngà với những đường cong tuyệt tác ẩn hiện chập chờn sau làn voan mỏng. Họ ca lên những bài ca trữ tình mê hoặc hay đến nỗi sắt đá cũng phải mềm ra.

Mặt trời từ từ lặn, cả bầu trời như nhuộm trong một màu vàng rực rỡ, những đóa hoa huệ như chuyển thành những cánh hồng mỏng. Hoàng tử mềm môi uống cạn những ly rượu vang từ tay các giai nhân trao cho. Ôi sung sướng hạnh phúc làm sao, cả thế gian, kể cả các bậc vua chúa, nào ai đã được nếm qua. Trước mắt chàng sừng sững cây Thông thái, từ đó cũng vọng ra những giọng nói êm ái, trêu mến như lời tha thiết của tình nhân.

Nàng tiên bắt đầu cất tiếng ngọt ngào: “Đến đây với em, chàng ơi, hãy đến với em.”

Hoàng tử như quên lời dặn, tiến đến bên nàng. Chao ôi, trước vẻ đẹp quyến rũ, chàng quên tất, quên tất, chỉ thấy lòng khao khát mỗi lúc một dâng trào.

Tiếng nhạc trầm bổng hơn lên, lời ca ngọt ngào hơn lên, và như có muôn vàn nụ cười âu yếm bao vây quanh chàng. Từ cây Thông thái, ai đó đang thổ thê: “Chàng phải biết hết mọi sự. Chàng phải nếm hết mọi lạc thú trên đời. Chàng là chúa tể của thế gian mà.”

“Đến đây chàng ơi, mau lên, đến với em.” Giọng nàng càng run rẩy, chân chàng càng bước thêm. Má hoàng tử nóng bừng, toàn thân chàng rung động, máu trào ú lên trái tim đa tình, chàng không còn tự chủ được nữa.

“Ta phải đến, chẳng có tội lỗi gì khi nhìn nàng ngủ cả. Nếu ta không hôn nàng, ta sẽ chẳng mất điều chi. Ta sẽ có đủ nghị lực kiềm chế nụ hôn.”

Nàng tiên nằm xuống trên bãi cỏ êm, đôi mắt khép nhẹ. “Thấy chưa, ta có phạm điều gì tội lỗi đâu.” Chàng tự nhủ và say đắm nhìn nàng đang thiêm thiếp giấc nồng. Ôi! nàng đẹp làm sao, thấp được tìm cả trần gian chẳng có được một người như nàng. Nàng mỉm cười trong giấc mơ, chàng cúi xuống nhìn thấy trên khóe mắt nàng long lanh một giọt lệ.

“Nàng khóc vì ta chẳng?” Chàng thì thầm, “Đừng khóc nữa, hồi nàng tiên yêu kiều, Bây giờ ta mới thấy được cái dịu ngọt của thiên thai, nó lan chiếm hết tâm hồn và trí óc ta. Ta cảm thấy sức mạnh của những thiên thần và cuộc sống vĩnh cửu dào dạt trong châu thân ta. Ôi! giây phút này đáng đánh đổi cả ngàn năm của cuộc sống.”

Chàng hôn nhẹ lên mi nàng, liếm những giọt nước mắt nàng, môi chàng chạm vào môi nàng.

Thình lình, một tiếng sấm nổ vang. Mọi vật như bị rung lên trong tiếng gầm rú thô bạo. Cả nàng tiên, cả vườn hoa đẹp, cả Địa đàng chìm dần xuống, sâu mãi, sâu mãi và biến mất trong vực thẳm đen tối. Lưỡi hái tử thần chạm vào thân thể chàng, chàng nhắm đôi mắt lại và nằm chờ chết.

Những giọt mưa lạnh như đá bắt đầu rơi trên mặt chàng, những ngọn gió gào thét quanh chàng, chàng bắt đầu nhớ lại những diễn biến đã qua. “Ta đã làm gì?” Chàng thờ dãi rên rì. “Ta đã phạm tội tày trời như Adam ngày xưa đến nỗi cả vườn Địa đàng chìm sâu xuống đất.” Chàng lại mở mắt, nhìn thấy những vì sao trên nền trời cao thẳm, có một ngôi sao sáng nhất đang lấp lánh, chàng ngỡ đó là vườn Địa đàng. Nhưng không, đó là ngôi sao mai của một ngày vừa ló dạng.

Chàng đứng dậy và thấy mình đang ở trong khu rừng cũ, gần hang gió. Bà mẹ các thần gió đang ngồi bên chàng giận dữ đưa nắm tay trước mặt chàng :

“Trời ơi! chỉ mới đêm đầu tiên thôi! Phải chàng là con ta, ta đã phạt cho vào trong cái bị ngàn năm.”

“A! Hẳn ta sẽ vào đó thôi.” Hoá ra thần chết cũng có mặt. Đó là một ông già ốm nhách, tay cầm lưỡi hái, trên vai là đôi cánh đen ngòm. “Hẳn ta sẽ được nhét vào trong cái áo quan, nhưng chưa đâu. Ta đã chắm hẳn vào sô đen rồi, nhưng để cho hẳn một thời gian lang thang trên cõi đời chiêm nghiệm cái tội lỗi vừa qua. Ta sẽ trở lại một lúc nào đó, nhốt hẳn vào áo quan, đem lên trên kia. Vườn Địa đàng vẫn còn đó, và nếu hẳn tỏ ra tốt lành, thánh thiện, hẳn sẽ được tái nhập thiên thai; bằng ngược lại, nếu trong tim hẳn chỉ chứa đựng những điều tội lỗi xấu xa, thì quan tài đen này sẽ nhốt hẳn đời đời. Ta chỉ trở lại mỗi ngàn năm một lần để thăm dò sự thể và có cách đối phó với hẳn.”

Ông Vua ở Trường The Emperor's New Clothes

Ngày xưa, có một vị hoàng đế rất thích áo quần mới đến nỗi ông ta dành tất cả tiền bạc để may sắm. Ông chẳng bao giờ quan tâm đến dân chúng, đến binh sĩ; cũng chẳng ham ca nhạc hay các thú vui chơi, ngoại trừ những lần xuất du để khoe áo quần mới. Trong một ngày, ông thay đổi quần áo liên liền, mỗi giờ một bộ. Với các vị vua chúa khác, người ta thường nói: “Ngài đang bận họp nội các.” Còn với ông vua này thì chỉ nghe đám hầu cận trả lời: “Ngài đang ở trong phòng thử quần áo.”

Thành phố nơi ngài đóng đô rất nhộn nhịp. Khách du từ nước ngoài đến vãng cảnh hàng ngày tấp nập. Một hôm, có hai tên bợm từ phương xa đến, xưng là thợ dệt bậc thầy. Chúng khoe rằng chúng có thể dệt những loại vải mà trên thế gian này không ai làm được; không chỉ đẹp về màu sắc và chất liệu mịn màng của vải mà còn có tính chất đặc biệt là : những ai mà tài đức không xứng đáng với chức vụ, hoặc những kẻ ngu đần thì không làm sao có thể nhìn thấy mặt vải. Nghĩa là, loại vải này sẽ trở nên trong suốt trước những kẻ bất xứng.

“Đúng là loại vải thần kỳ,” hoàng đế nghĩ thầm, “có nó, ta sẽ phát giác ra được trong đám quan quân và dân chúng những tên bất xứng. Ta sẽ phân biệt được người tài ba và kẻ bất tài. Ta sẽ ra lệnh dệt ngay vải để may một bộ áo quần mới.”

Vua bèn ra lệnh trích thật nhiều tiền trong ngân khố ứng trước cho hai tên bợm để chúng vui vẻ bắt tay vào việc. Hai đứa sắp đặt khung cửi và ngồi vào ghế. Chúng làm bộ như đang dệt vải, nhưng trên khung chẳng có thứ gì cả. Chúng đòi hỏi phải cung cấp cho chúng những thứ tơ mịn màng nhất và những sợi chỉ bằng vàng ròng hoặc những hạt châu nói là để làm nút áo. Chúng cho những thứ trên vào trong túi riêng trong khi tiếp tục làm động tác dệt trước cái khung trống trơn.

“Ta thử đến xem hai người thợ làm ăn ra sao.” Vua nghĩ, nhưng ông lại ngần ngại vì biết rằng những kẻ ngu đần không thể thấy loại vải này. Dĩ nhiên, ông tự cho mình là tài giỏi bậc nhất thiên hạ và không phải e sợ điều gì, nhưng nghĩ đến một người nào đó đến xem trước thì hơn. Dân chúng trong thành ai cũng hay biết tin tức về loại vải thần diệu và ai ai cũng nao nức, tò mò muốn biết kẻ nào quanh mình sẽ là kẻ bất xứng.

Hoàng đế cho gọi vị tể tướng trung thành đến, vì ông tin rằng vị quan già này là người tài đức nhất trong đám quan lại, xứng đáng được chiêm ngưỡng vải đẹp. Ông tể tướng vâng lệnh vua, đến căn phòng nơi hai tên bợm làm việc.

“Lạy Chúa tôi, ngài có bốn cọt con chẳng?” Tể tướng trở mắt nhìn vào cái khung trống tuyền. “Tại sao ta không thấy gì cả?” Ông kinh hãi nghĩ thầm, nhưng cố gắng không nói ra điều này.

Hai tên bợm yêu cầu ông đến sát hơn và hỏi ý kiến ông về màu sắc của vải do chúng dệt ra. Nhìn theo ngón tay chúng trở vào cái khung trống, ông quan già trợn trừng cả hai mắt mà chẳng thấy mình, vì thật sự có cái quái gì đâu mà thấy.

“Trời ơi! Hay ta là tên bất xứng? Có thể vậy sao? Ta chẳng đáng làm tể tướng chẳng? Nhưng thôi, chớ dại nói ra là mình không thấy gì hết.” Ông nghĩ thầm.

“Thưa ngài, ngài không có ý kiến gì chẳng?” Hai tên bợm thúc.

“Thật tuyệt vời! tuyệt vời! Cả sự mịn màng lẫn màu sắc tươi sáng hoà hợp. Ta sẽ tâu với hoàng đế rằng ta đã được thấy một loại vải quý nhất thế gian.”

“Cám ơn ngài, chúng tôi sung sướng vô cùng được nghe ngài khen tặng.” Chúng vừa nói vừa trở tay vào tấm vải tưởng tượng, vừa khoe này là màu xanh lơ, kia là màu vàng óng; này là hoa văn, kia là mẫu rồng bay phượng múa quấn vào nhau. Ông quan làm bộ nghe chăm chú cứ như là ông thấy rõ tấm vải trước mắt. Ông cố ghi nhớ lời chúng nói để có thể tâu trình lên vua đầy đủ chi tiết.

Hai tên bợm lại đòi thêm vàng và tơ lụa để tiếp tục dệt thêm mẫu vải khác. Xong chúng lại thồn hết vào túi riêng và tiếp tục nghiêm trang ngồi dệt trước cái khung trống rỗng.

Hoàng đế lại gửi thêm người tới xem vải đã dệt xong chưa. Cũng như ông quan tế tướng, vị quan sau này cũng chẳng thấy gì ngoài cái khung gỗ.

“Đẹp chứ? thưa ngài?”

“Ta biết chắc chắn ta chẳng phải là người ngu!” Ông quan suy nghĩ. “Vây hoá ra ta chẳng xứng đáng với chức vụ Hàn lâm mà vua ban chẳng? Lạ thật, nhưng ta hãy cứ giữ kín, đừng để ai hay biết.” Ông bèn khen lấy khen để thứ mà ông chẳng thấy được. Khi trở về cung, ông tâu lên vua rằng: “Tâu hoàng đế, thật là những người thợ tài ba, họ đã dệt nên loại vải tuyệt vời.”

Bây giờ thì dân chúng trong thành đã bắt đầu tùm năm, tùm ba các nơi công cộng để bàn tán về loại vải thần kỳ.

Vị hoàng đế lúc này vui vẻ lắm, ngài muốn tận mắt xem vải khi nó còn nguyên si ở trên khung cửi. Ông bèn chọn một số quan cấp nhất trong đám đại thần tháp tùng ông vào phòng dệt vải, nơi có hai tên bợm đang quơ tay múa chân giả bộ như đang làm việc hăng say.

“Tâu hoàng thượng, thật là loại vải đẹp tuyệt.” Quan tế tướng mở đầu. “Màu xanh pha lẫn màu hoàng yến thật nổi bật!”

“Cái gì đây hỡi trời! ta có thấy gì đâu!” Vua hốt hoảng tự nghĩ. “Thật là khủng khiếp, ta mà là kẻ ngu ư? Hay ta không xứng đáng làm hoàng đế cai trị muôn dân? Sao thế này? Chẳng lẽ điều này lại xảy đến với chính ta?” Nghĩ vậy, nhưng hoàng đế phải giả bộ như thấy được vải và khen “Đúng, ta rất hài lòng, vải đẹp thật.” Ông trở tay về phía cái khung, chẳng ai trong đám bày tỏ nghĩ rằng ông không thấy gì cả.

Cả đám bày tỏ cũng ngó người ra, vì họ chẳng thấy gì cả. Tuy vậy họ cũng quả quyết trầm trồ khen lấy khen để và đề nghị vua may ngay bộ áo quần mới để mặc trong dịp lễ khánh tiết sắp tới.

Hoàng đế bèn thưởng công cho hai tên bợm và phong cho chúng tước hiệu “Thợ dệt Hoàng gia cao quí”

Hai đứa bây giờ thức suốt đêm, thấp thỏm nhiều nấn để dân chúng thấy rằng chúng tận tâm tận lực may bộ áo quần cho vua. Chúng làm bộ như đang tháo vải ra khỏi khung cửi, dùng chiếc kéo lớn cắt cắt trong không khí như đang cắt vải thật; và may với chiếc kim mà chẳng có sợi chỉ nào xô qua. Gần sáng, chúng tuyên bố rằng bộ áo quần mới của vua đã hoàn tất.

Vị hoàng đế, với dáng điệu trịnh trọng, bước đến phòng dệt. Hai tên bợm đưa hai cánh tay lên cao như đang nâng tấm áo và nói: “Tâu hoàng thượng, đây là chiếc quần, đây là áo lót, đây là áo choàng.” vân vân và vân vân. “Áo quần này nhẹ như tơ nhện; người mặc nó tưởng như không mặc gì, nhưng chính đó mới là chất huyền diệu của vải. Xin ngài trút bỏ y phục cũ ra, để chúng tôi khoác lên bộ long bào mới này, xin ngài đứng trước tấm gương lớn soi thử.”

Hoàng đế cởi hết áo quần ra, trần truồng như nhộng. Tên bợm làm bộ mặc lên cho ngài từng thứ một, mà thật ra là chẳng có gì cả. Chúng làm bộ như đang cài nút, thắt dây xung quanh vòng bụng bự của vua; và ông vua đáng thương thì cứ xoay qua xoay lại trước gương làm bộ ngắm nghía.

“Áo quần may thật khít khao làm sao, trông hoàng thượng thật oai nghi trong bộ long bào này.” Các quan đồng lên tiếng xuýt xoa khen.

“Tâu hoàng thượng, tất cả quan dân đã sẵn sàng bên ngoài. Xin thỉnh ngài đến sân triều hành lễ.” Quan thị vệ vào tâu.

“Ta đi đây, bộ long bào này thật xứng với ta.” Nói xong ông quay lại một lần nữa trước gương như chỉnh đốn lại trang phục trước khi đi ra. Hai quan hầu có nhiệm vụ nâng tà áo làm bộ như đang nâng trên cái gì đó, họ đi cách vua chừng một sai tay. Không ai dám biểu lộ ra mặt là họ không thấy gì hết.

Ông vua khoan thai bước trên tấm thảm đỏ trải dọc theo con đường phố chính của thủ đô, tiến tới sân rồng giữa hai hàng long rục rờ màu sắc. Dân chúng tụ tập hai bên dãy phố đồng reo lên: “Vạn tuế, Hoàng thượng mặc bộ long bào đẹp quá.” Không ai thú nhận rằng mình không thấy gì, vì họ sợ kẻ khác đánh giá mình là thằng ngu.

Chưa có lần nào trong đời, hoàng đế mặc một bộ triều phục được dân chúng khen ngợi đến như vậy.

Bỗng, trong đám dân chúng chen chúc bên đường, có một đứa trẻ con chột thốt lên: “Hoàng thượng chẳng mặc áo quần gì cả!” Người ta được dịp, thì thào chuyện tai nhau điều đứa bé vừa phát giác: “Ông vua ở trường, chúng bay ơi.”

Hoàng đế ngó người ra, và ông chột hiểu ra lẽ. Nhưng ông nghĩ: “Phải tiếp tục cuộc lễ cho hoàn tất để giữ thể giá.” Ông cố gắng giữ bình tĩnh, tiếp tục khoan thai bước đi trong lúc hai quan hầu vẫn bước theo sau, bốn bàn tay đưa ra trong không khí như đang nâng đỡ một thứ vô hình.

EM BÉ BÁN DIÊM

The Little Match Girl

Đêm nay là đêm giao thừa, trời lạnh như cắt, tuyết rơi không ngừng. Một cô gái nhỏ lang thang trên con đường trong đêm đen và giá buốt; em đi chân đất và trên đầu chẳng có mũ nón. Khi em rời khỏi nhà, em cũng mang một đôi dép, nhưng chúng quá lớn so với chân em. Đôi dép cũ mà mẹ em mang đã mòn nhẵn, và khi em phải chạy băng qua đường để tránh xe cộ, em đã đánh rơi chúng. Một chiếc dép thì mất hẳn, chiếc còn lại được một bé trai nhặt được và chiếm đoạt luôn. Cho nên em bé gái đáng thương đành để cho đôi chân trần trụi của mình bị tái đi vì cóng. Em mang theo một ít hộp diêm trong túi áo, và trên tay cầm một hộp: em là một em bé bán diêm. Suốt ngày nay, chẳng có ai mua cho em được một hộp; cũng chẳng có ai cho em lấy một xu. Em bé khốn khổ vừa đói, vừa lạnh. Hoa tuyết rơi bám đầy mái tóc vàng óng của em- mái tóc xinh đẹp uốn tự nhiên và bao quanh khuôn mặt bầu bĩnh- nhưng em chẳng hề quan tâm. Từ các khung cửa sổ, ánh đèn chiếu hắt ra; và mùi thịt ngỗng nướng thơm phức thoang thoang đâu đây, đêm nay là giao thừa mà, em chẳng quên điều đó.

Em tìm đến một góc vắng giữa hai căn nhà, ngồi xuống dùng phần thân thể trên để ủ đôi chân trần, em cảm thấy lạnh hơn bao giờ hết trong đời. Em chẳng dám về nhà, vì em không bán được hộp diêm nào, và cũng chẳng kiếm được đồng nào. Cha em sẽ đánh em, và lại, ở nhà thì cũng lạnh chẳng khác gì ngoài đường phố này. Căn nhà chỉ có một cái mái rách, và những ngọn gió lồng rít lên như thể sắp thổi tung cả cái khung tre lẫn đám tranh rách nát trên đó. Đôi bàn tay bé nhỏ dường như đã cóng hẳn. -! một que diêm có lẽ sẽ giúp em ấm thêm chút nào chẳng? Em đánh liều rút ra một que và quẹt lên vách nhà để sưởi ấm những ngón tay. Que diêm bật cháy lên, kêu xèo xèo; ngọn lửa sáng như một cây đèn cây khi em dùng các ngón tay che quanh nó. Em bé gái mừng rỡ tưởng em đang ngồi trước một lò sưởi lớn có khung mạ vàng. Ngọn lửa kỳ diệu cháy lên bập bùng trong đó và sưởi ấm em, nhưng -- đột ngột thay-- khi em vừa duỗi đôi chân ra hồng hồng sưởi ấm, ngọn lửa tắt mất, cái lò sưởi biến mất, và em thấy mình còn lại với chiếc cọng diêm trong tay. Em quẹt thêm một cây, diêm cháy bùng lên, ánh sáng chiếu lên vách nhà, nó dường như trong suốt đến độ em có thể nhìn thấy mọi vật bên trong. Chiếc bàn ăn trái bằng vải trắng tinh và trên bàn là bát đĩa bằng sứ Trung hoa; một con ngỗng béo nướng chín vàng với táo và mận rải lên mình nó.. Và kìa, miếng thịt ngỗng thơm ngon được xẻ ra và như có ai đó đang dùng chiếc nĩa đưa nó xuyên qua bức vách, đút tận miệng em bé. Buồn thay, diêm tắt, chẳng có gì hiện hữu ngoài tấm vách dày, đen ngòm.

Em lại đốt lên que diêm khác. Lần này, em thấy mình ngồi bên cây thông Noel xinh đẹp. Nó đẹp và lớn hơn hết thấy những cây Noel mà em được thấy qua khung cửa những ngôi nhà giàu nhất trong phố. Hàng ngàn ánh đèn lấp lánh trên các cành cây, và những bức tranh nhiều màu sắc như những tấm mà em thường thấy trong các tiệm sách. Em đưa tay với lấy những bức tranh, diêm tắt. Những cây đèn trên cây bay vút lên cao,

cao mãi, và em thấy rằng đó chỉ là những ngôi sao chớp chớp trên nền trời cao vợi vợi. Một ngôi sao xẹt qua trên bầu trời. “Chắc có ai đó vừa qua đời” em nghĩ; chả là bà nội, người độc nhất thương em, thường nói: “Khi có một ngôi sao rơi trên trời là có một linh hồn về nơi nước Chúa.”

Em quẹt thêm một cây diêm, lần này, em thấy bà em hiện ra giữa vòng hào quang của ánh diêm. Bà nhìn em hiền từ.

“Nội ơi!” em kêu lên, “Nội cho cháu theo với Nội.. Cháu biết Nội cũng sẽ biến đi khi ánh diêm này tắt; Nội sẽ tan biến cũng như cái lò sưởi, cũng như miếng thịt ngỗng quay và cũng như cây Noel huy hoàng kia.”

Em vội vàng quẹt lên cả năm diêm, vì em muốn giữ hình ảnh bà ở lại với em lâu hơn. Ánh sáng của năm diêm tỏa ra như ánh sáng của ban ngày. Em thấy bà đẹp hơn bao giờ hết. Bà bế em bé trong đôi tay, họ bay lên trong vòng hào quang của ánh sáng và hạnh phúc, bay cao lên, cao lên vút hẳn trên không, nơi chẳng còn dư âm của cái đói, cái lạnh, cái đau khổ, vì họ đang lên với Chúa từ nhân.

Trong ánh sáng lạnh của một ngày mới, em bé bán diêm vẫn còn ngồi kia, trong góc giữa hai ngôi nhà, với đôi má hồng hào và nụ cười thỏa mãn trên môi, nhưng em đã bất động. Em chết vì lạnh cóng đêm giao thừa qua. Ngày Tết đang sáng dần soi rõ hình ảnh em bé khốn khổ với những que diêm tàn trong bàn tay nhỏ bé. Người qua đường bảo nhau: “Chắc em đã cố để sưởi ấm thân mình.” Nhưng chẳng ai biết được những điều huyền diệu em đã trải qua, chẳng ai biết rằng em đã bay lên thiên đàng với bà yêu quý trong hào quang chói lọi của một năm mới.

Chiếc Hòm Bay The Flying Trunk

Có một ông phú thương rất giàu; ông giàu đến nỗi có đủ vàng bạc để dát lên mặt đường phố lẫn vỉa hè. Nhưng ông chẳng đại làm thế đâu; ông biết cách sử dụng đồng tiền để khi bỏ ra một xu, ông phải thu về một đồng vàng. Ông ta là một người buôn bán khôn ngoan kia mà.

Khi ông qua đời, để lại cho cậu con trai số của cái không lồ đó. Anh ta bắt đầu một cuộc đời ăn chơi hưởng thụ. Không có đêm nào anh không tham dự những dạ vũ hóa trang, dùng những đồng tiền để chơi thia lia. Nói chung là anh ăn xài phung phí, và dĩ nhiên núi của cũng phải tiêu tan. Sau cùng anh còn sót lại một đồng xu, một bộ áo quần cũ và một đôi dép. Bọn bè bắt đầu xa lia anh, chẳng ai thèm tìm đến một kẻ đã trắng tay. May ra, còn một người nọ biểu anh một cái hòm gỗ và nói: “Thu xếp hành trang vào đây thôi.” Anh ta chẳng còn gì để thu xếp, bèn tự mình chui vào trong hòm.

Hoá ra đó là một cái hòm đặc biệt. Chỉ cần nhấn cái khoá là cái hòm từ từ bay lên không trung, bay mãi, bay mãi. Anh bạn của chúng ta ngồi trong hòm, nghe tiếng rầm rắc của đáy hòm, anh lo sợ hòm vỡ mình sẽ rơi xuống tan xác. Nhưng không đâu! Chiếc hòm bay đến tận Thổ Nhĩ Kỳ và đáp xuống. Anh giấu chiếc hòm trong rừng, dưới lớp lá khô và đi bộ vào thành phố. Anh chẳng mấy ngượng ngùng vì người Thổ cũng ăn mặc giống anh thôi. Trên đường, anh gặp một bà vú em bế một đứa bé trên tay. Anh hỏi: “Này bà Thổ kia, cái dinh thự nguy nga với những hàng cửa sổ cao vút kia là dinh của ai thế?”

Bà vú trả lời: “Đó là dinh của công chúa con cung của Sultan. Có người tiên tri đoán rằng nàng sẽ khổ khi lấy chồng vì gặp phải một người chồng không ra gì; nên vua cha cấm hẳn không cho ai vào đó, ngoại trừ vua và hoàng hậu thỉnh thoảng đến thăm nàng.”

Chàng trai nghe xong, cảm ơn bà vú rồi trở lại khu rừng lấy hòm ra, chui vào và bay vượt qua nóc cung điện để đáp xuống ngay cửa sổ phòng công chúa.

Nàng công chúa đang nằm ngủ trên chiếc sofa. Nàng đẹp đến nỗi anh chàng không kèm được đặt lên môi nàng một nụ hôn. Công chúa bừng tỉnh và tỏ ra vô cùng sợ hãi. Anh chàng bèn nói dối rằng anh là vị tiên tri của dân tộc Thổ, anh đã bay từ trên trời xuống để thăm nàng. Công chúa tỏ ra rất mừng rỡ.

Họ ngồi bên nhau; anh chàng bắt đầu tán tỉnh. Anh khen đôi mắt nàng đẹp như nước hồ thu, vàng trán nàng sáng ngời như đỉnh núi tuyết. Chàng ba hoa cả vạ lời như không muốn ngưng và sau cùng, chàng hỏi nàng làm vợ. Cô công chúa không chần chừ, ưng thuận ngay. Nàng ra một điều kiện: “Chàng phải đến đây ngày thứ bảy tới, khi phụ vương và mẫu hậu cùng đến đây uống trà với em. Hai ngài sẽ vô cùng sung sướng khi biết em kết hôn với một vị tiên tri. Nhưng chàng phải chuẩn bị những câu chuyện hấp dẫn để kể cho hai ngài, chẳng là cả hai đều mê nghe kể chuyện. Mẫu hậu thì thích những

chuyện tình, còn phụ vương thì lại khoái chuyện vui, và ngài thường bật cười khi nghe chuyện thật thú vị.”

“Để thôi, những câu chuyện sẽ là món quà cưới của ta vậy.” Nói xong, họ chia tay, công chúa trao tặng anh ta một chiếc gương có khảm vàng ngọc, đúng là thứ anh đang cần để bán lấy tiền mua sắm áo quần đẹp.

Anh ta bay trở về khu rừng, ngồi nặn óc ra nghĩ cho xong câu chuyện để kể thứ bảy tới.

Đến ngày hẹn, vua và hoàng hậu cùng quần thần ngồi quanh chiếc bàn tròn trong phòng công chúa, chờ chàng rể tiên tri. Dĩ nhiên họ tiếp chàng rất long trọng. Hoàng hậu nói:

“Kể cho ta nghe một câu chuyện thật hay, đòi dào ý tứ và tình tiết éo le.”

“Nhưng phải thật vui để ta có thể cười được.” Vua thêm vào.

“Tâu Hoàng thượng, thần xin bắt đầu kể.”

“Ngày xưa, có một nấm cây diêm, chúng rất tự hào về nguồn gốc cao quý của chúng. Dòng họ của chúng là những cây thông vĩ đại trong rừng. Những cây diêm hãnh diện kể với hai bạn láng giềng cùng ở chung trên một kệ tủ trong nhà bếp- một anh là cái hộp thiếc, và anh kia là chiếc bình sắt đã gỉ - Ái chà, khi chúng ta còn là những nhánh thông xanh mơn mớn Mỗi ngày, sáng cũng như chiều, chúng ta thường thức những chén trà kim cương, đó là những hạt sương trên cành lá. Suốt ngày, chúng ta tắm mình trong ánh nắng, nghe tiếng chim hót líu lo kể cho chúng ta hàng trăm ngàn câu chuyện bốn phương. Chúng ta rất giàu có, bạn biết không, vào mùa hè, các loại cây khác chỉ còn tro vò khô, chúng ta cũng sắm cho mình lớp áo xanh cho cả mùa hè lẫn mùa đông. Tai họa bỗng đổ đến bất ngờ, đám thợ rừng kéo tới, chặt hạ cây xuống. Thế là một cuộc đổi đời, gia đình chúng ta tan rã. Thủ lãnh gia đình thì trở thành cây cột buồm trang trí cho một chiếc thuyền lộng lẫy du hành khắp nơi trên trái đất; Những nhánh khác thì bị phân tán rải rác. Riêng chúng ta thì trở thành những cây diêm, làm nhiệm vụ thấp sáng cho con người. Đó, các bạn thấy hoàn cảnh của chúng ta, những người quý tộc phải sa cơ vào chốn bếp núc này.’

“Chuyện của tôi thì khác xa, chiếc bình sắt kể, 'Trước khi tôi mở mắt chào đời, tôi phải qua bao giai đoạn, bị nghiền, bị nấu chảy cả hàng chục lần. Sau cùng tôi hình thành một cơ thể cứng rắn, là nhân vật quan trọng nhất trong căn nhà này. Cái thích thú của tôi, là cứ sau mỗi bữa ăn, tôi được tắm rửa sạch sẽ, đánh bóng lại và nằm nghỉ ngơi trên kệ này,. Các đồng loại của tôi, ngoại trừ chiếc bình tưới phải phơi thân ngoài nắng, còn ra thì được hưởng nếp sống an cư trong nhà. Ở đây, chúng ta nghe tin tức bên ngoài qua cái giỏ đi chợ, nó kể đủ thứ từ chuyện chính trị chính em. Bữa nọ, có chiếc lọ sứ mãi hỏng chuyện thời sự mà té xuống vỡ tan trăm mảnh.’

'Các bạn chuyện trò nhiều quá, hãy để chúng ta hưởng một buổi chiều yên ả!' Hộp thiếc lên tiếng phản nản.

Các cây diêm phản đối: 'Để chúng kể chuyện mình và so sánh coi xem trong chúng ta ai là người quý phái nào.'

'Tôi chẳng muốn nói về mình,' một cái nồi góp chuyện,' hãy vui hưởng một buổi chiều ấm áp. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một chuyện mà ai trong chúng ta cũng đã từng trải; chuyện rất đơn giản, và mọi người đều ưa thích : Xưa kia, bên bờ biển đông xứ Đan mạch...'

'-! lồi dẫn chuyện thiệt hay!' Những cái đĩa khen ngợi. 'Chắc chắn chúng tôi rất khoái nghe chị kể đó.'

"Tôi đã trải qua thời thanh xuân ở đó, trong một gia đình rất yên ấm; trong nhà, đồ đạc đều được đánh bóng bằng sáp ong, nền gạch bông cũng bóng loáng, những rèm cửa được thay mỗi ngày."

'Chị là một tay kể chuyện có tài.' cây chổi nói, 'mới nghe qua đã thấy rõ là câu chuyện của một người đàn bà đảm đang, chăm sóc nhà cửa sạch như lau, như ly.'

'Đúng thế, tôi cũng cảm thấy điều ấy.' Cái kẹp giấy reo lên, và như biểu lộ sự thích thú, chú ta nhảy phóc một cái, rớt xuống đất.

Chị nài tiếp tục câu chuyện, đoạn cuối cũng na ná như đoạn đầu. Bọn chén đĩa nhảy múa, va vào nhau lách cách. Cái chổi thưởng cho chị nài bằng cách quẩn một vòng lá ngò xung quanh cổ chị. và nghĩ thầm : 'Minh thưởng cho chị ấy hôm nay, sau này chị ấy sẽ thưởng lại cho mình.'

Cái kẹp than đứng dậy hô hào tất cả cùng nhảy múa, cô ta đứng nhẹ nhàng trên đôi chân xoay một vòng và bắt đầu nhảy : 'Tôi có đáng được thưởng một cọng ngò không nào?'

'Bọn nó chỉ là loại tầm thường, hạ tiện thôi.' Các que diêm bảo nhau.

Ấm trà được yêu cầu hát một bài, nhưng cô ta đang bị cảm lạnh. Cô chỉ ca lên khi được đun sôi; Thực ra., cô ta chỉ làm cao mà thôi, cô chỉ thích ca hát khi được đặt trên bàn ăn, làm vừa lòng ông bà chủ.

Gần đó, có một cây bút đứng dựa vào thành cửa sổ, cây bút mà anh hầu phòng thường dùng để viết, phải cái tội là anh ta chấm lút cán vào bình mực nên bút khi nào cũng lem luốc. Bút nói : 'Nếu ấm trà không chịu hát thì thôi; ngoài kia có một con chim họa mi, nó hát bao điều hay ho, tuy rằng chẳng có gì mới lạ, nhưng ít ra cũng mua vui đêm nay.'

' điều đó chẳng hợp tí nào.' Một cái chảo khác, bạn đồng bếp của chị nài phản đối.' Tại sao lại phải yêu cầu một kẻ lạ ca hát cho mình nghe, chúng mình không có khả năng hay sao? Chị giở xách phân xử xem tôi nói có đúng không?'

'Thật là chán mớ đời,' giở xách nói, 'tôi thấy chán các anh chị quá, Chúng ta để phí một buổi chiều đẹp như thế này. Thà chúng ta dọn dẹp nhà cửa, mỗi anh chị kiếm một chỗ thích ứng rồi tôi sẽ điều khiển chương trình vui chơi đêm nay, các anh chị sẽ thấy tài tôi.'

'Vâng, hãy vào hàng đi thôi.' Tất cả mọi vật đều đồng ý.

Đúng lúc đó, cánh cửa bông bật mở ra, anh bồi phòng bước vào. Mọi vật đều đứng yên lặng như không có gì xảy ra. Nhưng trong thâm tâm, chúng đều âm ức tự nghĩ : 'Phải mình được chọn điều khiển cuộc vui, chắc chắn đã thành công hơn nhiều.'

Anh bồi với tay lấy que diêm đánh lên, diêm bùng cháy sáng rực.

'Thấy chưa, ta phát ra ánh sáng tuyệt vời,' bọn diêm thâm tự mãn, 'Chúng ta là nhất trên đời, chúng ta cháy sáng huy hoàng. Chúng ta tỏa sáng khắp xóm xình trong nhà.' Thế là chúng cháy tiêu ra cây than."

Chuyện hay tuyệt." Hoàng hậu khen, "Ta cảm thấy như cùng sống trong cái khung cảnh câu chuyện của những que diêm. Ta sẽ gả công chúa cho người."

"Ta đồng ý," Nhà vua thêm vào, "Lễ cưới sẽ cử hành sáng mốt." Họ nói cùng chàng trai những lời thân tình, vì từ nay, anh ta đã là chàng rể trong nhà.

Lễ cưới được tuyên bố, buổi chiều trước đó, cả thành phố sáng rực hoa đèn. Kẹo bánh được ban phát khắp trên đường phố cho thần dân; bọn trẻ con reo vui và huýt sáo chào mừng ngày vui của công chúa.

Anh chàng con ông phú thương tốt số nghĩ mình phải làm những điều gì thật ngoạn mục. Anh mua vô số pháo bông, bỏ vào hòm và bay lên trời cao đốt pháo sáng rực một góc trời.

Đám người Thổ bên dưới chưa bao giờ thấy một cảnh tượng huy hoàng như thế, họ nhảy tung lên và reo hò vang trời.. Họ càng tin rằng công chúa đã tìm được người hôn phu xứng đáng, là vị tiên tri từ trên trời phái xuống.

Sau khi đáp xuống, và giấu hòm vào đám lá, chàng trai thấy cần phải trà trộn vào thành, nghe ngóng thử thiên hạ bàn tán ra sao về những điều mình làm.

Chàng hoàn toàn thỏa mãn, vì nơi đâu cũng nghe người ta xưng tụng chàng. “Chính mắt tôi đã thấy vị tiên tri.” một người nói, “Đôi mắt ông ta sáng như hai vì sao, chòm râu rậm đen mượt và óng ả.”

Người khác nói: “Chàng ta đúng là một thiên thần.”

Anh chàng vui mừng vô hạn vì những lời khen; và chẳng, ngày mai chàng đã là chồng cô công chúa xinh đẹp. Chàng trở lại khu rừng tìm chiếc hòm. Nhưng, ô kìa! hòm đâu mất tiêu rồi?

Chiếc hòm đã bị cháy ra tro. Một ngọn pháo đã bật nổ trong hòm, thiêu nó thành một đồng than đen ngòm. Anh chàng không còn phương tiện để bay lên nữa, anh chàng chẳng thể nào đến với công chúa được nữa. Còn nàng, suốt ngày đứng tựa bên khung cửa sổ ngóng chàng.

Nàng vẫn kiên nhẫn chờ vị tiên tri của lòng mình; còn chàng thì buồn bã lang thang khắp nơi trên trái đất kể chuyện cho thiên hạ để kiếm ăn, nhưng những câu chuyện của chàng không còn vui vẻ như khi chàng kể chuyện về những cây diêm để làm quà cưới cô công chúa.

Đàn Thiên Nga The Wild Swans

Xưa, ở một xứ rất xa xôi, nơi những con chim én bay về tránh mùa đông giá rét, có một vị vua sống với mười một cậu con trai và một cô con gái cung tên là Elise. Mười một cậu trai --đều là hoàng tử, dĩ nhiên-- mỗi khi đi học đều mang trên ngực một ngôi sao và bên hông đeo một thanh gươm tượng trưng cho uy quyền. Họ dùng những cây bút bằng kim cương để viết lên những trang giấy dát vàng; họ đọc và viết lâu thông, quả không ai có thể làm lẫn về tư cách cao quý của các hoàng tử. Cô em gái Elise thì thường ngồi bên khung cửa kính, nàng đọc những truyện trong cuốn sách quý, mà trị giá bằng cả một nửa vương quốc. Các hoàng tử và công chúa sống hạnh phúc tuyệt vời, nhưng cái hạnh phúc không kéo dài bền vững mãi mãi.

Vua cha, quyền uy bao trùm cả một vương quốc rộng lớn, cưới nhằm một bà vợ kế là một mù phù thủy. Một ngày, các hoàng tử và công chúa khám phá ra rằng mù ta thù ghét các cô cậu. Trong lâu đài vua cha không thiếu gì sơn hào hải vị, nhưng mỗi khi các em muốn có bánh kẹo để ăn trong lúc vui chơi, mù ta chỉ cho phép chúng uống trà, và thay vì cho đường, mù thường bỏ cát vào tách trà của các em và bắt chúng phải tưởng tượng rằng đang uống trà với đường cát mịn.

Một hôm, mù phù thủy sai người dẫn Elise về vùng quê giao cho đám dân quê; một mặt mù ta nói xấu về các cậu trai làm cho vua cha không còn thương yêu và săn sóc các con nữa.

Mù ta dùng phù phép biến các hoàng tử thành các con vật: “Hãy biến thành các con vịt câm và bay đi cho khuất mắt ta, hãy tự lo liệu lấy thân mình.” Nhưng vì phép thuật mù chưa cao cường lắm, nên các hoàng tử hóa thành một đàn thiên nga xinh xắn. Họ bay qua khung cửa hoàng cung, vẫn trên công trường và kêu lên những tiếng kêu thăm thiết rồi bay thẳng vào rừng sâu.

Một buổi sáng tinh mơ, đàn chim bay đến tận nơi căn nhà mà cô bé Elise bị đày đến. Elise còn đang say ngủ. Các anh nàng bay vờn qua vờn lại trên mái nhà, đập mạnh những đôi cánh, nhưng chẳng ai nghe hoặc thấy họ. Hồi lâu, họ thất vọng bay đi, lẫn vào trong mây, tìm một nơi trú ngụ trong một khu rừng rậm kéo dài tận bờ biển đông.

Cô Elise đáng thương ở trong căn nhà tồi tàn của người nông dân, chẳng có gì vui chơi ngoài những chiếc lá nhạt bên đường. Cô dùng cây tăm xoi một lỗ thủng, rồi ghé mắt qua đó, nhìn lên ánh mặt trời; cô tưởng chừng như nhìn thấy được những đôi mắt sáng ngời của các anh. Mỗi lần ánh nắng ấm chiếu trên đôi má hồng của cô, cô chợt nhớ tới những nụ hôn trìu mến của anh. Ngày qua lại ngày qua, ôi những ngày buồn bã, vô vị. Khi ngọn gió thổi qua đám hoa hồng trước ngõ, gió thường thì thâm vào tai hoa: “Hoa

hồng là đẹp nhất đời.” Hoa hồng lắc đầu trả lời: “Không đâu, chỉ có Elise là đẹp nhất thôi.” Khi có một bà già ngồi tựa thềm cửa đọc những câu thơ hay trong Nhã Ca, gió hời các trang sách: “Có ai thông thái hơn các anh?” Sách đáp: “Nàng Elise.”

Đúng thế, hoa hồng và sách Nhã ca đều nói đúng. Nàng Elise đang độ tuổi lớn lên và đẹp tuyệt trần.

Đáng lẽ nàng phải được trở về hoàng cung lúc tròn tuổi mười lăm. Nhưng mẹ hoàng hậu phù thủy thấy nàng quá đẹp, đâm ra ghen tị và thù ghét nàng. Mẹ ta muốn biến nàng thành con chim như các anh nàng, nhưng mẹ chưa dám làm thế, vì vua đang nôn nóng được gặp con.

Mẹ phù thủy thường vào phòng tắm mỗi buổi sớm mai. Phòng tắm của mẹ làm bằng đá trắng, lót thảm dày và được trang trí bằng những đồ vật đắt giá. Một hôm, mẹ bắt ba con cóc tí, hôn chúng nó và bảo với một con: “Khi nào Elise vào phòng tắm, mày hãy nhảy lên đầu con bé, để cho da dẻ nó sẽ sù sì như da mày.” Mẹ bảo con cóc thứ hai: “Còn mày, hãy nhảy lên lòng nó, cho nó sẽ trở nên xấu xí như mày, vua cha sẽ chẳng thèm nhìn mặt nó nữa.” Với con cóc thứ ba, mẹ dặn: “Hãy để cho cái tâm hồn xấu xa ngự trị trong nó, cho nó trở thành một đứa con gái hư hỏng.” Xong, mẹ cho cả ba con cóc vào ẩn nấp trong bồn tắm. Mẹ kêu Elise vào, giúp nàng cởi xiêm y, và dìu nàng vào bồn. Đúng lúc nàng trầm mình và gục đầu vào nước để gội, ba con cóc theo lời dặn của mẹ phù thủy, nhảy lên tóc, lên trán, lên ngực nàng. Nhưng khi nàng đứng lên, những dấu vết do cóc để lại chẳng thể nào đậu trên người nàng. Vì nàng quá đoan trang và thánh thiện đến nỗi chẳng có lời nguyền nào có thể hại đến nàng. Mẹ phù thủy thấy vậy, tức tối đè nàng xuống, lấy mũi xú uế đổ lên người nàng, và bôi mặt nàng bằng những nhọ nhội vẩn vện; mẹ vò rối tóc nàng làm nàng trở nên một hình ảnh đứa trẻ điên dại, chẳng ai có thể nhận ra nàng Elise xinh đẹp được. Vua cha vừa nhìn thấy nàng, bỗng kinh hồn xua đuổi nàng, vì ông cho rằng ông chẳng bao giờ có một đứa con xấu xa và hôi hám như thế. Toàn thể triều đình và cả dân chúng cũng chẳng ai nhận ra nàng, chỉ có chú chó trung thành và bầy chim sẻ là biết nàng, nhưng buồn thay, chúng chỉ là những con vật bé nhỏ, ai thèm chú ý đến.

Cô bé Elise khóc tức tưởi nghĩ đến các anh cô nay đã biệt tăm, cô buồn rầu lia hoàng cung và lang thang vô định suốt ngày qua những cánh đồng, sau cùng cô đi lọt vào một khu rừng rậm. Cô hoàn toàn chẳng biết đi về đâu, trong lòng rầu rĩ vô hạn, cô mong ngóng tin tức các anh mà theo cô biết, có lẽ cũng bị xua đuổi như cô. Đêm xuống, cô hoàn toàn lạc lối trong rừng thẳm, cô ngồi bệt xuống trên cỏ, tựa đầu vào một gốc cây già và đọc kinh cầu nguyện. Đêm yên vắng, không khí tịch mịch, hàng trăm con đom đóm bay quanh nàng cho một thứ ánh sáng xanh hiền dịu.. Khi nàng chạm phải cành cây trên đầu, những con đom đóm sa xuống như những vì sao. Nàng thầm mơ tới các anh; nàng nhớ lại lúc thơ ấu cùng nhau vui đùa; nhớ tới những trang sách bằng vàng mà họ đã viết lên bằng những cây bút kim cương. Nàng nhớ đến những trang sách truyện, và dường như những gì trong truyện là sống thực; nàng nghe rõ cả tiếng chim hót, những nhân vật bước ra khỏi trang sách nói chuyện với nàng. Khi nàng xếp trang sách, họ lại bước lùi vào. Nàng lẫn lộn giữa mộng và thực.

Nàng thức dậy lúc mặt trời đã lên cao; cây lá trong rừng quá rậm nên nàng không thể thấy được mặt trời ngoại trừ những tia nắng vàng. Rừng tỏa ra một mùi hương nồng nàn, thanh mát của cỏ non và hoa dại. Những con chim nhỏ bay sà xuống bên nàng. Nàng nghe tiếng suối nước chảy róc rách đâu đây. Nàng tìm đến một suối nước, nước trong có thể nhìn thấy cát trắng ngàn dưới đáy. Elise vạch bụi rậm và bước xuống nước, ngắm nghĩa cảnh vật in hình trên mặt nước như một bức tranh.

Chợt nàng nhìn thấy khuôn mặt mình, nàng khiếp lên vì nó đen đúa và xấu như ác quỷ. Nàng bước hẳn xuống, khoát nước rửa tay chân, mặt mũi. Làn da trắng dần dần trở lại, bây giờ thì nàng trông đẹp ra, có lẽ còn đẹp hơn hồi trước nữa. Nàng trở thành một thiếu nữ đẹp nhất thế gian.

Elise mặc lại áo quần, chải bới mái tóc vàng và lại tiếp tục đi giữa cánh rừng, vô định. Nàng nghĩ đến anh, và cầu nguyện Chúa nhân từ sẽ không bỏ rơi nàng. Đúng thế, Chúa đã làm cho quả táo chín mau để nàng ăn lót dạ; Chúa đã dẫn dắt nàng đến những nơi cành cây trĩu đầy quả ngon. Nàng vững tin tiến bước sâu vào rừng già. Rừng yên vắng đến nỗi nàng nghe rõ từng bước chân đi của mình, nghe cả tiếng lá xào xạc dưới gót chân. Nàng chẳng thấy chim muông, chẳng thấy ánh mặt trời vì tàn cây dày đặc. Cây cối mọc um tùm làm nàng tưởng như trước mắt mình là một hàng rào không thể vượt qua được. Trong đời nàng, chưa bao giờ nàng cảm thấy cô đơn như thế.

Đêm thì đen và hoàn toàn lặng ngắt, không có đom đóm lập loè. Nàng nằm xuống và thiêm thiếp ngủ; nàng mơ thấy Chúa đang cúi xuống nhìn nàng bằng đôi mắt ưu ái và nói với nàng bằng những lời ngọt ngào. Sáng sớm hôm sau, khi tỉnh dậy, nàng không xác định được là mình đã mơ hay thực sự thấy được Chúa.

Nàng đi, đi mãi. Cho đến một hôm, nàng gặp được một bà cụ già mang một giỏ đầy dâu chín. Bà cho nàng mấy quả. Elise hỏi bà về mười một anh trai, bà trả lời: “Không, già chẳng thấy ai cả, nhưng hôm qua đây, già có thấy mười một con thiên nga tắm ở dòng suối cạnh đây, trên đầu mỗi con đều có vương miện bằng vàng.”

Nói xong, bà dẫn Elise đến con suối nơi cành lá hai bên sà xuống gần chạm mặt nước và như đan vào nhau. Elise cảm ơn bà cụ và chia tay, nàng đi dọc theo con suối cho đến khi đến cửa biển.

Biển mênh mông trước mặt nàng, nhưng không thấy một cánh buồm. Làm sao nàng có thể đi xa hơn được nữa? Nàng thấy những hạt sỏi trên bãi biển bị nước bào trồn tru như những hòn bi. Cả những chai lọ, vật liệu bằng kim loại, đá cũng đều bị sức mạnh của giòng nước làm cho biến thể đi, các góc cạnh nay tròn trịa, nhẵn thín. “Nước chảy mãi, không bao giờ mệt mỏi, và có sức mạnh bào mòn mọi vật. Ta cũng sẽ chẳng bao giờ quỳ gục đâu. Nước đã cho ta một bài học quý báu! Xin cảm ơn đại dương! Ta biết đại dương sẽ đưa ta đến với các anh yêu quý của ta.” Nàng tự tin như thế.

Nàng nhận được vô số lông thiên nga trắng của các anh; những cánh lông mịn màng còn đọng những giọt nước, ai biết được là sương đêm hay nước biển hay chính là những giọt nước mắt đau thương. Tuy có một mình trên bờ biển, Elise không cảm thấy cô đơn, vì trước mắt nàng, biển vẫn chuyển động không ngừng. So với nước ở những suối hồ bên trong đất liền, thì nước đại dương luân chuyển dạt dào hơn nhiều. Khi có một đám mây đen kéo tới, thì dường như biển nói: “Ta cũng sẽ nổi sóng đây!”; và rồi gió cuộn lên, những đợt sóng dâng cao, tung bọt trắng xóa. Nhưng khi mây có màu hồng và gió dịu xuống, biển nom như những cánh hồng, biển màu lúc trắng, lúc xanh. Dù cho lúc bình yên nhất, mặt biển vẫn gợn sóng lăn tăn, và ta vẫn thấy làn nước lên xuống trên bãi cát.

Khi mặt trời sắp lặn, Elise nhìn thấy mười một con thiên nga đội vương miện bay về hướng bờ biển. Chúng bay thành một đội hình dọc, con này tiếp con kia, trông như một dải lụa trắng. Elise trèo lên bờ cao, nấp mình sau một phiến đá. Đàn thiên nga đáp xuống gần chỗ nàng. Khi mặt trời hoàn toàn khuất nơi chân biển, đàn thiên nga rũ cánh và biến thành mười một hoàng tử đẹp trai. Dù rằng thời gian làm cho họ thay đổi nhiều, Elise vẫn nhận ra các anh ngay. Nàng cảm chắc đây là các anh ruột của mình, và từ chỗ nấp, chạy sà vào lòng các anh, nức nở kêu tên từng người một. Các anh đều tỏ vẻ vui mừng và ngạc nhiên khi thấy cô em bé bỗng ngày nào nay đã trở thành một thiếu nữ tuyệt

sắc. Họ vừa khóc vừa cười vì lòng tràn ngập hạnh phúc bất ngờ, họ kể cho nhau nghe chuyện mẹ mẹ ghé phù thủy và những âm mưu của mẹ đối với họ.

Người anh lớn nhất nói: “Các anh phải mang lột thiên nga trong suốt ngày, từ khi mặt trời lên cho đến khi mặt trời lặn mới trở lại hình thể con người. Vì thế, các anh phải kiếm ra một bờ biển để đáp kịp thời khi hoàng hôn tới để khỏi rơi xuống biển bất chùng. Các anh không ở đây mà ở tận khu rừng xa kia, cảnh trí cũng nên thơ lắm, nhưng từ đây phải bay vượt qua biển một đoạn khá xa. Suốt quãng đường không có một hòn đảo dù nhỏ để tạm dừng cánh qua đêm. Chỉ có một hòn đá nhỏ nhô lên mặt nước ở giữa biển, nhỏ đến nỗi chỉ vừa đủ chỗ cho các anh sát cánh nhau tạm dừng, lỡ gặp hôm sóng to, nước tràn ngập phiến đá, thì chỉ có nước cầu nguyện Chúa thôi. Nhờ móm đá đó mà các anh có thể bay qua bay lại biển khơi để về đất mẹ. Các anh chỉ được phép về thăm đất mẹ mỗi năm một lần, và chỉ ở lại mười một ngày thôi. Các anh bay vờn trên khu rừng gần hoàng cung để nhìn lại lâu đài nơi chúng mình sinh ra và lớn lên, nơi phụ vương đang ở và làm việc, các anh thấy tháp chuông nhà thờ nơi mẹ yêu dấu an giấc ngàn thu. Các anh tưởng tượng lại thời thơ ấu, ngắm nhìn bầy ngựa hoang quần thảo giữa rừng cây, cảnh vật, hoa lá quen thuộc thân thương làm các anh bồi hồi vô cùng. Các anh lại nhớ những bài hát, những điệu múa mà anh em mình từng vui chơi bên nhau thời ấu thơ. Đây là mảnh đất quê hương mà lần này trở về, các anh đã gặp được em. Chúng ta sẽ ở lại thêm hai ngày nữa, rồi phải bay trở về vùng đất xa kia, tuy đẹp đẽ nên thơ, nhưng không phải là đất mẹ! Các anh muốn đem em theo cùng, nhưng làm sao được, chúng ta không có thuyền bè gì.”

“Làm sao em có thể giải thoát cho các anh được?” Nàng thỏn thức. Mười hai anh em nói chuyện với nhau suốt đêm không chớp mắt.

Đến sáng, các anh trở lại hình dạng thiên nga. Họ đập cánh bay lên, làm thành một vòng tròn quanh nàng rồi bay đi khuất, chỉ chừa người em áp chót ở lại bên nàng. Hoàng tử út này dúi mỏ vào lòng nàng, để nàng vuốt ve trìu mến. Họ an ủi nhau suốt ngày cho đến chiều thì các anh bay về, trở lại hình người.

“Ngày mai, các anh phải đi rồi, và phải một năm sau mới trở lại. Nhưng các anh không đành lòng để em một mình như thế này. Em có đủ can đảm theo các anh không? Cánh tay anh đủ mạnh để bế em vượt qua khu rừng, thì cả mười một anh đây hợp sức sẽ có thể đưa em vượt đại dương.”

“Các anh ơi, mang em theo với.”

Suốt đêm, họ nhặt dây rừng đan một chiếc võng vừa rộng rãi vừa chắc bền. Elise ngồi lên võng, và khi trời sáng, mười một con thiên nga dùng mỏ để cắp võng bay lên trong lúc nàng còn say ngủ. Một anh dang rộng cánh bay phía trên để che ánh nắng chiếu vào mặt nàng. Cho đến khi Elise thức dậy, họ đã bay khá xa đất liền. Nàng cứ ngỡ như mình còn mơ ngủ, vì cảm giác được bay cao trên chín tầng mây. Bên cạnh nàng, trên võng, các anh đã chu đáo để sẵn một chùm dâu chín và một bó hoa mà người anh áp út nhặt cho nàng. Nàng nhìn anh mỉm cười tỏ vẻ cảm ơn. Nàng nhận ra anh là con chim đang bay trên đầu che nắng cho mình. Từ trên cao, nàng nhìn xuống thấy những con tàu bé như trái đậu. Một đám mây dày kéo tới sừng sững như một ngọn núi; nàng nhìn thấy bóng mình chiếu trên mây, và cả bóng của các anh nữa. Thật là một bức tranh đẹp hùng vĩ mà nàng chưa thấy bao giờ trong đời. Mặt trời lên cao, mây bay lùi lại phía sau. Bức tranh biến mất.

Cứ thế, họ tiếp tục bay suốt ngày như một mũi tên xuyên trong gió; nhưng rõ ràng là càng lúc họ bay càng chậm dần, vì phải mang theo sức nặng của cô em gái.

Một đám giông đang kéo tới, và ngày thì đang tàn. Elise nhìn thấy mặt trời từ từ xuống với một nỗi lo âu tràn ngập trong lòng; trước mặt nàng, biển mênh mông vô tận, và

họ chưa nhìn thấy hòn đá giữa biển để kịp dừng chân. Đàn thiên nga đã tận dụng sức lực của mình trong gần suốt một ngày trời. Giờ này, chúng lại phải cố rấn thêm. Elise than thào: “Vì mình mà các anh không thể bay nhanh hơn được! Họ sẽ biến thành người khi mặt trời lặn! Tất cả chúng ta sẽ rơi tõm xuống biển và tránh sao khỏi cái chết.” Từ đáy lòng, nàng thề cầu nguyện Chúa nhân từ giang đôi tay cứu độ các anh em, nhưng hòn đá nhỏ vẫn còn ở nơi đâu mù khơi, ngoài tầm mắt của họ. Những đám mây đen bắt đầu quần tụ, và những đợt gió mạnh báo hiệu cơn giông; tầng mây dày đặc đầy đe dọa, và những ánh chớp đã bắt đầu lóe lên nơi phương xa.

Mặt trời hạ dần xuống, vành tròn đã chạm vào mặt biển nơi chân trời. Tim Elise thất lại khi đàn thiên nga bất thần sa xuống, may mà họ kịp gượng bay lên. Khi chỉ còn thấy một nửa mặt trời trên mặt biển, thì lạy Chúa, Elise thấy được hòn đá. Theo nàng, hòn đá chỉ lớn bằng cái đầu con hải sư. Mặt trời chìm xuống chân mây, ánh sáng cuối cùng lóe lên rồi tắt hẳn, vừa vụt lúc bàn chân Elise chạm mặt đất. Các anh nàng đứng sát vai vào nhau bao bọc quanh nàng. Phiến đá chỉ vừa đủ chỗ cho họ đứng như thế. Những đợt sóng đánh vào đá, nước ào qua dưới bàn chân họ. Trời vẫn tiếp tục gập thét, sấm chớp liên hồi suốt đêm; nhưng mười hai anh em vẫn tay trong tay, họ hét đọc kinh lại quay sang đọc Nhã ca, nhờ đó họ có đủ nghị lực để chịu đựng bão tố.

Qua bình minh, trời quang mây tạnh. Các anh nàng lại biến thành thiên nga, cặp chiếc võng tiếp tục bay đi. Mặt biển vẫn còn gợn sóng, những đầu sóng bạc tung lên giống như hàng vạn con thiên nga nhảy múa trên màu xanh đậm của nước biển.

Khi mặt trời lên cao, Elise nhìn thấy phía trước những tầng băng sơn vĩ đại, đỉnh băng sơn phản chiếu ánh sáng mặt trời lấp lánh như kim cương. Một tòa lâu đài cô kính ở giữa tầng băng sơn, với những dãy cột liên tiếp nối nhau kéo dài hàng trăm mét. Elise thấy bên dưới những cây cọ xanh với tán lá xòe ra như cánh quạt. Nàng hỏi đây có phải là nơi trú ngụ của các anh không? Họ lắc đầu cho nàng biết những gì nàng thấy chỉ là ảo ảnh của tòa lâu đài nơi bà tiên Morgana ngự trị. Chưa có ai dám bước chân vào. Đúng thế, càng nhìn lâu, Elise càng thấy cả lâu đài lẫn khu vườn chảy tan ra, thay vào đó là hai chục ngôi thánh đường với những tháp cao và hàng cửa sổ gô-tích. Nàng nghe văng vẳng tiếng đàn dương cầm, nhưng thực ra đó chỉ là tiếng sóng vỗ. Khi nàng tiến tới gần ngôi giáo đường, thì nàng khám phá ra đó chỉ là một chiếc tàu buồm lớn, rồi thì nó lại biến hóa thành một đám sương mờ. Đúng thế, tất cả chỉ là ảo ảnh, chúng nó biến hóa liên tục trước mắt nàng, và bây giờ đây, nàng mới thấy thực tế mảnh đất nơi họ sẽ trú chân. Đó là những dãy núi xanh với khu rừng cây cedar và những lâu đài thật. Nàng ngồi trước một cái hang lớn nhìn ra dãy đồi xanh kia, trông phong cảnh lúc chiều tà như một tấm lụa do bàn tay nghệ sĩ tuyệt vời nào đó dệt nên.

“Để coi tối nay em gái chúng ta sẽ nằm mơ thấy những gì?” Anh áp út vừa nói, vừa chỉ cho nàng chỗ ngủ.

“Em sẽ chỉ mơ tìm cách nào giải cứu các anh thôi.” Nàng đáp chân thật, vì trong tâm trí nàng chỉ nghĩ đến điều đó thôi. Nàng không ngừng cầu nguyện Chúa chỉ bảo cho nàng, cả trong giấc mơ, nàng cũng tiếp tục cầu xin Chúa. Nàng mơ thấy nàng bay đến lâu đài bà tiên Morgana. Bà đến bên nàng, vừa lộng lẫy vừa nhân từ, nom bà giống như bà già đã cho nàng những quả dâu và chỉ cho nàng tìm thấy đàn thiên nga trước đây.

“Con có thể giải cứu các anh.” bà tiên nói, “Nhưng liệu con có đủ can đảm và bền chí không? Con thấy đó, nước mềm hơn bàn tay con, nó mài được đá phải nhẫn nại; nhưng nước không có cảm giác, không biết đau đớn như bàn tay con người. Nước không có trái tim để biết nỗi đau và uất hận như con. Con nhìn đây, trong tay ta là những sợi gai tuốt ra từ loại cây chỉ mọc nơi nghĩa trang. Nhớ lấy! Những cây gai này sẽ đâm nát bàn tay con rất bông. Hãy dùng đôi chân chà đạp những cây gai này để lấy sợi đan mười một cái áo

khoác dài tay cho các anh con. Khi đan xong, hãy ném áo lên các anh, và lời nguyện sẽ vô hiệu, các anh sẽ biến trở lại hình người vĩnh viễn. Nhưng con hãy nhớ, là trong suốt thời gian trước gai và đan áo, có thể kéo dài hàng năm trời, con phải giữ hoàn toàn câm lặng, không được hở môi nói ra một tiếng. Chỉ một tiếng nói của con thôi, sẽ như là một mũi dao đâm thẳng vào tim các anh con. Con rán ghi nhớ, mạng sống của họ tùy thuộc vào lòng can đảm và sự bền chí của con.”

Bà tiên chạm tay vào nàng, nàng cảm thấy nóng rát và thức dậy. Ngày đã sáng hẳn, nàng chợt thấy ai đó đã để bên cạnh nàng một sợi gai giống như sợi nàng thấy trong giấc mơ. Nàng quý xuống cảm tạ Chúa và rời khỏi hang nôn nóng bắt tay ngay vào công việc.

Đúng như bà tiên nói, bàn tay mềm mại của nàng chạm vào cây gai như chạm vào lửa, những nốt phỏng rất đỏ tràn lan khắp cánh tay và bàn tay nàng, nàng cam chịu nỗi đau đớn một cách vui lòng vì mong muốn cứu các anh. Mỗi khi hái một nắm lớn, nàng dùng chân chà xát để lấy ra những sợi gai, và xe thành chỉ.

Cuối ngày, các anh trở về thấy em mình câm lặng, họ ngạc nhiên vô cùng; họ tưởng rằng nàng đang bị một lời nguyện nào đó của mẹ kế phù thủy. Nhưng khi nhìn thấy đôi bàn tay rướm máu của nàng, họ dần hiểu ra em gái đang hy sinh vì sinh mạng họ. Người anh áp út không cầm được những giọt nước mắt. Đối với Elise, những giọt nước mắt của anh khác nào phương thuốc thần xoa dịu cơn đau của nàng. Lòng nàng thêm phần chán.

Nàng làm việc suốt đêm không chớp mắt. Ban ngày, khi các anh bay đi, nàng ngồi đan một mình, thấy thời gian qua mau quá. Nàng đã đan xong chiếc áo thứ nhất và đang chuẩn bị chiếc áo thứ hai, bỗng nàng nghe tiếng còi lanh lạnh vọng lại.

Đó là tiếng còi của những thợ săn từ phía núi xa đang tiến gần đến. Nàng kinh hãi vô cùng, tiếng còi càng lúc càng gần, và nàng nghe tiếng chó sủa. Nàng chạy vội vào bên trong hang sau khi quơ nhanh đám sợi gai lẫn chỉ gai.

Phút chốc, một bầy chó săn to lớn chạy xộc vào, sủa inh ỏi. Một đám thợ săn vội chạy đến đứng bên ngoài cửa hang nhìn vào. Người thợ săn trẻ nhất và đẹp trai nhất trong đám là vị vua của xứ sở này. Ông tiến đến bên Elise sững người vì vẻ đẹp hiếm có của nàng.

“Sao cô lại lạc tới chốn này? Hỡi cô bé xinh đẹp kia?” Ông Vua hỏi.

Elise chỉ biết lắc đầu, nàng không dám thốt lên tiếng. Nàng giấu đôi tay dưới tà áo để vua không thấy được dấu vết của sự đau đớn.

“Hãy đến với ta, nàng không thể ở một nơi như thế này. Nếu quả thật nàng cũng đoan trang như nét đẹp của nàng, ta sẽ may sắm lụa là cho nàng, đặt lên đầu nàng chiếc vương miện, nàng sẽ ở bên ta đời đời trong lâu đài lộng lẫy của ta.” Vua nói và nhắc bổng nàng lên, đặt lên mình ngựa, Nàng khóc và khoát tay, nhưng vua vẫn tiếp tục thuyết phục: “Ta chỉ nghĩ đến hạnh phúc cho nàng, một ngày nào đó nàng sẽ nhận ra và biết ơn ta.” Nói xong, vua quay ngựa, phi nước kiệu về hoàng cung với nàng Elise nằm gọn trong lòng. Đám tùy tùng cũng rời bước.

Họ về đến hoàng cung lúc trời hoàng hôn. Cung điện nguy nga bao quanh bởi những ngôi nhà thờ lớn kiêu rất xưa. Dọc bức thành đá, những vòi nước tuôn ra từ miệng rồng đủ dạng. Nàng không có lòng dạ nào chiêm ngưỡng những bức tranh đẹp chung khắp nơi, nàng chỉ biết thôn thức ưu sầu; nàng để mặc cho người hầu khoác lên chiếc áo hoàng gia và cài lên tóc nàng những nữ trang bằng ngọc quý, họ đeo cho nàng đôi găng trắng để che bàn tay sần sùi rách nát.

Trong y phục mới, nàng đẹp hẳn ra, lộng lẫy và uy nghi. Đám quần thần lần lượt tiến đến, cúi đầu sát đất để chào nàng. Vua hớn hờ tuyên bố rằng nàng sẽ là hoàng hậu,

mặc dù vị giám mục triều đình ghé tai vua nói rằng: “Thần e rằng nàng con gái đẹp này là một phù thủy đang mê hoặc hoàng thượng.”

Đĩ nhiên vua chẳng nghe lời ông ta. Ngài ra lệnh cho ban nhạc cử lên những khúc nhạc vui, lại ra lệnh cho nhà bếp mang lên những thức sơn hào hải vị, những đoàn vũ công gồm những cô gái xinh đẹp tiến ra múa hát giúp vui trong tiệc cưới.

Vua dẫn nàng băng qua một khu vườn hoa đến một căn phòng trang hoàng lộng lẫy; nàng vẫn giữ nét mặt u sầu. Đôi môi mím lại, đôi mắt buồn rười rượi, một nỗi sầu như thiên cổ. Sau cùng, vua mở cửa căn phòng nhỏ cạnh phòng nàng. Đó là một căn phòng trang trí giống như trong cái hang nơi nàng đã trú ẩn. Trên nền nhà trải thảm xanh là đồng sợi gai của nàng cùng chiếc áo đã hoàn tất. Số là một trong những thợ săn tùy tùng của vua do tò mò đã thu nhặt đem về cho vua.

“Nơi đây, nàng sẽ cảm thấy như đang ở trong hang đá cũ,” vua bảo nàng, “với cả những thứ nàng đang làm dở dang, ta mong rằng nàng sẽ tìm thấy sự thích thú.”

Nhìn những vật mà nàng đem hết tâm hồn ra để làm, Elise vui sướng nở một nụ cười, đôi má nàng hồng hào trở lại. Nàng nghĩ đến ngày giải thoát cho các anh chắc sẽ gần kề, Elise nâng bàn tay vua và đặt lên một nụ hôn kính cẩn, tỏ lòng biết ơn. Vua nâng nàng dậy, ôm nàng chặt vào lòng mình và ra lệnh cho nhà thờ đổ hồi chuông vui báo tin lễ thành hôn của mình. Cô gái xinh đẹp nơi góc rừng trở thành bà hoàng hậu từ đây.

Người phản đối cuộc hôn nhân vẫn là vị giám mục. Ông ta cứ nhỏ to thì thào vào tai vua những lời ngăn trở, nhưng vô ích, vua đã quyết chọn nàng. Sau cùng thì chính ông giám mục phải đứng ra chủ lễ đặt vương miện lên mái đầu xinh xắn của Elise. Vì lòng tràn đầy ác cảm, ông ấn thật mạnh chiếc vương miện xuống đầu nàng, cố làm cho nàng đau đớn; nhưng ông ta đâu biết trong lòng nàng còn một nỗi đau lớn hơn, đó là sự cảm thương cho hoàn cảnh các anh. Nàng mím chặt môi, cố giữ để không bật ra một tiếng nào, nhưng đôi mắt hướng về ông vua trẻ đẹp trai và đầy thiện tâm trao gửi vô vàn tình cảm nồng nàn. Càng ngày, nàng càng gắn bó hơn với chồng, mong ước đón nhận sự cảm thông, nàng rất muốn nói lên với chàng nỗi đau đớn của mình; nhưng không thể được, nàng phải câm lặng cho đến ngày hoàn tất công việc.

Mỗi khi đêm về, nàng lên chồng, lánh sang căn phòng bí mật của mình để đan áo. Khi đan đến chiếc áo thứ bảy, sợi chỉ vừa hết; nàng nhớ bà tiên Morgana nói rằng chỉ có thể tước gai từ bụi cây mọc ở nghĩa trang thôi, và chỉ có mình nàng làm được việc đó. Làm sao bây giờ? Ông ta phải mạo hiểm ngay, Chúa sẽ không nỡ từ bỏ ta. Nàng nghĩ.

Một đêm trăng nọ, nàng lên ra khỏi hoàng cung, trong lòng đầy kinh sợ và lo âu, nàng đi qua vườn thượng uyển đi băng băng qua những con đường tối tăm, vắng lặng, tìm đến một nghĩa trang. Đến nơi, nàng thấy một bọn phù thủy già nằm ngòai la liệt khắp nơi; chúng cởi bỏ hết áo quần như thể sắp đi tắm, và dùng những ngón tay dài gầy guộc đào bới những nấm mồ mới chôn, móc thi hài người chết lên và xé thịt chia nhau ăn uống. Elise thu hết can đảm bước qua mặt bọn chúng, chúng giương những đôi mắt cú vọ ra nhìn nàng chằm chằm, nhưng nàng vừa thì thầm đọc kinh vừa nhỏ nhanh những bụi gai rồi chạy nhanh về hoàng cung.

Xui cho nàng, ông giám mục từng theo dõi từng hành vi của nàng đã nhìn thấy hết, từ lúc nàng ra khỏi phòng cho đến khi trở về. Thế là những suy đoán của ông về bà hoàng hậu quả không sai chút nào! Elise là một mù phù thủy, và nàng đang mê hoặc đức vua và cả quần thần, cả dân chúng.

Không chần chừ, hôm sau, ông tâu lên vua hết mọi sự ông chứng kiến tận mắt và nỗi lo sợ của ông. Cứ mỗi lời ông nói ra những điều xấu xa về Elise, những hình ảnh các thánh trong những bức tranh trên tường như lắc đầu thảm bào chữa cho nàng: “Elise hoàn

toàn vô tội.” Giám mục thì hiểu lầm và tưởng là các thánh cùng phụ họa làm chứng cho lời nói của ông. Vua sững sờ, hai hàng nước mắt lăn dài trên má, ngài trở về phòng lòng trăm mối ngờ vực. Đêm đó, vua làm bộ ngủ say, đôi mắt mở hé để theo dõi Elise. Vua thấy nàng ngồi dậy, đi rón rén về phòng bí mật của nàng. Từ đó, mỗi ngày khuôn mặt vua càng thêm nặng nề, đăm chiêu. Elise nhận thức được sự thay đổi của vua nhưng không hiểu vì sao. Nàng linh tính điều gì bất ổn đang xảy ra, nhưng vẫn phải tiếp tục công việc. Nàng để cho những giọt nước mắt âm thầm chảy xuống gối mà chịu đựng một mình.

Ngày qua ngày, công việc gần xong, chỉ còn một chiếc áo cho người anh kế thôi, nàng lại phải lần nữa lén vào nghĩa trang để nhổ cây gai. Nàng rùng mình nghĩ đến đoạn đường đầy ma quái đe dọa. Nhưng ý chí và tình thương cùng lòng tin mãnh liệt vào Chúa Cứu thế đã thắng sự sợ hãi. Nàng đi.

Vua cùng giám mục nối bước theo dõi nàng. Họ thấy nàng biến mất sau hàng rào nghĩa trang; họ mạnh bước đi vào và thấy những mù phù thủy hung tợn góm ghiếc quây quần bên ngôi mộ ăn thịt người chết. Vua kinh tởm quay mặt đi, và thậm chí Elise cũng đang ngồi trong đám phù thủy đó. Vua lợm người nghĩ đến mới hỏi chiều đây thôi, mù phù thủy dơ dáy đó đã tựa mái đầu trên ngực ông một cách âu yếm!

Vua gầm lên giận dữ: “Hãy để cho thần dân kết tội nó.” Và toàn thể dân chúng đã đồng thanh la lớn: “Đem nó lên giàn hỏa ngay.”

Elise bị kéo ra khỏi căn phòng xinh đẹp của nàng giữa những khuôn mặt giận dữ. Họ tuốt sạch lụa là gấm vóc trên người nàng, và thấy cho nàng mớ áo bằng gai mà nàng đã và đang đan. Nàng bị đưa vào phòng giam chờ lệnh vua.

Elise vẫn tiếp tục đan và cầu nguyện. Bên ngoài nhà giam, bọn trẻ hát những bài hát mới đặt về nàng toàn những điều xấu xa; khắp nơi không có một ai tỏ lòng thương cảm đối với nàng.

Xế chiều, nàng nghe tiếng đập cánh cạnh khung cửa sổ buồng giam; đó là người anh kế đã tìm thấy nàng. Hoàng tử út kêu lên vừa vui vì gặp lại em gái, vừa thảm thiết vì biết đêm nay là đêm cuối của đời nàng. Chiếc áo chót sắp xong và các anh nàng đã có thể qui tụ lại đây.

Giờ phút cuối của nàng đã điểm, ông giám mục, theo thông lệ đến bên nàng để chờ nàng xưng tội. Nhưng nàng lắc đầu ra dấu cho ông hãy để nàng yên. Nàng chỉ còn một đêm nay để hoàn thành chiếc áo, nếu không tất cả công lao, nước mắt, đau đớn của nàng sẽ trở thành vô ích. Ông giám mục tỏ vẻ thương hại cho nàng và quay đi. Chỉ có mình nàng biết mình vô tội, nàng kiên nhẫn đan nốt.

Ngay cả những con chuột bé tí cũng giúp nàng bằng cách nhặt những sợi gai trao tận tay nàng; con dế mèn đứng trên bậu cửa ca suốt đêm để động viên nàng thêm can đảm.

Trời chưa sáng, đô thị còn ngái ngủ, thì các anh nàng đã có mặt ở cổng thành xin vào yết kiến vua. Nhưng binh lính bảo rằng hãy chờ sáng, Vua còn say giấc điệp và không ai dám đánh thức ngài. Họ dùng đủ mọi lời vừa thuyết phục vừa đe dọa, nhưng vô ích, binh sĩ tảng lờ như không nghe thấy. Tiếng ồn vọng đến tai vua, vua bước ra xem sự thể ra sao thì vừa lúc mặt trời ló dạng, các anh nàng biến thành đàn thiên nga bay lên không gian.

Trong thành, dân chúng tập nập kéo nhau về phía công trường chờ xem hỏa thiêu mù phù thủy. Elise ngồi buồn trên chiếc xe bò, nàng được khoác lên một chiếc áo choàng bằng vải thô, mái tóc dài vàng óng của nàng rối bời tủa xuống bờ vai. Đôi má nàng tái nhợt, chỉ có đôi môi còn mấp máy và đôi bàn tay vẫn cặm cụi đan. Ngay cả trên đường đi vào cái chết, nàng cũng không chịu bỏ cuộc. Mười chiếc áo đã đan xong để thành đồng dưới chân nàng, trên tay là chiếc thứ mười một chỉ còn vài đường chỉ chót.

“Coi kìa! mù phù thủy còn lằm bằm gì kìa. Mù chẳng có Thánh kinh trong tay mà chỉ có những mớ giẻ rách. Dem mà vút nó đi cho đỡ gai mắt.”

Đám người cuồng nộ xô tới bên nàng, đưa hàng chục cánh tay toan giật chiếc áo trên tay nàng, vừa lúc mười một con thiên nga bay đến, chúng đập cánh quanh nàng, che chở cho nàng khỏi bị xúc phạm.

“E rằng nàng vô tội chẳng? Có phải đàn thiên nga là dấu hiệu của thiên cung chẳng?” Đã có nhiều người nghĩ thế, nhưng họ không dám thổ lộ ra.

Không để cho tên đao phủ kịp nắm lấy tay mình, Elise tung mười một chiếc áo lên đàn thiên nga. Họ biến ngay thành mười một hoàng tử khôi ngô trước những cặp mắt ngạc nhiên của mọi người. Chỉ có chàng áp út là còn một chiếc cánh chim bên vai phải, bởi nàng chưa kịp đan xong tay áo đó

“Bây giờ tôi đã có thể nói lên được! tôi hoàn toàn vô tội.”

Đám đông chứng kiến cảnh tượng từ nãy giờ nay hoàn toàn quy phục nàng, họ cúi đầu trước nàng như trước một vị thánh, trong lúc nàng ngã bất tỉnh trên cánh tay của các anh; Nàng đã chịu đựng quá sức mình, vừa nổi đóm đau tinh thần lẫn thể xác, vừa nổi kinh hoàng trước cái chết.

“Đúng thế, em gái tôi vô tội.” Hoàng tử út kể hết câu chuyện của các anh em mình cho tất cả mọi người cùng nghe. Xung quanh họ, bây giờ, hoa muôn sắc đang nở rộ; những đoá hồng hé nụ khoe hương cùng đám hoa phong lan. Trên cành cây cao, phượng nở đỏ ối một khoảng trời. Nhà vua hái một nụ hoa đẹp nhất đem đến đặt trên ngực nàng. Elise dần mở mắt và lấy lại niềm vui cùng sự an bình trong tâm hồn.

Bây giờ thì chuông nhà thờ reo vang từng hồi dài, phụ họa cùng tiếng hót của chim muông. Đôi vợ chồng hoàng gia quay trở về cung điện lòng tràn ngập hạnh phúc và niềm tự hào.

Anh Lính Chì Dũng Cảm The Steadfast Tin Soldier

Ngày xưa, có hai mươi lăm anh lính chì, họ là anh em ruột, vì họ được đúc ra từ một cái muỗng chì cũ. Họ mang trên vai mỗi người một cây súng trường, mặc bộ quân phục xanh nẹp đỏ rất oai vệ, và đứng trong tư thế nghiêm, mắt nhìn thẳng phía trước. Tiếng nói mà các anh lính chì nghe lần đầu tiên trong đời, là khi chiếc hộp được khai ra, một em bé nhìn thấy các anh, đã vỗ tay reo lên thích thú: “Các chú lính oai quá!” Hôm đó là ngày kỷ niệm sinh nhật của em, và em được tặng các anh lính chì.

Em bé chẳng mất nhiều thì giờ để sắp các anh lính chì lên bàn mình. Hai mươi lăm anh trông hoàn toàn giống nhau, trừ một anh chàng chỉ có một chân. Số là, anh này ra đời sau cùng, người thợ không đủ chì để cho anh có cả hai chân, đành vậy! Tuy thế, anh lính cụt vẫn đứng nghiêm chỉnh trên một chân của mình như các anh kia, và cũng do thế mà anh ta sau này trở nên nổi tiếng hơn.

Trên chiếc bàn mà các anh vừa được đặt lên, có cơ man nào là đồ chơi đẹp mắt; nhưng vật làm các anh chú ý nhất là tòa lâu đài bằng giấy cạc tông rất huy hoàng và tỉ mỉ. Bạn có thể nhìn qua những khung cửa sổ bé xíu để thấy bên trong. Bên ngoài là hàng cây nhỏ bao quanh một miếng kính soi giả làm hồ nước, mặt hồ phản chiếu hình những con thiên nga bằng sáp đang bơi lội trên đó. Nhìn chung, cảnh trí rất nên thơ, nhưng vật xinh xắn nhất là một cô bé đứng ở cửa tòa lâu đài. Cô bé cũng được cắt bằng giấy bìa, cô mặc bộ váy bằng voan mỏng, có sợi đăng ten màu xanh quanh vai áo. Cô đứng xoè hai tay ra trong một tư thế đang múa ba lê - Cô là một nữ vũ công mà - một chân cô giơ cao lên khuất phía sau làm anh lính chì tưởng cô cũng bị cụt chân như mình.

“Phải chi ta lấy được cô bé này làm vợ.” Anh nghĩ, “Nhưng cô ta trông sang trọng quá; cô ở trong tòa lâu đài, còn ta chỉ có chiếc hộp mà chen chúc những hai mươi lăm anh em. Ta chẳng có chỗ xứng đáng cho nàng; nhưng được thôi, ta sẽ làm cho nàng dần thích nghi.” Anh dựa người ra trên một chiếc hộp khác, thoải mái nhìn ngắm cô nàng kỹ hơn, trong khi cô vẫn cứ múa trên một chân mà vẫn giữ thăng bằng.

Đến tối, cậu bé cất các anh lính vào hộp đậy lại, để sót anh lính cụt chân; cả nhà đi ngủ. Bây giờ mới là lúc các đồ chơi sống lại và cùng nhau vui đùa; chúng thăm viếng trò chuyện với nhau, đám này thì chơi banh, đám kia thì vật lộn, ôi thôi đủ thứ vui náo nhiệt. Từ trong hộp, các anh lính chì nghe tiếng ồn ào, đâm ra nào nức tìm cách chui ra, nhưng họ không làm sao mở được nắp hộp. Trên bàn, mọi vật đang nhảy múa, nhào lộn, ngoài hai nhân vật vẫn cứ đứng yên lặng từ trước đến giờ, đó là cô vũ nữ và anh lính chì cụt chân bị cậu bé bỏ quên. Cô nàng vẫn ở trong tư thế múa ba lê, với một chân nhón lên và một chân khác hất về phía sau; anh lính chì cũng đứng trên một chân dăm dăm nhìn cô nàng một cách say mê.

Thình lình, chuông đồng hồ gõ mười hai tiếng, báo hiệu nửa đêm. Pốp! một tiếng động vang lên. Một chiếc hộp bật mở ra, lò xo bung lên, hiện ra một chú quỷ đen nhỏ xíu.

“A! Tên lính chì! Mi để mắt mũi đâu mà không né ta ra hử?” Tên quỷ hách dịch hỏi.

Anh lính giả ngơ không thèm trả lời.

“A! Tay này ngon nhỉ! Để sáng mai mày biết sẽ biết tay ta.” Con quỷ dọa.

Đến sáng hôm sau, cậu bé thức dậy lật đật lôi các anh lính chì ra sắp trên thành cửa sổ. Chẳng biết có phải do lời nguyện rủa của con quỷ đen tối qua, hay vì một ngọn gió vô tình, cửa sổ bật mở, anh lính chì cụt chân rơi xuống đất từ căn phòng ở trên tầng lầu ba.

Thật là khủng khiếp cho anh, anh chúi đầu xuống đất, may có chiếc nón lính đỡ cho anh khỏi vỡ sọ, cái chân độc nhất chĩa thẳng lên trời. Cậu bé và tên tớ trai chạy xuống lầu tìm anh, nhưng chúng không trông thấy được, vì anh bị kẹt giữa hai phiến đá lót đường. Phải chi anh chịu khó lên tiếng, may ra cậu bé đã cứu được; nhưng anh lính này tôn trọng kỷ luật nhà binh, không thể la lên khi đang ở trong tư thế nghiêm chỉnh.

Trời bỗng đổ mưa, càng lúc mưa càng lớn hạt. Nước chảy thành dòng dọc theo ven đường. Khi mưa tạnh, có hai cậu học trò tình cờ đi qua đó.

“Ê! coi kìa! Có một anh lính chì! Để ta nhặt lên chơi.” Chúng xé giấy tập, xếp thành một con thuyền và đặt anh lính chì vào đó, xong thả cho trôi theo dòng nước. Chúng vừa chạy theo vừa vỗ tay khoái trí.

Trời đất thiên địa ơi, sóng gió chi mà dữ thế. Mưa thì cứ lai rai từng chập. Con thuyền trôi tránh muồn lật nhiều lần, và có lúc xoay tròn quanh xoáy nước. Anh lính chì sợ chết điếng, nhưng vẫn phải tỏ ra dũng cảm; anh không hề biểu lộ ra mặt mà vẫn chững chạc đứng với cây súng trường trên vai như đang thi hành lệnh gác. Chiếc thuyền giấy bỗng chui vào một con đường hầm tăm tối, có lẽ cũng tối như trong chiếc hộp của anh.

“Ta đang ở đâu thế này?” Anh nghĩ. “Chắc là con quỷ đen nó ám hại mình! phải chi có cô nàng ở với ta trên chiếc thuyền này thì dù có chui xuống địa ngục ta cũng cam lòng.”

Một con chuột cống từ đâu chui đến.

“Đưa coi giấy thông hành? Có không thì báo?”

Anh lính im lặng, nắm chặt báng súng; thuyền cứ trôi, con chuột chạy theo sát phía sau, nó nghiêng răng tru lên: “Chận nó lại, chận lại, tên gián điệp không có giấy thông hành, nó lại chẳng biết mật khẩu.”

Giòng nước trôi nhanh hơn đẩy thuyền đi xa, anh lính đã thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, nhưng cùng lúc anh nghe những tiếng gầm vang dội, tiếng gầm khủng khiếp đủ cho những kẻ bạo gan nhất cũng phải rùng mình. Bọn thử tưởng tượng coi! Nơi cuối hầm, giòng nước thông ra một cái vịnh lớn, nước ở đây tuôn ra như một cái thác, ai mà chịu đựng nổi bị phóng nhào xuống với một tốc độ khủng khiếp thế.

Anh lính chì lo sợ nhìn miệng cống càng lúc càng gần mà không sao dừng thuyền lại được. Chiếc thuyền nhào xuống thác nước; anh lính cố hết sức mình đứng thật vững chờ việc gì tới sẽ tới.

Thuyền quay đi mấy vòng rồi rơi tồm xuống, nước tràn ngập khoang thuyền kéo nó chìm dần xuống đáy vực. Anh lính đứng bất lực nhìn nước ngập dần từ chân cho đến cổ. Cuối cùng nước tràn qua đầu anh- Trong phút cuối cùng đó, anh nghĩ đến cô vũ nữ xinh đẹp mà anh không bao giờ còn gặp lại, bên tai anh như có tiếng hát một khúc quân hành,

Ngày bao hùng binh tiến lên...

Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến...

Thuyền chìm hẳn, và anh lính chì đáng thương đang chơi vui giữa màn nước thì một chú cá bơi đến, đớp trọn anh vào bụng.

Trong bụng cá tối ối là tối, và lại nó chật quá, chẳng cọ quây gì được. Anh lính chì vẫn nghiêm trang giữ đúng tư thế người lính gác. Hồi lâu, anh cảm thấy như con cá quẫy mạnh mấy cái rồi bất động, mắt anh bỗng loá lên vì một tia sáng rơi vào. Lần nữa, anh lính thấy lại ánh sáng mặt trời, anh nghe có tiếng nói: “-! một anh lính chì!”

Hoá ra chú cá bị sa lưới, bắt mang ra chợ bán. Một chị sen mua cá, đem về làm thịt, vừa mổ bụng ra thì bắt gặp anh lính của chúng ta. Chị ta móc anh chàng ra, đem khoe với mọi người và kể chuyện về cuộc phiêu lưu kỳ thú của anh lính kết thúc trong bao tử con cá. Anh lính thì chẳng thấy vui và hãnh diện chút nào. Chị sen đem anh đặt lên bàn. Lại thay, anh lính thấy lại cảnh vật cũ, cũng em bé chủ nhân của anh ngày nào, cũng những thứ đồ chơi xinh xắn và nhất là cô vũ nữ còn đứng múa một cách duyên dáng bên công tòa lâu đài bằng giấy bìa các tông.

Nàng vẫn đứng trên một bàn chân, hai cánh tay xòe ra, chân kia duỗi thẳng phía sau. Anh lính nhìn nàng và thấy đôi mắt nàng cũng nhìn lại mình, nhưng họ không nói với nhau một lời. Bỗng dung, một đứa bé -bạn cậu chủ nhà- chụp lấy anh lính chì, không thèm giải thích lấy nữa lời, quăng anh vào trong lò sưởi đang cháy rực. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính tên quý lùn đã buông lời nguyên độc địa cho anh. Anh lính đứng giữa ngọn lửa, cháy sáng lên, anh thấy nóng bùng bùng. Anh chẳng phân định được là cái nóng của bếp lửa hay là nhiệt huyết trong tâm hồn anh. Màu da anh từ từ đổi từ xám sang đỏ hồng; anh vẫn đứng nhìn về cô vũ nữ và thấy cô nhìn anh. Sức nóng làm anh chảy tan ra thành chất chì lỏng nhưng anh vẫn cố giữ thân mình đứng thẳng băng, tay nắm chắc bóng súng.

Cửa chợt mở, một cơn gió thổi tung cô vũ nữ vào đồng lửa, áo quần cô bắt cháy và cả cô nữa, cô cũng cháy tiêu ra tro, bên cạnh anh lính chì dững cảm.

Sáng sau, người tớ gái quét lò sưởi, tìm thấy một cục chì có hình dạng một trái tim nhỏ xíu nằm giữa đám tro tàn của cô vũ nữ

Chiếc Hộp Thiếc The Tinder Box

Một người lính đang nhịp nhàng bước trên con đường cái quan. Một hai! một hai! anh vừa bước vừa đếm nhịp như đang đi diễn binh. Trên lưng, anh đeo chiếc ba lô, bên hông là chiếc gươm dài. Chả là anh ta vừa mãn nhiệm kỳ quân dịch, đang trên đường trở về quê nhà sau thời gian chinh chiến. Giữa đường, anh gặp một mù phù thủy; mù già khom và xấu xí như ma lem, đặc biệt là môi dưới của mù trề ra, kẹp dài cho đến tận chiếc cằm nhọn.

Mù cất tiếng trước: “Chào anh bạn, anh có cây kiếm đẹp quá nhi! và lại thêm cái túi đeo lưng to rõ to. Đúng anh là một chiến binh! Anh có muốn có thật nhiều tiền không?”

“Chào mù phù thủy! Cảm ơn lòng tốt của mù.”

“Trông kìa, anh có thấy cây to đặng kia không? Có một cái hang ở trong bụng cây. Anh chỉ có việc trèo lên ngọn cây và nhìn thấy miệng hang. Ta sẽ cột một sợi dây quanh bụng anh để anh leo xuống và muốn lên lúc nào thì chỉ giật cái dây cho ta hay.”

“Tôi sẽ phải làm gì trong cái hang đó?”

“Tha hồ nhặt tiền thôi!” Mù phù thủy cười nham hiểm. “Khi anh xuống tận đáy hang, anh sẽ thấy một hành lang hun hút sáng như ban ngày. Ở đó, anh sẽ thấy ba cánh cửa, chìa khóa đã móc sẵn ở trên cửa. Nếu anh vào cửa thứ nhất, anh sẽ thấy một cái rương lớn ngay chính giữa sàn nhà. Trên nắp rương là một con chó có đôi mắt to như hai cái đĩa, nhưng đừng quan tâm đến làm chi. Ta sẽ trao cho anh một cái tạp dề màu xanh để anh trải lên sàn nhà; xong phải thật nhanh nhẹn, bắt con chó đặt vào trong tạp dề, anh mở rương ra lấy hết tiền bạc trong đó, muốn bao nhiêu cũng được. Toàn là tiền đồng, nhưng nếu anh thích tiền bằng bạc, hãy đi vào căn phòng số hai. Nơi đây có con chó mắt to bằng cái cối xay, mặc kệ nó. Cứ bắt nó bỏ vào tạp dề và hốt bạc. Căn phòng thứ ba chứa đầy tiền vàng. Nhưng con chó ở đó có đôi mắt to như cá thập chuông. Nhớ đó, nó chỉ là con chó thôi, nhưng chó để nó làm hại anh, cứ làm như lần trước là an toàn, và anh sẽ trở thành kẻ giàu nhất thế gian với đồng vàng trong tay.”

“Nghe cũng hấp dẫn đấy!” Anh lính gật gù. “Nhưng ta phải trả ơn cho mù điều gì? vàng chăng?”

“Không, ta không cần vàng. Ta không lấy của anh một xu con nào cả. Ta chỉ muốn anh lấy lên cho ta cái hộp thiếc cũ mà bà ngoại ta đã để quên khi người xuống dưới đó mấy năm trước đây.”

“Ta đồng ý. Đưa dây ta cột quanh bụng.”

Mù phù thủy giúp anh cột dây và trao cho anh cái tạp dề xanh của mù.

Anh lính treo lên ngọn cây, quả có thấy miệng hang ăm thông xuống dưới. Anh cẩn thận tụt xuống và nhận ra dãy hành lang dài cùng ba cánh cửa. Trong hang như có hàng ngàn cây nến thấp sáng rực. Anh mở cánh cửa thứ nhất, cha mẹ ơi! một con chó mở đôi mắt to như hai cái đĩa nhìn anh trừng trừng. Anh lính cười duyên với nó và nói nhỏ :O

Này chú em, ta làm bạn nhé.Ồ Anh bé nó đặt xuống tám tạp dề đã trải dưới nền đất, xong anh mở rương và hốt một nắm lớn đầy những tiền đồng. Bước qua căn phòng thứ hai, wow!, con chó ở đây quả có đôi mắt to như hai cái cối đá. “Đừng nhìn ta như thế, chú nhỏ, hãy ngoan, ngồi vào đây.” Khi vừa mở cái hòm thấy toàn những bạc, anh vội trút bỏ những tiền đồng trong túi ra và vợ thật nhiều bạc. Trong phòng thứ ba, anh thấy một con chó mà đôi mắt lớn như hai cái tháp, nó trợn lên và quay quay như bánh xe. “Chào chú chó!” Anh vừa nói vừa bế con chó đặt vào tạp dề và mở nắp hòm. Lạy chúa tôi, cả một tài sản lớn trên thế gian có một không hai. Toàn vàng là vàng, đủ để mua cả thành phố Copenhagen, mua cả các cửa tiệm bánh kẹo, cả dàn đồ chơi, cả những con ngựa đua sáng giá nhất. Toàn là tiền vàng không hà! Anh lính rút hết những nắm bạc, và nhét vàng vào cho đầy túi áo quần, vào túi đeo lưng, nhét cả vào trong giày, nghĩa là bất cứ chỗ nào trên người anh có thể nhét được. Anh trả con chó lại trên cái rương, đóng cửa và gọi vọng lên.

“Mụ phù thủy! kéo ta lên”

“Anh có lấy cái hộp thiếc chưa?” Mụ hỏi xuống.

Anh lính tìm ra hộp thiếc, cầm trên tay và đu giây leo lên, trong khi mụ phù thủy ra sức kéo.

Bây giờ thì anh đang đứng trên con đường cái quan, trở thành một người giàu sụ.

Anh hỏi:

“Mụ lấy cái hộp thiếc làm gì?”

“-! chẳng việc gì đến anh. Anh có vàng là đủ rồi, đưa hộp cho ta.”

“Này, nói cho ta biết mụ lấy hộp làm cái giống gì, nếu không ta chặt đầu mụ.”

“Ta chẳng nói cho người nghe đâu.”

Anh lính tuốt gươm, chém bay đầu mụ phù thủy, để xác lại bên đường rồi khăn gói tiếp tục đi.

Anh hướng về một thị trấn nhỏ xinh đẹp, vào thẳng một lữ quán sang trọng nhất thuê một căn phòng rộng đầy tiện nghi và kêu những món ăn ngon lạ. Tên bồi phòng khi vào lấy đôi giày anh ra đánh bóng đã vô cùng thắc mắc vì thấy một anh nhà giàu lại đi đôi giày cũ kỹ rách rưới: chả là anh chưa kịp sắm cho mình thứ gì cả. Hôm sau, anh mới ra phố mua áo quần, giày vớ mới. Anh lính hôm qua nay biến thành một ông triệu phú lịch lãm, mọi người đua nhau bu quanh anh và kể cho anh nghe những chuyện xảy ra trong thành phố, chuyện về ông vua của họ và nhất là chuyện về cô công chúa xinh đẹp.

“Làm thế nào để được gặp nàng?” Anh lính hỏi.

“Khó lắm, nàng sống trong một toà lâu đài xây bằng đồng, xung quanh bao bọc bởi những dãy tường cao và tháp canh. Chẳng ai dám vào đó trừ đức vua. Ngày trước đây, có người thầy bói đoán rằng nàng sẽ lấy một anh lính trơn làm chồng nên nhà vua lo sợ đem nàng nhốt vào đây.”

“Ta sẽ đi tìm gặp nàng.” Anh lính nghĩ, nhưng không làm sao tìm ra được cách nào để thâm nhập vào lâu đài.

Suốt ngày anh rong chơi khắp phố phường, sống một cuộc sống nhàn nhã ăn chơi, khi trà đình, khi tửu quán. Anh đem tiền bố thí cho những người nghèo vì anh luôn luôn nhớ đến lúc hàn vi của mình, anh thông cảm với cảnh nghèo đói và cư xử với mọi người rất rộng rãi, vì thế trong thành ai cũng mến anh.

Tính tình phóng khoáng và sự tiêu xài quá độ của anh một ngày nọ làm cho anh trắng tay. Anh giật mình lần mò trong hết các túi áo, chỉ còn vài đồng xu. Chủ khách sạn đuổi anh ra khỏi phòng, anh xin lên ở trên trần nhà, tự tay đánh giày và vá mạng áo quần mình vì chẳng có tiền để trả công cho ai nữa. Bạn bè xa lánh anh dần, anh trở nên một người hoàn toàn cô đơn.

Một tối nọ, anh không còn đủ tiền để mua cây đèn cầy thấp sáng. Anh chợt nhớ ra rằng trong chiếc hộp thiếc mà mẹ phụng thủy nhờ anh lấy từ đáy hang có một mẫu sáp nhỏ có thể xài tạm. Anh mở hộp và lấy nó ra, khi anh vừa đánh lửa lên thì cánh cửa bật mở toang; con chó có đôi mắt to như hai cái đĩa hiện ra trước mắt anh và hỏi anh: “Thưa chủ nhân, ngài sai bảo tôi điều gì không?”

“Lạy Chúa tôi, hóa ra đây là chiếc hộp than” Anh nghĩ bụng và ra lệnh cho con chó kiếm cho anh ít tiền. Con chó quay ra đi một hồi lâu rồi trở lại với một túi bạc nặng trĩu ngậm trên mõm.

Anh lính giờ đây khám phá ra cái kho tàng trong chiếc hộp thiếc cũ. Nếu anh đánh lửa một lần, con chó ngồi trên rương đồng hiện ra; nếu đánh lửa hai lần anh sẽ thấy con chó trên rương bạc và nếu đánh lửa ba lần, anh sẽ là chủ nhân của con chó trên rương vàng.

Anh lại dọn xuống căn phòng rộng và mua sắm lại áo quần đẹp; bạn bè lại tìm về với anh, ca tụng anh như xưa.

Đang ngồi buồn, anh chợt nhớ tới chuyện cô công chúa; anh nghĩ: “Ta nghe nàng đẹp tuyệt trần, và không một người đàn ông nào có thể tìm đến với nàng! Tội nghiệp nàng phải chịu giam mình trọn đời trong tòa lâu đài bằng đồng kia! Ta có cách nào gặp được nàng? Hãy xem thử cái hộp thiếc có giúp gì cho ta không?”

Anh mở hộp đánh lên một ánh lửa, con chó mắt to như cái đĩa hiện ra.

“Bây giờ là nửa đêm rồi, nhưng ta cứ khắc khoải muốn được gặp công chúa, dù chỉ một giây thôi.”

Con chó rời khỏi phòng, và trong một thời gian rất ngắn chừng như chưa kịp cho anh lính suy nghĩ gì thêm, nó đã trở lại với nàng công chúa trên lưng. Nàng đang còn trong giấc ngủ, trông nàng xinh đẹp và quý phái làm sao. Anh lính không cảm lòng được, cúi xuống hôn lên trán nàng. Con chó đem nàng trả lại trong tòa lâu đài.

Sáng sớm, khi vua và hoàng hậu vào thăm con và cùng ăn sáng với công chúa, nàng kể cho họ nghe về một giấc mơ về một con chó và một anh lính nàng nằm mơ đêm qua. Nàng nói: “Rõ ràng con mơ thấy một con chó cõng con trên lưng đem đến tận nơi có một người lính, và anh ấy đã hôn con.”

“Đúng là giấc mơ kỳ quái.” Hoàng hậu bảo.

Bà ra lệnh cho một bà hầu phòng phải túc trực cạnh giường công chúa suốt đêm để xem sự thể.

Đêm đó, anh lính lại nôn nóng muốn gặp nàng và sai con chó mang nàng đến. Khi con chó cõng nàng trên lưng chạy thật nhanh ra khỏi lâu đài, bà hầu phòng tất tưởi đuổi theo. Bà thấy cả chó và nàng công chúa biến mất trong một căn nhà lớn. Bà cảm chắc đã biết tận nơi, bèn lấy phấn đánh dấu lên cánh cửa căn nhà và quay trở về. Lúc sau, nàng công chúa cũng được con chó mang trả lại, đặt lên giường như cũ.

Vì là con chó thần, nên nó rất thông minh. Trên đường về, thấy dấu phấn trên cánh cửa, nó hiểu ra chuyện gì rồi; nó cũng dùng phấn đánh dấu lên tất cả các cánh cửa của những căn nhà trong thành phố đó.

Vua, hoàng hậu và toàn thể triều đình sáng hôm sau tề tựu đông đủ chờ nghe về giấc mơ của công chúa. Sau khi được bà hầu phòng báo lên mọi việc, họ cùng kéo nhau xuống đường đi tìm căn nhà có đánh dấu.

“Đây rồi, chính căn nhà này.” Vua trở vào căn nhà đầu tiên ông thấy.

“Không phải đâu, chính là căn này.” Hoàng hậu trở vào một căn nhà khác.

“Tâu hoàng thượng, căn nào cũng có đánh dấu cả.”

Họ thất vọng vì không thể nào tìm được chính xác căn nhà mà con chó đã mang công chúa vào, bèn quay trở về hoàng cung.

Hoàng hậu là một phụ nữ rất thông minh. Bà nghĩ ra một kế hay. Hôm đó, bà lấy chiếc kéo vàng, cắt tấm lụa ra may một chiếc túi nhỏ và đổ vào đó đầy ắp những hạt đậu nhỏ xíu; xong bà khoét một lỗ thủng vừa đủ dưới đáy túi để cho hạt đậu có thể rơi xuống. Bà buộc túi lụa vào váy áo công chúa hy vọng rằng đậu sẽ đổ ra trên đường và bà có thể theo đó, lần ra căn nhà mà công chúa được mang đến.

Lần này, con chó không khám phá ra được mưu mẹo của hoàng hậu. Nó mang công chúa đến cho anh chàng si tình rồi mang trả về lâu đài mà không biết gì đến những hạt đậu rơi vãi trên đường.

Thế là anh lính bị bắt và bị giam vào ngục tối vì tội phạm thượng, dám động đến công chúa cưng ngọc ngà của vua.

Anh ta nằm thườn thượt trong phòng giam tối thui và chật ních. Thật là đau khổ vì sự điên rồ. Một hôm người lính gác thông báo cho anh hay: “Ngày mai, người sẽ bị treo cổ.”

Thật là một tin sét đánh, thế là xong một đời trai, lại thêm cái xui là anh để quên cái hộp thiếc trong căn phòng khách sạn.

Trời vừa tinh mơ, anh lính đã nghe tiếng ồn ào bên ngoài; anh nhón lên nhìn qua song sắt để thấy dân chúng đang nườm nượp kéo về phía cánh đồng để chờ xem cuộc hành quyết. Anh cũng nghe tiếng trống đánh dập dồn, anh thấy những toán lính nối đuôi nhau tiến về bãi cỏ. Thế giới bên ngoài kia đang rộn rạo lên; anh chợt thấy chú bé con lão thợ giày đang vội vã đi. Chú bé đánh rơi một chiếc giày ngay phía dưới cửa sổ nhà giam nơi anh lính đang buồn rười rượi nhìn người ta chuẩn bị cái chết cho mình.

“Này chú bé, chớ vội!” Anh lính thấy chú bé, mừng quá kêu lên. “Ta còn ngồi đây thì sẽ chưa có gì vui ngoài đó đâu. Ta sẽ cho chú một đồng vàng nếu chú chạy nhanh về phòng ta lấy cho ta cái hộp thiếc mà ta để quên trong đó. Nhưng phải chạy thật nhanh lên.”

Đứa bé nghe nói đến đồng tiền vàng, mừng quýnh, vội ba chân bốn cẳng chạy về lấy hộp đem cho anh lính.

Nơi cánh đồng bên ngoài thành phố, người ta đang dựng lên giá treo cổ. Toán lính buộc lại những sợi dây cho thật chắc trong khi dân chúng bao quanh ngày càng đông. Vua và hoàng hậu mặc triều phục lộng lẫy ngồi trên ngai giữa đám quần thần. Phía bên trái là ông phán quan mặt lạnh lùng như đá.

Anh lính được dẫn lên một cái bục gỗ, một đao phủ quàng sợi dây thừng vào cổ anh, chờ lệnh. Ông phán quan tuyên bố rằng tội nhân sẽ được hưởng một ân huệ trước khi bị hành hình. Anh lính xin hút một điếu thuốc trước khi chịu chết. Vua thấy lời yêu cầu không có gì nghiêm trọng bèn gật đầu cho phép.

Anh lính lấy hộp ra, đánh lửa ba lần, cả ba con chó từ đâu nhảy xổ ra. Anh la lớn :

“Hãy cứu ta! Đưa ta ra khỏi giá treo cổ ngay.”

Bầy chó nhào vào đám lính canh và đám quan lại cắn xé tứ tung. Cả sân cỏ rối loạn lên, quan quân chạy tán loạn và dầy xéo lên nhau. Ba con chó quay qua vua và hoàng hậu hát tung họ xuống đất. Dân chúng đồng thanh suy tôn anh lính: “-! Anh lính tốt bụng, chúng tôi muốn anh lên làm vua và cưới công chúa làm hoàng hậu.”

Họ dẫn anh lính đặt lên ngai vua, đưa công chúa từ lâu đài bằng đồng đến trước anh. Hai người nắm tay nhau sung sướng. Ba con chó nhảy nhót vui mừng và reo lên: “Hurrah!” Bọn trẻ con thì chụm ba ngón tay vào mồm, huýt sáo inh ỏi; đám lính đã trở lại hàng ngũ, cùng bồng súng chào vua mới.

Trong ngày đám cưới của anh lính và công chúa, người ta thấy ba con chó ngồi chễm chệ trên bàn, giương những con mắt to rõ to nhìn khắp mọi người.

Cô Bé Đi Đôi Giày Đỏ

The Red Shoes

Xưa có một cô bé; người cô bé tí teo, bé và xinh như một con búp bê. Nhà cô nghèo, không sắm nổi cho cô đôi giày. Mùa hè, cô phải đi chân đất; mùa đông cô được một đôi guốc mộc nặng kệt, làm chân cô thường sưng tấy lên.

Một bà cụ đóng giày tốt bụng ở trong làng làm cho cô một đôi giày nhỏ bằng những mảnh vải vụn màu đỏ. Đôi giày trông có vẻ thô thiển, nhưng bà cụ già ngời may nó với lòng chân tình thương yêu đối với cô bé.

Bé Karen, vì tên cô là Karen, mang đôi giày lần đầu tiên vào đúng ngày mẹ cô qua đời. Cô chẳng còn ai thân thích trên cõi đời. Ngày đưa đám mẹ ra nghĩa trang chỉ có mình cô đi lẻo đẻo theo sau quan tài. Đáng lẽ người ta không mang y phục hay giày vớ màu mè trong dịp lễ tang buồn bã, nhưng cô chỉ có đôi giày độc nhất này, cô mang chúng mà chẳng có vớ kèm theo.

Chợt có một bà quý tộc già đi qua trên chiếc xe ngựa sang trọng; bà trông thấy em và động lòng thương hại một đứa trẻ mồ côi. Bà xin với vị tu sĩ: “Hãy cho tôi đưa bé này, tôi đem về nuôi nâng đỡ em trong tình thương yêu.”

Karen nghĩ có lẽ bà chú ý tới đôi giày đỏ của mình, nhưng bà quý phái giải thích cho em hay là đôi giày xấu xí đáng đem đốt đi thôi. Em được bà đưa về, may sắm áo quần đẹp và được cho học hành, biết đọc, biết viết, và biết may vá. Bé lớn dần, trở nên xinh đẹp, ai cũng khen em. Em thường soi gương và được gương bảo: “Em còn đẹp hơn lời tán dương của họ nhiều, em là một cô gái đáng yêu.”

Lúc đó, bà hoàng hậu cùng cô công chúa cùng đang ngự giá đi thăm dân tình. Họ đi qua thành phố nơi Karen ở. Dân chúng trong thành chen chúc nhau để được chiêm ngưỡng hoàng hậu và công chúa, Karen cũng có mặt trong đám đông. Cô công chúa nhỏ đứng ở lan can tòa lâu đài để cho dân chúng được thấy mặt; cô ăn mặc giản dị, không mang vương miện, nữ trang mà chỉ có bộ váy lụa màu trắng tinh và đôi giày đỏ kiểu maroc-cô.

Đôi giày của công chúa hoàn toàn khác xa đôi mà bà cụ thợ giày may cho Karen. Đó là một tuyệt tác của người thợ nghệ sĩ có một không hai trên thế gian.

Karen trưởng thành, nàng được may sắm nhiều áo quần mới sang trọng và được một đôi giày mới trong ngày lễ báp têm của mình tại nhà thờ. Bà mẹ nuôi cho mời người thợ giày nổi tiếng đến lâu đài đo chân nàng; ông đem theo những chiếc hộp thủy tinh chứa những mẫu giày đẹp và bóng lộn. Bà quý tộc chẳng chọn được mẫu nào. Trong những đôi giày mẫu đó, có một đôi màu đỏ trông giống đôi giày của nàng công chúa; đôi giày xinh xắn làm sao! Ông thợ giải thích: “Đôi giày này làm cho công nương con của vị bá tước, nhưng cô ta không mang vừa chân.” Bà quý tộc thích thú hỏi: “Chắc nó làm bằng da dê? Trông nó bóng quá!”

“Vâng, nó bóng thật.” Karen nói và ướm thử đôi giày, ồ! thật vừa khít làm sao! Bà quý tộc mắt đã mờ không nhìn thấy màu đỏ của đôi giày nên bằng lòng mua cho cô. Nếu không, chẳng đời nào bà chịu để cho nàng mang đôi giày đỏ đi chịu lễ báp têm. Thế là Karen hớn hờ diện áo quần và mang đôi giày đỏ đến nhà thờ.

Khi Karen bước vào thánh đường, mọi người trở mắt nhìn vào đôi chân nàng. Ngay cả những bức tượng thánh, những nhân vật trong các bức tranh dọc theo hai bên tường cũng chăm chăm vào đôi giày đỏ.

Karen kiêu hãnh chẳng hề để tâm đến thánh lễ, ngay cả khi vị giám mục đặt tay lên đầu nàng đọc kinh chúc phước và ban hành lễ báp têm cho nàng, nhắc nàng những bổn phận thiêng liêng đối với thiên chúa. Nhạc thánh du dương vọng lên, dàn đồng ca thiếu nhi hát những bài ca ngợi Chúa, nhưng trong lòng Karen, nàng chỉ nghĩ đến đôi giày đỏ mới của mình.

Buổi chiều, bà mẹ nuôi nàng nghe tin đồn về những điều xảy ra ở nhà thờ, ai cũng chỉ trích Karen đã đến nơi tôn nghiêm trong đôi giày lòe loẹt không thích hợp chút nào. Bà ra lệnh cho nàng mỗi khi đi lễ, phải mang giày màu đen. Ngày chủ nhật kế đó, là ngày nàng chịu phép thánh thể đầu tiên, nàng nhìn đôi giày đen cũ mà ngao ngán vì nó quá xấu so với đôi giày mới. Thế là nàng xô chân vào đôi giày đỏ bất tuân lời dạy bảo của bà mẹ nuôi.

Hôm đó là một ngày đẹp trời; Bà quý tộc dẫn Karen đi lễ, qua những cánh đồng ngô vừa trở bông, đường đầy bụi. Trước nhà thờ, ngay cửa lớn ra vào có một ông lão thương binh đứng chống nạng. Ông có bộ râu dài và rậm màu hung hung đỏ, ông cúi rạp mình xuống đất khi bà quý tộc và Karen bước qua và xin được đánh bóng đôi giày cho họ. Đến lượt Karen, nàng chìa đôi chân ra.

“Ồ! Một đôi giày khiêu vũ tuyệt đẹp.” Ông lão khen. “Em sẽ quay thật nhanh khi nhảy múa nhé,” ông vừa nói, vừa gõ nạng xuống nền đất. Bà cụ trả công cho ông một đồng bạc rồi dẫn Karen bước vào thánh đường. Toàn thể con chiên và cả những bức tượng thánh đều chăm chú nhìn vào đôi giày đỏ của Karen. Khi nàng quỳ gối trước bàn thờ nhận mình thánh Chúa, lòng nàng chỉ miên man suy nghĩ về đôi giày; nàng thấy như chúng bay lượn chập chờn trước mắt nàng đến nỗi nàng quên bẵng đi cả chuyện hát thánh ca, và dĩ nhiên quên cả đọc kinh tạ ơn.

Lễ tan, mọi người lục tục ra về. Bà quý tộc bước vào cỗ xe ngựa đã chờ sẵn; Karen sửa soạn bước lên theo, chợt nghe ông lão thương binh còn ngồi gập đó thốt lên: “Coi kìa! Đôi giày khiêu vũ đẹp làm sao!” Karen không cưỡng được, chân nàng bỗng muốn nhảy nhót và nàng nhảy thật; ban đầu còn từ từ, sau đó như có ma lực thúc đẩy nàng càng nhảy nhanh hơn. Nàng nhảy lượn vòng quanh giáo đường, như có bàn tay vô hình nào thúc đẩy trên đôi chân. Nàng muốn dừng mà chẳng làm sao dừng được; người xà ích phải chạy theo sau chụp nàng lại và bế đặt lên xe, nhưng đôi chân nàng vẫn cứ tiếp tục những bước múa vẩy vẩy trong không gian. Bà cụ quý tộc không né kịp đã bị chân nàng đạp nhiều lần đau điếng. Sau cùng người ta cố gắng lắm mới lột được đôi giày ra khỏi chân nàng, nàng mới tạm ngừng nhảy múa.

Họ về đến nhà, bà cụ cho đem đôi giày cất trong tủ kính; Karen không thể cưỡng lại được sự ham muốn, nên thỉnh thoảng cô lên tới ngắm nghía nó với vẻ thèm thuồng.

Bà mẹ nuôi bỗng lâm trọng bệnh; ai cũng cho rằng bà khó tránh khỏi tay tử thần; Karen được yêu cầu chăm sóc bà với lòng cẩn trọng, nàng phải túc trực bên giường bà ngày đêm vì nàng là người bà thương yêu nhất. Chẳng may, trong thành lại có một buổi dạ vũ lớn và nàng nhận được giấy mời tham dự. Nàng nhìn bà mẹ nuôi rồi quay qua nhìn đôi giày đỏ; bà già thì sắp chết, nhưng đôi giày thì trông quyến rũ quá. “Cũng chẳng đến

nổi nào đâu.” Nàng thẳm nhủ và vói tay lấy đôi giày mang vào chân đi đến dự buổi khiêu vũ.

Lạ thay! Đôi giày không chịu theo ý điều khiển của nàng; khi nàng muốn bước sang trái theo đúng nhịp thì chân nàng lại trở qua bên phải; khi nàng muốn xoay vòng về phía trước thì chân nàng như có ai hướng dẫn, vung rộng ra phía sau, rồi cứ thế kéo nàng xuống cầu thang, lôi nàng qua những con đường phố và đi dần ra ngoại ô. Nàng cứ nhảy múa, hai bàn chân không ngừng nghỉ dù đã lạc vào trong rừng thẳm. Nàng thấy vật gì chiếu sáng ở trên đầu, xuyên qua vòm cây, nàng ngỡ đó là ánh trăng; nhưng không phải đâu! đó là khuôn mặt ông lão thương binh với bộ râu đỏ đang chăm chú nhìn nàng miệng vừa nói: “Chà đôi giày khiêu vũ xinh ghê!”

Nàng thấy kính hãi và rùng mình; nàng muốn bằng giá nào cũng phải cởi đôi giày ra khỏi chân. Nhưng vô ích, nó dính chặt vào bàn chân nàng cứng ngắc; nàng xé vớ đôi vớ cho giày có lỏng ra tí chằng, nhưng chịu thôi, nó càng gắn chặt vào. Nàng cứ nhảy, quay cuồng nhảy múa qua những cánh đồng cỏ, qua những khu vườn cam, nhảy cả trong cơn mưa cũng như dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt, nhảy cả ban ngày lẫn ban đêm, mà nhất là về đêm càng làm cho nàng thêm hãi hùng.

Nàng nhảy luôn cả trong nghĩa trang, nhưng người chết không thèm dòm tới nàng, họ có nhiều chuyện quan trọng phải làm. Nàng muốn dừng lại một chút và ngồi nghỉ trên ngôi mộ kia, nhưng đôi chân không chịu dừng lại. Khi nàng nhảy múa về phía cổng giáo đường, nàng nhìn thấy một thiên thần với đôi cánh và chiếc áo trắng toát phủ kín từ đầu cho đến chân, khuôn mặt thiên thần nghiêm nghị, trong tay lại cầm một thanh kiếm bén lưỡi kiếm lấp lánh dưới ánh mặt trời.

“Nguyên cho ngươi hãy nhảy múa mãi, cho đến khi nào thân thể ngươi hoàn toàn rã rời, da dẻ ngươi hoàn toàn tái nhợt, cho đến lúc ngươi chỉ còn là một bộ xương khô! Ngươi sẽ nhảy múa từ cửa nhà này qua cửa nhà nọ, khi nào ngươi thấy một đứa trẻ kiêu căng, ngươi sẽ gõ cửa nhà nó kêu nó ra cho nó thấy ngươi và biết sợ hãi. Ngươi sẽ cứ nhảy múa đời đời...”

“Xin làm phước cho tôi.” Nàng kêu lên nhưng chẳng ai trả lời nàng, vì đôi giày đã mang nàng đi ra xa, vượt qua cánh cổng đến tận con đường quan; cứ thế, trên đường dài chập chùng, nàng cứ tiếp tục nhảy múa.

Một buổi sáng nọ, nàng nhảy múa qua một căn nhà quen thuộc; nàng nghe tiếng kinh cầu hồn bên trong vọng ra, rồi nàng thấy một cỗ quan tài phủ đầy hoa được mấy người thanh niên mang ra. Nàng biết bà mẹ nuôi phúc hậu đã qua đời, nàng cũng hiểu ra rằng nàng đã bị gạt ra khỏi cuộc sống bình thường của thế gian, do lời nguyện của ông lão thương binh và vị thiên thần.

Nàng tiếp tục khiêu vũ cho đến khi hai chân nàng toé rách và tươm máu. Nàng dần đến một căn nhà nhỏ lơ lửng giữa cánh rừng. Nàng biết đây là căn nhà của người đao phủ, và nàng đập mạnh cả hai tay lên cửa van xin: “Xin hãy ra đây, cứu tôi với, vì tôi không thể ngừng nhảy múa để bước vào nhà được.”

Người đao phủ nói: “Ngươi không biết ta là ai à? Ta chuyên môn chặt đầu những kẻ xấu xa tội lỗi, hôm nay lưỡi dao của ta sáng lên như báo hiệu sắp có một nạn nhân đến nạp mình đây.”

“Đừng chặt đầu tôi, tội nghiệp. Hãy để cho tôi sống mà sám hối tội lỗi của mình, nhưng xin hãy chặt đôi chân với đôi giày đỏ này đi.”

Xong, nàng thú nhận hết cả tội mình. Người đao phủ quơ lưỡi dao chặt đứt hai bàn chân bị bó trong đôi giày đỏ. Đôi giày tiếp tục nhảy múa, mang theo hai bàn chân đầm máu về hướng khu rừng và mất dạng.

Người đao phủ đem nàng vào nhà, làm cho nàng đôi chân gỏi và cặp nạng. Ông ta dạy cho nàng thánh kinh, bắt nàng đọc Nhã ca cùng những đoạn kinh sám hối. Nàng rung rung quỳ xuống hôn lấy bàn tay ông: “Tôi đã chịu đựng quá đủ với đôi giày đỏ, ngày mai tôi sẽ đến nhà thờ để cho mọi người thấy hậu quả của việc tôi làm.”

Khi nàng đến nhà thờ, nàng lại thấy đôi giày đỏ đang nhảy múa trước mặt nàng, nàng kinh khiếp quá và quay vội trở về.

Suốt tuần lễ liên tiếp, nàng buồn rầu vô hạn, nàng khóc đến cạn nước mắt; ngày chủ nhật đến, nàng lại tự nhủ: “Tôi đã chịu đựng nhiều quá rồi; tôi cảm thấy mình đủ tốt lành để sánh cùng những con chiên phước thiện khác trong nhà thờ.”

Cũng như lần trước, vừa đến trước cửa nhà thờ, nàng đã thấy đôi giày đỏ. Kinh sợ tăng lên gấp bội, nàng quỳ quặp quay bước trở lui. Lần này thì nàng xúc động và hối hận thật tình. Nàng đến nhà cha sở, xin cha cho làm những công việc nặng nhọc nhất mà chẳng hề hỏi xin ân huệ hay lương tiền, miễn sao cho nàng một mái lều đơn sơ để nàng được sống giữa loài người. Cha sở cảm động và chỉ bảo cho nàng công việc làm lụng. Nàng tỏ ra vô cùng cần mẫn, siêng năng và lại khéo tay, sáng dạ. Đến chiều, mỗi khi ngồi nghe giảng kinh thánh, nàng tỏ ra chăm chú như nuốt từng lời Chúa dạy. Dần dà, các em bé đều mến nàng, chúng khoe với nàng quần áo mới, và thấy nàng lắc đầu tỏ vẻ không hài lòng.

Đến ngày dự thánh lễ, bọn trẻ rủ nàng cùng đi nhà thờ. Nàng nhìn chúng lòng buồn rười rượi, nước mắt nàng chảy thành giòng trên gò má. Chúng kéo nhau đi nghe giảng kinh, để nàng lại một mình trong căn phòng nhỏ. Nàng quỳ xuống bên chiếc ghế tựa, tay cầm cuốn kinh; nàng đọc từng trang với tấm lòng khiêm nhu, nàng nghe thấy tiếng đàn vọng đến từ giáo đường xa; Nàng đưa hai tay ra trước mặt hướng về đức Chúa vô hình mà cầu xin: “Xin Chúa lòng lành cứu vớt tâm hồn con.”

Bỗng dưng trong phòng tỏa ánh sáng chói lọi. Vị thiên thần trong áo choàng trắng hiện ra trước nàng, lần này trong tay không mang theo gươm bén mà là một nhánh hoa hồng tươi. Thiên thần giơ cao cành hoa, chạm đến đầu thì ở đó tỏa sáng lên những vì sao lấp lánh. Bức vách trong phòng biến mất, nàng thấy những bức tranh vẽ các thánh đang ngồi thông công và cùng nhau ca hát, tiếng đàn dương cầm du dương trầm bổng. Thực ra là cả hội chúng nhà thờ đang đến bên nàng cầu nguyện cho nàng. Khi nhạc kinh chấm dứt, họ đứng lên nhìn nàng thương cảm và nói: “Sau cùng thì con cũng đã được cứu rồi.”

“Nhờ ơn phước của Chúa nhân từ.” Nàng đáp. Nhạc lại trở lên, các em thiếu nhi cất tiếng ca trong trẻo ca ngợi Chúa. Ánh nắng ấm áp chiếu vào gian phòng, soi thẳng vào người nàng; nàng cảm thấy tâm hồn tràn ngập ơn phước và sự an bình, hoan lạc. Tim nàng vỡ ra. Linh hồn nàng nhẹ nhàng nương theo tia sáng bay lên thiên đàng.

Từ đó, chẳng còn ai nhắc nhở đến đôi giày đỏ ma quái nữa.

Bé Túc Little Tuk

Có một chú bé tên Túc. Thực ra tên chú không phải là Túc, nhưng chú tự đặt cho mình tên ấy vào cái tuổi mà chú chưa phát âm rõ tên thật của mình. Chúng ta tưởng cũng nên biết tên thật của chú nhỏ là Carl, chú cho rằng Carl hay Túc thì cũng na ná như nhau. Hàng ngày, chú phải trông coi đứa em gái tên Gustave, và mỗi khi phải học bài thì thật khổ tâm cho chú, vì chú không thể làm hai việc trong một lúc được. Chú phải đặt em ngồi trên đùi, hát ru em bằng tất cả những bài hát mà chú biết, rồi thỉnh thoảng liếc sang cuốn tập để đọc những bài địa dư. Bởi vì sáng hôm sau, chú phải thuộc nằm lòng tên những đô thị của nước Zealand cũng như dân số, sinh hoạt của dân cư trong đó.

A! mẹ đã về, bà bế em Gustave để Túc rảnh tay học bài vì trời cũng đã sắp tối; và mẹ thì nghèo không đủ tiền mua đèn cây cho chú.

“Này con, con chịu khó chạy xuống cầu thang giúp cho bà cụ mang giỏ áo quần lên, khéo ngoan.” Bà thấy một bà thợ giặt giã đang xoay sở với một giỏ áo quần mà không làm sao mang lên thang gác được.

Túc chạy vội xuống cầu thang khuôn giúp bà cụ và khi trở lên phòng thì trời đã tối hẳn; chẳng có đèn đóm gì, thôi đi ngủ vậy. Chú lật chiếc giường mà ban ngày xếp lại trên tường, nằm miên man nghĩ đến bài học địa dư, về hòn đảo Zealand, về những điều mà thầy vừa dạy sáng nay. Đáng ra chú phải thuộc bài mới, nhưng đành vậy, biết sao bây giờ. Chú đặt cuốn sách địa dư dưới gối nằm, vì chú tin rằng làm thế sẽ giúp cho chú nhớ được bài học.

Chú cứ nằm suy nghĩ mãi cho đến khi chú cảm thấy như có ai đó đang cúi xuống hôn lên đôi mắt và môi chú và chú thiếp đi, nhưng vẫn chưa chìm sâu vào giấc ngủ. Chú mơ màng thấy bà cụ già giặt ủi đang đứng trước mặt, nhìn chú hiền từ và nói: “Cháu không thuộc bài ngày mai thì cũng đáng lo lắm. Nhưng vì cháu đã giúp bà, bây giờ bà lại giúp cháu, và vì cháu có lòng tốt, Chúa nhân từ sẽ luôn luôn theo bên để giúp cháu.” Lập tức, cuốn sách dưới gối nằm của Túc nhảy ra và phát ra tiếng: “crip, crap.”

Một con gà trống xứ Kioge xuất hiện: “Tục, tục, tục, ta là con gà thành Kioge.” Gà kể cho Túc nghe về dân tình ở thành phố Kioge, có bao nhiêu dân, làm ăn ra sao, các trận đánh đã diễn ra thế nào... Tiếp đó là con chim gõ từ xứ Praesto nói về thành phố mình, chim hãnh diện khoe: “Thorvaldsen cũng từng ở sát cạnh nhà tôi, đó là một thành phố đẹp hiếm có.”

Chú Túc thấy mình ngồi trên mình ngựa, ngựa phi nước kiệu đường xa. Chú thấy một hiệp sĩ oai vệ trong bộ giáp bạc, trên đầu là chiếc nón sắt với chùm lông phát phơ. Hiệp sĩ dẫn chú đi qua những khu rừng đến thành phố cổ Vordingborg, nơi đông đúc dân cư và sinh hoạt sầm uất. Cung điện của vua được bao bọc bởi những toà lâu đài với những tháp canh sừng sững; ánh sáng chiếu qua các khung cửa sổ, nơi vọng ra tiếng nhạc của đám người quý tộc đang khiêu vũ. Nhà vua Waldemar đang dẫn đầu một đoàn những bà xinh đẹp ra sàn nhảy. Đêm tàn, bóng mặt trời bắt đầu ló dạng, cả cung điện, hoàng thành từ từ biến mất, thành phố nhỏ và mờ nhạt dần rồi cũng mất dạng. Chỉ thấy một đoàn học sinh cặp sách vở đến trường, vừa đi vừa đọc: “Trong thành có hai ngàn dân cư.” Thực ra thì có ít hơn thế.

Chú bé Túc vẫn còn nằm trên giường; thoát đầu, chú nghĩ mình vừa trải qua một cơn mơ, rồi chú lại cho rằng chính là thực, mơ và thực, chú hoàn toàn không biết chắc, nhưng chú biết chắc một điều, là có một ai đó ở gần chú lúc này.

Đó là một anh thủy thủ tí hon, có lẽ là một thủy thủ tập sự. Anh nói với chú: “Chú Túc, Chú Túc! Thay mặt thành phố Korsoer, ta đón chào chú chân tình.” Korsoer là một thành phố đang phát triển, ngày xưa nơi đây buồn tẻ lắm, nhưng nay phồn thịnh trở lại nhờ kỹ nghệ hoá. Korsoer thường tự hào: “Tôi nằm sát bờ biển, có những con xa lộ thênh thang, những khu công viên xinh đẹp. Xứ tôi đã sản sinh ra những nhà thơ vĩ đại. Tôi muốn gửi con tàu ra bốn biển báo cho toàn thế giới hay về cái đẹp của xứ tôi.”

Chú Túc quả nhìn thấy những giàn hoa trắng đỏ tím vàng trải qua trước mặt chú; rồi lại biến dần đi, thay vào đó là những cây cột gỗ cao ngất dần trải ra tận mặt nước trong veo của một cái vịnh nhỏ. Chú thấy một tháp chuông nhà thờ cổ kính hiện trên nền trời; những giòng nước mát từ những khe đá chảy róc rách tuôn ra, tạo thành những bọt nước trắng xoá. Gần nơi đó, trên chiếc ngai vàng lộng lẫy, Túc thấy vua Hroar của xứ Springs và Roeskilde (thủ đô cũ nước Đan mạch) với chòm râu trắng xóa. Xa hơn một chút là Vua và hoàng hậu đang tay trong tay đi thơ thẩn về hướng nhà thờ. Rồi tất cả lại biến mất! Túc ngẩn người chẳng rõ họ biến đi hướng nào. Một người đàn bà què đứng trước mặt chú, bà từ Soro đến với cái tạp dề bằng vải thô xám che phủ trên đầu và choàng qua vai. Ở đó chắc đang mưa, vì chú thấy bà ướt đầm. Bà kể cho Túc nghe những đoạn vui trong vở kịch của Holberg, bà biết tường tận về Waldemar và Absalom; khi bà sửa soạn kể cho chú nghe thì tự nhiên thân hình bà co lại còn nhỏ xíu như con búp bê. “Oạp oạp,” bà nói, “trời mưa ướt át quá thể, cái xứ Soro cứ như là vũng nước.” Bà biến thành con nhái, rồi lại biến thành người đàn bà như cũ. “Người ta phải ăn mặc theo thời tiết! mưa quá xá, mưa nhiều làm cho xứ tôi cứ như là vũng nước. Ngày xưa, tôi có những chú cá vàng xinh xắn, nay chúng trở nên những đũa bé có đôi má hồng hồng, chúng học những điều khôn ngoan vô cùng.” Giọng bà nói đều đều nghe như tiếng con ếch ương kêu trong cơn mưa làm cho chú Túc thấy nhàm chán và chú chìm sâu vào giấc ngủ muộn màng.

Tuy thế, chú vẫn không thoát khỏi giấc mơ kỳ lạ. Chú thấy em Gustave, với đôi mắt xanh và mái tóc vàng xoắn tít, lớn lên dần và dù không có đôi cánh như các thiên thần, hai anh em chú cũng bay được lên không trung. Chúng bay qua rừng xanh đến tận xứ Zealand.

“Chú có nghe tiếng gà gáy xa xa không? Cúc cô ri cô. Đó là những con gà mái từ xứ Kioge. Chú sẽ có một sân đầy những con gà tơ xinh xắn. Chú sẽ trở thành người giàu có và hạnh phúc. Chú sẽ có căn nhà đẹp như cung điện vua Waldemar, trang trí bằng những bức tượng cẩm thạch như Presto. Khắp thế giới sẽ biết đến tên chú với sự ngưỡng mộ.”

“Chú sẽ ăn nói khôn ngoan và khi hết đời, chú sẽ được ngủ một giấc ngủ an bình như ...”

“Như thế trong xứ Soro!” Túc nói tiếp và thức dậy. Trời đã sáng trung, chú chẳng còn nhớ gì về giấc mơ cả. Nhưng như thế cũng phải, vì người ta chẳng nên nhìn lại quá khứ.

Chú nhảy ra khỏi giường và cầm lấy cuốn sách đọc ngẫu nhiên. Bà già giật mướn thò đầu qua cửa sổ, nhìn chú gật gù :

“Già cảm ơn chú nhiều nhé, chú bé đáng yêu. Cầu Chúa sẽ cho chú đạt được ước vọng.”

Chú bé Túc chẳng nhớ tí gì về những điều đã xảy ra trong cơn mơ, nhưng trên cao kia, có Ngôi Hai Chúa trời biết đến rất rõ.

Người Bạn Đồng Hành The Travelling Companions

Mấy hôm nay, John rất buồn; cha chú ốm nặng và khó tránh khỏi chết. Trong căn phòng nhỏ bé, chẳng có ai ngoài hai cha con chú; đêm vắng lặng và thê lương làm sao, mà ngọn đèn thì đã gần cạn dầu.

“Con là một đứa con hiếu thảo.” cha chú thều thào, “Cha tin rằng Chúa sẽ phù trì dẫn dắt cho con trên cõi đời này.” Ông đưa đôi mắt nhìn âu yếm vào khuôn mặt thơ dại của con, thở hắt một hơi cuối cùng và qua đời một cách nhẹ nhàng, như thể đi vào giấc ngủ ngàn thu. John nấc lên khóc nức nở, trong lòng tràn ngập nỗi niềm cay đắng, vì từ đây trên đời chú không còn ai thân thuộc, Tội nghiệp chú John! Chú quỳ xuống bên giường, cầm bàn tay giá lạnh của cha và đặt lên đó những cái hôn trong khi nước mắt tuôn tràn trên má. Rồi chú, vì quá mệt mỏi, gối đầu vào thành giường, thiếp đi vào giấc ngủ.

John trải qua một giấc mơ tuyệt vời; chú thấy cả mặt trời lẫn mặt trăng hạ xuống trước mặt chú, và cha chú cũng xuất hiện khoẻ mạnh và tươi tắn; chú cười vì lòng đầy niềm hạnh phúc. Một thiếu nữ xinh xắn đội vương miện bằng vàng trên mái tóc dài vàng óng tiến đến, đưa tay ra trước chú; cha chú bảo: “Hãy nhìn vị hôn thê của con, nàng là người xinh đẹp nhất trên đời.” John thức dậy, giấc mơ tan biến; chỉ có thi hài cha lạnh ngắt nằm trên giường, và chẳng có ai ngoài chú cả, tội nghiệp John!

Người quá cố được chôn cất trong tuần lễ sau đó; John bước chậm rãi theo sau quan tài, chú sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy lại người cha mà chú kính yêu nhất và cũng là người thương yêu chú vô bờ. Chú đứng ngậm ngùi nhìn người ta ném những cục đất xuống trên nắp quan tài cho đến khi nó được hoàn toàn phủ kín, rồi người ta lấp vội bằng những nhát xẻng đầy. Cha đã nằm sâu dưới ba tấc đất! Khốn khổ thay cho chú John! Chú cảm thấy tim mình như tan vỡ ra.

Ông linh mục đọc một đoạn Nhã ca đầy xúc động, và nước mắt John tuôn lũ chã, nhờ đó lòng có phần nào nguôi ngoai. Mặt trời chiếu sáng trên những cành cây, đường như thăm bảo chú: “Đừng quá u sầu, John! Hãy nhìn lên trời xanh kia, cha con đang ở trên đó và đang cầu xin Chúa nhân từ phù hộ cho con.”

“Tôi sẽ là người tốt!” John nói, “và tôi sẽ lên thiên đường để gặp lại cha, giây phút trùng phùng sẽ vô cùng hạnh phúc; tôi có bao điều để kể cho cha nghe, và cha cũng sẽ chỉ cho tôi những điều hay, như cha đã dạy cho tôi khi người còn sinh thời. Ôi! vui sướng biết bao!”

John tưởng chừng như phút giây gặp gỡ hiện ra trước mắt mình. Chú mỉm cười với ý nghĩ đó trong khi hai bên má, những giọt nước mắt vẫn còn tuôn xuống. Những con chim nhỏ trên cành dẻ gai cũng nhảy chuyền cành và líu lo ca hát dù đang tham dự lễ tang buồn, vì chúng biết người chết đã được Chúa rước lên thiên đường, và ông ta còn có đôi cánh lớn gấp bội đôi cánh chim bé nhỏ của chúng. Chúng cũng biết ông già rất hạnh phúc, vì ông đã sống một cuộc đời gương mẫu nơi thế gian, chúng mừng cho ông thật tình. John nhìn thấy đàn chim rời cành bay đi, chú mơ ước được chấp cánh bay như chim. Nhưng chú phải trở về thực tế, làm chiếc thập giá bằng gỗ để cắm trước mộ cha; khi chú đem thập giá trở lại nghĩa trang vào buổi chiều, chú thấy ngôi mộ phủ đầy cát mịn và

những bó hoa tươi. Đó là lòng thương yêu ngưỡng mộ của những người lạ đối với cha chú.

Sáng sớm hôm sau, John thu vén hành trang gọn gàng của mình và giấu tiền bạc cha để lại trong dây nịt quần quanh bụng mình; chỉ có năm chục đồng tiền và ít xu lẻ. Với cái tài sản tí hon đó, chú bước vào đời. Trước lúc ra đi, John đến nghĩa trang thăm mộ cha, chú quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện và nói với cha: “Con đi đây, thưa cha! Con sẽ luôn luôn sống thánh thiện để cha không hổ thẹn thừa với Chúa về con.”

John đi qua những cánh đồng phủ đầy hoa, những đoá hoa hướng về phía mặt trời âm áp như bảo chú: “Chúng tôi sung sướng thấy chàng đi qua đây, nơi cánh đồng xinh đẹp này.” John quay đầu cổ nhìn lại tháp chuông giáo đường nơi chú làm lễ rửa tội ngày còn nhỏ, nơi chú mỗi cuối tuần đến cầu kinh và hát thánh ca trong ban hát nhi đồng, và nhất là nơi chú được cha nắm tay và đọc cho nghe những đoạn Nhã ca đầy ý nghĩa. Càng tập trung nhìn, chú thấy từ trong khung cửa tháp chuông kia, chú bé kéo chuông trong chiếc nón đỏ đang đứng che mắt vì ánh mặt trời gay gắt, John vẫy tay chào và thấy anh ta cũng chào lại và gửi cho chú những nụ hôn gió như thì thầm chúc cho chú lên đường may mắn.

Bây giờ, John bắt đầu tưởng tượng về những điều kỳ ảo mà chú sẽ gặp trên những chặng đường vào thế giới mới. Chú đi và suy nghĩ cho đến khi chú thấy mình đã đi quá xa đến một nơi mà chú chưa biết đến bao giờ. Chú đi qua những thành phố hoàn toàn xa lạ, gặp gỡ những người cũng xa lạ. Đêm đầu tiên, chú phải ngủ trên đồng rạ ngoài ruộng lúa mới gặt. Chú thấy thích thú, và cho rằng làm vua chưa chắc được thế. Mảnh ruộng nằm sát bờ sông, rơm rạ còn tươi tỏa mùi thơm dễ chịu, và bầu trời trong xanh trên đầu gây cho chú cảm giác thú vị. Trên cánh đồng cỏ xanh, điểm những đoá hoa vàng, đỏ trông như tấm thảm dày; chú có cả một khúc sông làm bãi tắm, nước trong mát vô ngần. Trên cao, ánh trăng dịu dàng toả xuống; John ngủ một giấc êm đềm không lo sợ, phập phồng trong cảnh thiên nhiên yên lành. Chú thức dậy sáng hôm sau khi mặt trời đã lên cao, và bầy chim trên cành cất tiếng chào rộn rã: “Chào John, dậy đi thôi!”

Chuông nhà thờ đổ liên hồi giục giã, mọi người vội vã kéo nhau đến nhà thờ cầu kinh, John nối đuôi đi theo họ. Chú hát thánh ca và lắng nghe như uống từng lời Chúa; chú có cảm giác thân quen như đang ở ngay giáo đường quê nhà, nơi chú đầu tiên được nhận lễ và nơi hai cha con chú hằng chú nhật đến hát thánh ca. Sau nhà thờ, có một khu nghĩa trang rộng, nhiều ngôi mộ cỏ đã phủ cao. John nghĩ đến mộ cha; cũng sẽ có lúc phủ đầy cỏ như thế này vì chú không được ở gần để săn sóc. Chú ngồi xuống tựa những cây cỏ cao, sửa lại cây thập giá đã xiêu vẹo. Chú nhật lại tràng hoa đã bị gió thổi bay ra xa, đặt ngay ngắn lại trước mộ và nghĩ rằng nơi quê nhà, sẽ có người tốt bụng cũng giúp đỡ sửa sang lại cho mộ cha mình.

John thấy một ông lão ăn mày đứng bên ngoài hàng rào nghĩa trang, tay chống chiếc nạng gỗ; chú móc túi lấy biếu ông già vài đồng xu và bước đi, lòng thấy tràn ngập niềm hoan lạc. Đến xế chiều, một cơn giông lớn đầy đe dọa chợt kéo đến, John vội tìm nơi ẩn náu, nhưng trời sụp tối nhanh. Sau cùng, chú đến được một ngôi nhà thờ nhỏ trên một ngọn đồi trơ trọi; cửa để trống, chú lách vào tìm một xó để tạm trú cho qua cơn giông.

“Ta sẽ ngồi đây chờ cho hết cơn giông, ta đã mệt quá và cần nghỉ ngơi một lát.” Chú ngồi xuống, khoanh tay trước bụng đọc kinh chiều và thiếp đi vào giấc ngủ trong lúc sấm chớp không ngừng phía bên ngoài kia.

Lúc nửa đêm, John chợt thức dậy, cơn giông đã qua. Ánh trăng trở lại chiếu qua cửa sổ, rọi lên mình chú, ánh sáng nhẹ tràn ngập căn phòng nơi chú tạm trú. John thấy ngay chính giữa phòng là một chiếc quan tài mở nắp trong đó có một người chết chưa

được chôn. John không tỏ vẻ sợ hãi, vì chú biết chắc rằng người chết là vô hại; chỉ có những người sống mà tâm địa xấu xa mới làm hại kẻ khác. Có hai người đàn ông hung dữ đứng bên quan tài, chúng đến đây để hồng vút thi thể người chết ra khỏi nhà thờ.

“Tại sao các ông làm điều ác độc này?” John hỏi. “Vì phước hạnh, hãy để cho người chết được yên ổn.”

“Chú nhỏ ơi, thằng này khi sống nó lừa bịp chúng ta, nó mắc nợ ta mà không trả nổi, bây giờ chết đi để trốn nợ; ta sẽ chẳng lấy lại được một xu nhỏ cho nên chúng ta phải trả thù. Nó sẽ bị quăng ra ngoài kia như một con chó rách.”

“Tôi có khoảng năm mươi đồng.” John nói, “Đó là tất cả tài sản của tôi, tôi sẽ vui lòng biếu ông nếu ông hứa thật tâm rằng ông sẽ tha cho người chết được yên ổn. Tôi sẽ tự xoay sở với hai bàn tay trắng vì tôi còn chân tay khoẻ mạnh, và Chúa sẽ giúp tôi.”

“Được thôi, nếu chú sẵn lòng trả thế món nợ cho nó, chúng ta sẽ bảo đảm không làm gì nữa.”

Chúng ngừng tay cầm lấy tiền của John, cười mũi vào mặt chú vì coi chú là một đứa ngu dần, xong bỏ ra đi. John đặt người chết ngay ngắn trở lại trong áo quan, nói lời từ biệt và quay đi, bước trên con đường dẫn vào khu rừng trong một tâm trạng thoải mái đã làm công việc phước thiện. Trăng chiếu xuyên qua cành lá, những chú ma trơi nhảy múa quanh John, nhưng chúng không động chạm đến chú, vì chúng biết chú là một người lương thiện, hào tâm. Những con ma trơi này nhỏ bé, có con chỉ bằng ngón tay út, mái tóc chúng được chải và kẹp gọn trong chiếc lược con bằng vàng. Chúng đan tay nhau bay lượn quanh những giọt sương đọng trên lá, cỏ. Có những giọt sương lăn chảy và rơi xuống đất, ma trơi cũng lăn theo và cười thỏa thích như những đứa bé nghịch ngợm. Chúng ta biết rằng chỉ có những người thánh thiện mới có thể nhìn thấy được chuyện thần kỳ, bọn gian ác chỉ thấy điều ma quái. Bọn ma trơi đồng ca những bài hát mà John quen thuộc từ thuở ấu thơ, trong lúc những con nhện bắt đầu giăng những sợi tơ óng ánh từ cành này sang cành khác như bắc những chiếc cầu. Chúng lấp lánh dưới ánh trăng bạc mỗi khi có giọt sương vô tình rơi trên mình chúng. Chúng bèn bị làm việc cho đến khi mặt trời lên ở phương đông, những sinh vật bé nhỏ này lánh mình vào bụi hoa, vài con gió thoảng qua, đánh đu đưa những màng lưới nhện.

John gần như đi qua hết khu rừng, thì bỗng nghe tiếng người gọi :

“Ê! chào anh bạn! bạn đi đâu thế?”

“Tôi đang bước vào đời rộng lớn kia, tôi chẳng còn ai thân thích, tôi chỉ là một kẻ khốn khó, nhưng Chúa nhân từ sẽ che chở tôi.”

“Chúng ta sẽ cùng đi, tôi cũng như bạn thôi.”

“Còn gì hơn nữa.” John vui vẻ trả lời, và họ trở thành hai bạn đồng hành từ đó.

Bây giờ ta hãy coi John là một thanh niên nhé, vì chàng đã tự mình lập thân rồi. Hai người càng lúc càng thân thiết, gắn bó, vì họ đều là những người tốt. John thấy rằng bạn khôn ngoan hơn mình nhiều, anh ta đã đi qua phần lớn thế giới thấy và học hỏi nhiều và có khả năng diễn tả cho John tường tận.

Họ ngồi dưới một gốc cây to nghỉ ngơi, ăn sáng khi mặt trời đã lên cao. Bỗng một người đàn bà già bước đến. Bà ta rõ thật già, lưng còng xuống và phải chống nạng; trên lưng bà là một bó củi vừa nhặt trong rừng, trong tấm tạp dề cột trước bụng, John thấy lòi ra ba bó cọng dương xỉ khô. Bà già trượt chân té xuống trước mặt họ, bà bị gãy một chân!

John muốn cõng bà về nhà, nhưng người bạn đồng hành đã mở túi xách, lấy ra một cái lọ dầu. Anh ta nói rằng anh có thể xoa thuốc và làm cho xương liền lại ngay để bà già có thể bước về nhà một mình; đổi lại, anh chỉ xin ba bó dương xỉ trong túi bà thôi.

“Thế là quá đắt.” Bà lão lắc đầu từ chối. Bà chẳng thể nào cho ai ba bó roi dương xỉ, nhưng bà lại cũng không thể nằm đây với chiếc chân gậy. Sau một vài giây ngần ngừ, bà đồng ý. Anh bạn đồng hành thoa thuốc, và kỳ diệu thay, thuốc vừa tan thì bà già đã đứng dậy đi vững mạnh hơn cả lúc chưa bị nạn. John được biết là thứ thuốc thần diệu này không thể tìm mua được ở các hiệu thuốc.

“Bạn sẽ làm gì với ba bó dương xỉ này?” John hỏi bạn.

“Tôi sẽ làm những cây roi, để chơi thôi. Tôi vốn ưa những chuyện như thế.”

Họ tiếp tục đi.

“Trông kia! lại một con giông đang kéo tới, chắc là khủng khiếp lắm.” John vừa nói vừa chỉ vào một đám mây đen trước mặt.

“Không phải đâu.” người bạn đồng hành nói, “Đó không phải là những đám mây đầu, mà là những ngọn núi, những ngọn núi đẹp vô cùng nơi chúng ta có thể vượt lên trên tầng mây để hưởng không khí trong lành. Ngày mai ta sẽ lên đến đó.”

Tuy nhiên, trông thấy rất gần nhưng thực tế lại rất xa. Họ phải mất một ngày trời để đến được dãy núi. Nơi đây, rừng già với những cây lớn vươn lên cao đến đỉnh trời, lại có những phiến đá lớn như cả một căn nhà, có phiến to hơn, như một khu phố. Khó lòng mà vượt qua những phiến đá này, hai bạn bàn nhau dừng lại tìm một căn nhà trọ tạm nghỉ ngơi qua đêm cho lại sức để sáng sau vượt núi. Trong nhà trọ, có đông người trú ngụ; trong đó có một người chủ một gánh múa rôi.

Anh ta đã sắp xếp xong cái sân khấu nhỏ, mọi người quây quần ngồi xung quanh chờ xem vở kịch. Một ông hàng thịt già mập ú ngồi ngay chính giữa hàng ghế đầu, bên cạnh có con chó xù của ông đang giương đôi mắt nhìn chăm chăm đầy đe dọa.

Vở kịch bắt đầu, có vai chính là vua và hoàng hậu. Hai người ngồi trên chiếc ngai bọc gấm, đầu đội vương miện, tay cầm vương trượng tượng trưng uy quyền. Những con búp bê nhỏ xíu bằng gỗ với những đôi mắt bằng thủy tinh long lanh đứng cạnh các cửa ra vào, chúng là những lính hầu có nhiệm vụ đóng mở cửa cho không khí được tràn vào hoàng cung. Đó là một vở kịch vui, nhưng bỗng dưng biến thành bi kịch. Bởi khi hoàng hậu bước xuống khỏi ngai đi thông thả qua trên sân khấu-- có trời mà biết cái con chó xù của lão hàng thịt nó suy nghĩ điên rồ ra sao-- thừa lúc lão buông lỏng giây xích, con chó xù nhảy bổ vào giữa sân khấu, ngoạm ngang lưng bà hoàng hậu và cắn nhai vào đầu bà. Đúng là một thảm họa.

Người diễn trò kinh hãi lo sợ cho bà hoàng hậu, vì đó là con búp bê xinh đẹp nhất trong đám, và con chó thì đã hoàn toàn xé nát nó ra. Khi mọi người đã giải tán về phòng trọ của mình, người bạn đường của John nói cho người diễn trò hay rằng mình có thể chữa lại lành lặn cho hoàng hậu. Nói xong, anh móc trong túi lấy lọ dầu mà anh đã dùng chữa cái chân gậy cho bà già, anh xoa lên con búp bê hoàng hậu làm cho nó trở lại nguyên hình như cũ. Không những thế, nó còn có thể tự mình bước đi trên đôi chân mà không cần những sợi dây điều khiển của anh diễn trò. Con búp bê trở nên sống động như người thật; chỉ có điều là nó không biết nói mà thôi. Người diễn trò vui mừng khôn tả, vì từ nay, anh ta có thể để cho con búp bê tự biểu diễn một mình; nên nhớ! chỉ có búp bê hoàng hậu thôi nhé.

Vào nửa đêm, lúc mọi người trong quán trọ đã ngủ yên, chợt có tiếng thở dài nào ruột vọng ra từ đám búp bê. Ai nấy đều trở mình thức dậy, ngạc nhiên vì tiếng thở dài sao mà áo não đến thế. Người quản trò đi lần vào nơi rạp hát nhỏ của mình và thấy đám búp bê đang nằm gối vào nhau; anh ta khám phá ra tiếng thở dài của búp bê vua và bọn lính hầu. Chúng đang thở than vì không được bôi thuốc như hoàng hậu để có thể tự mình cử động. Búp bê hoàng hậu thấy chủ, bèn quỳ xuống, cầm lấy vương miện giơ ra trước mặt chủ như khóc van rằng: “Thưa ông, xin hãy đóaí thương; xin hãy nhận lấy vương

miện này và xoa dầu cho chồng tôi và đám quần thần để họ cũng được như tôi.” Người chủ không cảm được nước mắt thương cảm trước sự van xin này; ông ta bèn tìm đến người bạn của John và đề nghị rằng ông sẽ trả cho anh tất cả số tiền thu được để anh xúc dầu cho khoảng năm, sáu con rôi xinh đẹp nhất. Anh bạn đồng hành của John đồng ý nhưng thêm rằng, anh sẽ không lấy tiền bạc gì, mà chỉ xin chiếc gươm lớn ông chủ gánh thường đeo bên hông thôi. Thỏa thuận xong, anh xúc dầu cho sáu con rôi do ông chủ gánh đề nghị. Sáu con rôi vô cùng mừng rỡ, chúng bèn trở hết tài ra nhảy múa những vũ điệu tuyệt vời, đến nỗi những cô gái trong quán cũng thấy vui lây và nhảy nhót theo chúng. Thế rồi cả ông lão đánh xe, ông đầu bếp, bọn người hầu bàn, hầu phòng và tất cả khách trọ đều tham dự, lôi kéo luôn cả những vật dụng trong nhà vào cuộc khiêu vũ kéo dài suốt đêm.

Sáng sớm hôm sau, John và bạn đồng hành từ giả quán trọ lên đường vượt núi. Họ đi qua những dãy đồi thông ngút ngàn, lên cao, cao mãi cho đến khi nhìn xuống, thấy những tháp chuông nhà thờ nhỏ xíu như những trái dâu đỏ điểm trên nền xanh của tán cây lá. Tâm mắt họ nhìn được rất xa hàng dặm, có thể nói là kéo đến tận chân trời, nơi những vùng mà trong đời họ chưa bao giờ nghe thấy. John ngỡ ngàng trước vẻ đẹp huyền diệu của thiên nhiên. Thế giới trải ra trước mắt chàng bao la và phong phú. Ánh nắng mặt trời ám áp rọi qua khung trời trong xanh, chàng nghe thấy tiếng còi của người thợ săn vang lên từ xa. Khung cảnh thật thanh bình, gió thơm lành gợi lên trong lòng John bao cảm xúc. Chàng rung rung nước mắt quỳ xuống tạ ơn thượng đế: “Lạy Chúa tối cao và quyền uy vô cùng, con xin dâng hết lòng thành, cảm tạ Người đã tạo ra thiên nhiên tuyệt vời như món quà cho nhân loại.”

Người bạn đồng hành của John cũng dừng lại, khoanh tay ngắm nhìn sự kỳ ảo của thiên nhiên trong ánh sáng huy hoàng của buổi sớm mai. Trên đầu họ, một con thiên nga trắng đang bay lượn qua lại, cất lên những tiếng kêu ngân nga dịu dàng, tiếng kêu lạ lùng mà hai người chưa từng nghe trong loài chim bao giờ; nhưng tiếng thiên nga mỗi lúc mỗi đượm buồn da diết; chim thiên nga dần dần sa xuống dưới chân họ và gục chết. Ôi, con thiên nga đẹp dường nào!

“Hai cánh chim đẹp tuyệt.” người bạn đồng hành nói, “Những cánh chim này đáng giá ngàn vàng; tôi sẽ biết cách sử dụng chúng. Bạn hãy xem rằng tôi có lý khi xin được chiếc gươm báu này.” Anh ta rút gươm ra quơ lên một nhát, cất lấy hai cánh chim trắng và cất vào túi.

Họ đi tiếp, qua trùng trùng đồi núi, xa hàng dặm đường cho đến khi họ thấy một thành phố lớn với hàng trăm ngọn tháp nhô lên trên bầu trời, lấp lánh trong ánh nắng như những mũi kiếm bạc. Ngay chính giữa thành phố là tòa lâu đài bằng đá trắng, mái dát vàng đỏ rực. Đó là hoàng cung, nơi ngự trị của nhà vua.

John và bạn không muốn đi vào thành phố ngay. Họ dừng ở một quán trọ ngoại ô để thay quần áo, vì họ muốn phải thật chỉnh tề đẹp mắt để đi dạo phố phường. Khách du nói cho hai chàng biết rằng vị vua già là một người đạo đức. Ngài không hề làm phiền hại cho ai; duy chỉ có cô công chúa--lạy trời tha thứ-- cô quả thật là một mụ phù thủy gian ác.

Về nhan sắc, thì công chúa đẹp không một thiếu nữ nào trên thế gian bì được. Nhưng cái nét đánh chết cái đẹp, đẹp làm gì khi tâm tính nàng tinh quái, tâm địa nàng xấu xa độc ác. Biết bao nhiêu chàng hoàng tử khô ngô đã chịu bỏ mình vì tính độc ác đó của nàng. Số là như thế này: công chúa đang kén chồng, và nàng ra điều kiện là bất cứ ai, từ hàng vương công, hoàng tử cho đến kẻ ăn mày đều có quyền đến hỏi nàng làm vợ; nàng chẳng hề phân biệt giai cấp, giàu nghèo, nhưng người đó sẽ phải đoán ba điều do nàng đưa ra. Nếu đoán trúng, nàng bằng lòng nhận lời cầu hôn, và chàng trai tốt số sau này sẽ trở thành vua của cả nước rộng lớn khi phụ hoàng qua đời; bằng ngược lại, nếu

không trả lời được, chàng trai cầu hôn sẽ bị treo cổ hoặc chặt đầu. Bạn thấy chưa, cô công chúa độc ác dường nào! Phụ vương, cha nàng, buồn rầu khôn tả vì tính tình của nàng. Nhưng ngài không làm sao hơn, sinh con ai dễ sinh lòng! Cho nên ngài tuyên bố hoàn toàn không dính líu gì đến chuyện hôn nhân của nàng, để nàng tự lo liệu đối phó lấy một mình. Mỗi lần có một chàng hoàng tử đến nộp mình, họ đều được cảnh cáo trước về chuyện có thể bị treo cổ hay chặt đầu, việc chết người này diễn ra đã lâu rồi, biết bao thanh niên đẹp trai tài giỏi đã không thoát khỏi số phận đen tối. Vua cha quá nổi ưu sầu về những điều bất hạnh. Ngài thường mỗi năm một lần quỳ xuống cầu khẩn làm sao cho công chúa bỏ được tính độc ác đó. Nhưng công chúa chẳng hề đếm xỉa lời van lơn của phụ vương. Các cụ bà trong thành phố mỗi khi uống rượu đều pha bột đen vào, như nói lên sự tang tóc, nhưng cũng chẳng ăn thua vào đâu. Công chúa vẫn một lòng theo ý mình.

“Cô công chúa này tàn nhẫn thật!” John nói, “nàng phải bị trừng trị xứng đáng. Phải ta là vua, ta đã lột da thịt nàng ra!” Ngoài phố bỗng có tiếng hoan hô âm ỉ. Thì ra công chúa đang ngồi kiệu đi qua đó. John nhìn ra và thấy nàng đẹp tuyệt trần, đẹp đến nỗi khi nhìn nàng, họ quên đi rằng nàng là một mụ phù thủy độc ác, và họ cũng tung hô ca ngợi nàng như mọi người khác. Quanh kiệu nàng là mười hai thiếu nữ xinh xắn trong áo dài bằng lụa trắng, tay cầm những đoá hoa tulip bằng vàng. Họ cưỡi trên mười hai con ngựa đen như mun, trong khi công chúa cưỡi con ngựa bạch được trang trí toàn bằng ngọc ngà. Y phục kỳ mã của nàng làm bằng vàng ròng. Nàng cầm roi ngựa điểm hạt châu lỏng lánh. Chiếc vương miện trên đầu nàng cũng lấp lánh như thể nó được kết bằng muôn ngàn vì sao trên trời. Y phục lộng lẫy, nhưng không thấm vào đâu so với nhan sắc kiêu diễm của nàng.

John nhìn nàng mà thừ người ra. Tâm hồn chàng đã bị sắc đẹp đó chinh phục mất rồi. Chàng không thể nói lên một điều gì cả. Chàng sức nhớ lại hình ảnh cô gái mà trong giấc mơ năm nào cha chàng đã dẫn đến cho chàng. Quả đúng là hình ảnh cô công chúa tuyệt trần này. Chàng đã thầm nghĩ rằng mình yêu say đắm người trong mộng, cho nên ngay khi thấy mặt công chúa thì chàng không thể thoát khỏi hấp lực của ái tình. Chàng nghĩ lẽ nào nàng lại là con người độc ác sẵn sàng treo cổ, chặt đầu bao chàng trai trẻ. “Ai cũng có quyền cầu hôn nàng, dù là một tên ăn mày; vậy ta sẽ đến hoàng cung, ta sẽ thử thách số mệnh.”

Những người quanh chàng đều ngăn cản chàng không nên liều lĩnh đem thân vào chỗ chết. Người bạn đồng hành quyết liệt hơn, nhất định khuyên bảo chàng hết lời, nhưng John thấy tự tin ở phần số may mắn của mình. Vì thế chàng chuẩn bị y phục chỉnh tề, đánh bóng đôi giày, chải lại chiếc áo choàng, sửa soạn đôi chút trên khuôn mặt, mái tóc và một mình đi về phía hoàng cung.

“Cứ vào,” vị vua già cho gọi chàng khi chàng đến gõ cửa. John bước vào, thấy vua đang từ trên ngai vàng tiến tới đón chàng. Ngài đội vương miện, một tay cầm vương trượng, tay kia cầm quả cầu vàng. Khi được biết John đến cầu hôn công chúa, vua bật khóc òa lên làm nỗi làm rối cả vương trượng lẫn quả cầu; ngài phải dùng ve áo để chùi nước mắt. Tội nghiệp ông vua già!

“Chớ có dại, con ạ!” Vua nói với chàng “Chắc chắn con sẽ thất bại như những kẻ bất hạnh trước đây. Ta đoán chắc thế.” Nói xong, vua dẫn John đi vào khu vườn của công chúa, nơi không khí thật rùng rợn. Nơi mỗi nhánh cây, treo lủng lẳng vài ba chiếc đầu lâu của các vị hoàng tử từng đến cầu hôn nàng và đã không đáp đúng câu đố. Mỗi khi có ngọn gió nổi lên, những chiếc đầu đung đưa, phát ra tiếng va chạm lạnh người đến nỗi những chú chim nhỏ cũng phải bay đi vì sợ hãi. Mà thật ra thì chẳng có con chim nào dám làm tổ trong khu vườn ma quái đó. Những đoá hoa dại thì len lỏi giữa đám xương người trắng hếu. Có lẽ đối với công chúa, đó là vẻ đẹp cảnh trí mà nàng ưa thích chẳng?

“Đó, con thấy đó!” vua ân cần bảo John, “thân xác con cũng sẽ như thế đó; hãy bỏ qua cái ý nghĩ ngông cuồng đi. Ta đau lòng mỗi khi thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị hành hình vì sự độc ác của con gái ta.” John hôn bàn tay vua và quả quyết rằng chàng đã phải lòng công chúa, và chàng sẽ an toàn thoát khỏi số mệnh khắc nghiệt này.

Họ thấy công chúa tiến đến cùng đoàn tùy tùng là các thiếu nữ xinh đẹp khác. John chào công chúa và bắt tay nàng. Chao ôi! nàng đẹp dường bao, được nhìn thật gần, thật kỹ, John mới thấy hết vẻ diễm kiều và chàng thấy lòng càng tăng lên niềm say đắm. Chàng không còn tin ở những điều được nghe, vì người thiếu nữ tuyệt đẹp này làm sao có thể là một mụ phù thủy độc ác, tinh ma được. Tất cả mọi người bước vào sảnh đường. Bọn người hầu mang lên những thức ăn nhẹ. Vua vì quá u sầu không muốn cảm lấy thức ăn, và lại ngại cũng không hạp với món ăn này.

John được lệnh đến hoàng cung vào sáng ngày mai, khi có đủ mặt các phán quan để làm trọng tài cho cuộc thử thách chết người. Nếu chàng đáp trúng câu đố thứ nhất, chàng còn phải trở lại hai lần nữa để trả lời hai câu tiếp. Từ trước đến nay, chưa có chàng trai nào vượt qua được cửa ải đầu tiên cả.

John chẳng hề lo âu gì. Trái lại chàng rất thích thú, vì chàng chỉ nghĩ đến cô công chúa xinh đẹp. Chàng tin mãnh liệt rằng Chúa sẽ ở bên chàng, bảo vệ cuộc sống của chàng, dù rằng vào phút giây này đây, chàng không hề có một chút ý niệm gì cho cuộc đối đầu ngày mai, và chính chàng cũng chẳng muốn bận tâm về điều đó. Dọc trên đường về quán trọ, chàng nhảy múa như người điên vì lòng vô cùng phấn khích. Người bạn đón chàng ngay tại cửa phòng trọ. John say sưa kể về nhan sắc nàng công chúa, về nét dịu dàng khi nàng tiếp chàng, về bàn tay ngọc ngà mà chàng đã được nắm lấy trong khoảnh khắc. Chàng nóng lòng chờ ngày qua nhanh để sớm mai đến hội diện với nàng, sẵn sàng trả lời câu đố thứ nhất. Người bạn đồng hành ngồi im nghe chàng nói mà lòng thì nặng mỗi ưu tư, buồn bã cho số phận của bạn.

“Tôi rất mến bạn,” anh ta nói, “Lẽ ra chúng ta còn là bạn của nhau lâu dài hơn, nhưng nay thì tôi sắp mất bạn. Bạn John đáng thương ơi! Tôi muốn khóc đây vì số phận ngán ngùi của bạn, nhưng tôi không muốn làm mất vui buổi tối cuối cùng chúng ta bên nhau. Nào, hãy cùng nhau vui đùa thỏa thích; ngày mai, khi bạn đi rồi, tôi sẽ buồn biết bao!”

Trong thành bây giờ tiếng đồn về một người mới đến cầu hôn công chúa lan ra nhanh chóng. Thế là một cuộc cầu hôn được tổ chức. Mọi người khóc than thảm thiết. Các rạp hát đóng cửa; quý bà đeo dải băng đen quanh tạp dề. Vua và các vị linh mục cầu kinh liên tục trong thánh đường. Ai nấy đều tin chắc rằng John sẽ không thoát khỏi cái chết như những chàng trai trẻ trước kia.

Đến tối, người bạn pha một hũ rượu ngon và nói rằng họ sẽ uống thật say đêm nay để cầu chúc sức khỏe công chúa. John vừa uống hai cốc nhỏ đã thấy say mềm và buồn ngủ không cưỡng được; thế là chàng lăn quay ra ngủ khi. Bạn chàng nhẹ nhàng bế chàng lên đem vào đặt lên giường. Khi trời tối hẳn, anh ta lấy trong túi ra hai chiếc cánh chim thiên nga, buộc vào vai mình; rồi lại lấy chiếc roi dương xỉ mà anh đã đánh đổi với bà già què chân. Anh nhét cây roi vào túi quần, mở cửa sổ và bay ra ngoài vượt qua khỏi những mái nhà, đến hoàng cung và đáp xuống bên cạnh cửa sổ phòng ngủ công chúa.

Lúc này, cả thành phố đang chìm trong màn đêm yên tĩnh. Khi đồng hồ đánh giờ báo hiệu còn mười lăm phút nữa là giữa đêm, cửa sổ phòng ngủ chợt mở, công chúa bay vụt ra ngoài với đôi cánh đen dài. Nàng bay qua thành phố đang ngủ say, đến một ngọn núi lớn; người bạn của John vội tâng hình và bay đuổi theo công chúa, anh dùng ngọn roi quất vào lưng nàng cho đến khi tươm máu. Họ cứ thế mà bay, chiếc áo choàng của nàng

xoè ra trong không khí trông như cánh bướm, và ánh trắng thì dọi xuyên qua làn vải mỏng.

“Mưa đá, mưa đá ghê quá!” Công chúa la lên sau mỗi lần roi, vì nàng tưởng rằng mưa đá đang rơi trên lưng nàng.

Họ bay tới ngọn núi, nàng gõ vào đá; một tiếng động lớn như tiếng sấm vang lên, một bên sườn núi tách ra, công chúa lướt vào, theo sau là bạn John. Không ai trông thấy anh ta, vì anh trở nên vô hình. Họ đi qua một dãy hành lang dài hun hút, hai bên đây đây hàng vạn con nhện lấp lánh phát quang bò lổm ngổm. Đến một căn phòng rộng xây bằng vàng và bạc, những đoá hoa đỏ cánh to như hoa hướng dương mọc ra từ vách tường; không ai dám chạm đến hoa, vì đó chính là những con rắn độc đang há mồm phun ra những tia lửa đỏ. Trên trần nhà là vô vàn con sâu róm bò giữa đám dơi màu xám bạc đang treo ngược đầu lủng lẳng, đôi cánh mỏng dính, trong veo xoè ra như cánh quạt. Thật là một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp. Giữa căn phòng có đặt một chiếc ngai mà bốn chân là chân ngựa được trang trí bằng những con nhện đỏ. Ngai làm bằng một chất thủy tinh trắng đục, nệm là những con chuột nhỏ chen chúc nhau, con nọ ngậm đuôi con kia. Phía trên ngai được che bằng một cái tán dẹt bằng tơ nhện cũng màu đỏ, lổm đóm điểm những con đom đóm phát sáng như kim cương.

Một lão phù thủy già ngồi trên ngai, chiếc đầu gò ghè góm ghiếc đội mũ miện, tay lão cũng cầm cây trượng. Lão hôn lên trán công chúa và cho nàng ngồi bên lão, trên chiếc ngai khủng khiếp đó. Nhạc trời lên! Đó là những chú châu chấu khổng lồ đang chơi đàn phong cầm, những con cú vỗ bình bịch vào bụng chúng thay thế tiếng trống. Thật là một dàn nhạc lạ đời. Những chú ma trôi tí hon nhảy múa quanh ngai. Không ai biết có anh bạn của John trong phòng, ngược lại, anh ta thấy hết, nghe hết những gì đang diễn ra. Đám triều thần bây giờ bước vào, tiến đến trước ngai ra mắt lão phù thủy với dáng điệu trang trọng, quý phái; nhưng nhìn thật kỹ thì sẽ khám phá ra chân tướng của chúng. Đó chẳng qua chỉ là những cán chổi mà đầu là cái bắp cải to tướng được lão phù thủy già dùng phép thuật truyền cho sự sống và cho mặc những áo quần gấm vóc, lụa là. Chúng chỉ được sử dụng trong những dịp cần phô trương mà thôi.

Sau khi màn vũ chấm dứt một hồi lâu, công chúa báo cho lão phù thủy biết về chuyện một anh chàng điên rồ đến hỏi cưới mình, và hỏi lão cho biết sẽ ra câu đố gì trong ngày mai.

“Nghe đây,” lão nói, “con hãy nghĩ đến cái gì đơn giản nhất mà hấn không thể nghĩ đến. Giả sử như đôi giày nhỏ của con, hấn làm sao đoán ra được. Thế là đem hấn ra mà chặt đầu, nhưng nhớ phải đem cho ta đôi mắt hấn. Ta thèm ăn mắt người.”

Công chúa cúi đầu thật sát chào hấn và nói rằng nàng sẽ không quên dâng hấn đôi mắt vào đêm mai. Lão phù thủy cho mở cửa núi để công chúa bay về. Người bạn của John cũng vội bay theo sát, vừa bay vừa quất roi vào lưng nàng thật mạnh. Công chúa bị đau quá, thậm chí trời mưa đá chỉ mà đỡ dội, và ráng sức bay nhanh về phòng. Anh bạn John cũng quay về phòng trọ, nơi John còn ngủ say như chết. Anh ta gỡ đôi cánh, thay áo quần và cũng lăn ra ngủ, vì chuyến bay cũng đã làm anh mệt như.

Khi John thức dậy vào sớm hôm sau, anh bạn cũng dậy theo và kể cho John nghe giấc mơ anh thấy trong đêm qua về công chúa và đôi giày của nàng; anh ta yêu cầu John sẽ trả lời với công chúa rằng nàng đang nghĩ về đôi giày khi chàng nhận được câu đố thứ nhất. Anh bạn cố tình dấu diếm về những điều mình thật tai nghe mắt thấy mà nói dối là trong giấc mơ thôi.

“Trả lời công chúa về cái gì thì cũng xong cả, nhưng có lẽ giấc mơ của anh cũng giúp phần nào,” John nói, “vì tôi luôn luôn nghĩ rằng Chúa ở bên tôi trong mỗi lúc khó

khăn để giúp đỡ tôi. Dù sao, thì cũng xin giã từ, vì lẽ tôi có trả lời sai, anh bạn sẽ vĩnh viễn chẳng còn thấy lại được tôi nữa.”

Họ ôm hôn nhau từ giã, và John mạnh chân tiến vào hoàng cung. Trong phòng hội đã đông nghẹt người; các quan phán ngồi yên vị trong những chiếc ghế bành, đầu tựa lên những chiếc gối nhung vì họ sẽ phải suy nghĩ, cân nhắc nhiều. Vị vua già đứng cạnh đó đang sụt sùi khóc, tay cầm chiếc khăn nhỏ đã thấm ướt. Công chúa bước vào phòng, cất tiếng oanh vàng chào tất cả mọi người, trông nàng còn đẹp hơn hẳn ngày hôm qua. Nàng bắt tay John và chào chàng: “Chúc chàng một buổi sớm an lành.” John được lệnh phải đoán ra điều nàng đang suy nghĩ trong đầu. Công chúa nhìn chàng thật dịu dàng, nhưng khi nghe chàng thốt lên: “Đôi giày,” sắc mặt nàng tái đi, toàn thân nàng run lên vì chàng đã đoán trúng câu hỏi thứ nhất.

Vua mừng quá, ngài nhảy dựng lên; trong phòng, mọi người vỗ tay reo hò mừng cho John đã đáp đúng câu đố, vì chàng là người đầu tiên thoát được cửa ải thứ nhất.

Bạn chàng khi nghe được thắng lợi này, đã tỏ ra vô cùng vui sướng trong khi John thì chấp tay cầu nguyện và cảm ơn Chúa, vì anh cho rằng chỉ có Chúa giúp anh và lại sẽ giúp anh trong hai lần tiếp theo nữa. Câu đố thứ hai sẽ diễn ra trong ngày mai, người ta báo cho chàng hay như thế.

Đêm nay, cũng như đêm hôm trước. Khi John đã ngủ say, người bạn lại bay theo công chúa về ngọn núi lớn, anh dùng roi đánh công chúa mạnh hơn, vì lần này anh dùng đến những hai cây roi dương xỉ. Anh lại cũng tàng hình và nghe thấy hết mọi chuyện trong khi không ai thấy được anh. Lần này, câu đố là chiếc găng tay. Anh bạn kể cho John nghe như thể anh đã trải qua giấc mơ mà thôi. Một lần nữa, toàn thể triều đình và dân chúng vô cùng kích động vì John đã hai lần đoán trúng. Vua nhảy rồi nhào lộn vì quá mừng, mọi người thấy vậy cũng bắt chước, nhào lộn theo; chỉ có công chúa là nằm lặng trên sofa, không hé môi nói một lời. Bây giờ, chỉ còn vắn đề là câu đố thứ ba, liệu John có qua khỏi đoạn trường này hay không. Nếu chàng đoán trúng, cả công chúa xinh đẹp và vương quốc giàu có sẽ thuộc về chàng, ngược lại, thì than ôi, thân thể chàng sẽ là mồi cho bọn giun dế, và đôi mắt tinh anh của chàng tối mai sẽ được dọn trên mâm cỗ của lão phù thủy già.

Chiều tối, John đi ngủ sớm sau khi đã cầu nguyện xong. Chàng chìm vào giấc ngủ an bình, thơ thới trong khi anh bạn đồng hành đeo đôi cánh vào vai, thả chiếc gươm vào hông, lấy ra cả ba chiếc roi và bay vào hoàng cung.

Trời tối đen như mực. Gió mưa nổi lên, những cơn gió lớn làm những tấm ngói cũng bật lên, những cây to trong khu vườn đầy xương người của công chúa bị quăn xuống như những cây lau sậy. Sấm chớp liên hồi, giáng xuống những tia sáng loà và những tiếng gầm kinh hãi. Khi công chúa mở cửa bay ra, anh bạn thấy mặt nàng tái xanh như tàu lá; nhưng nàng vẫn cố mỉm cười như thể coi sấm chớp chẳng ra gì; áo choàng của nàng lại tung bay phàn phật như cánh buồm trong cơn gió lộng. Anh bạn John dùng cả ba cây roi quất lên lưng nàng thật mạnh; máu tuôn ra và rơi thành giọt xuống mặt đất. Nàng bay khó khăn lắm, nhưng sau cùng thì họ cũng đến được hang núi.

“Trời vừa mưa đá, vừa bão tố,” nàng vừa bay vào vừa nói với lão phù thủy, “Trong đời tôi chưa bao giờ thấy mưa gió khủng khiếp thế.” Nàng kể cho lão nghe rằng John đã đoán trúng câu đố thứ hai và nếu chàng tiếp tục đoán trúng câu chót, nàng sẽ phải lấy chàng và không thể trở lại đây cùng lão, nàng cũng sẽ chẳng bao giờ được tham dự những trò ma thuật, và nàng tỏ ra rất buồn rầu.

“Hắn sẽ không bao giờ đoán trúng đâu.” Lão phù thủy nói. “Ta sẽ nghĩ ra một thứ mà đầu óc hắn sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới. Nhưng gác qua bên chuyện đó, hãy vui chơi một lát.”

Lão ta nắm lấy hai bàn tay công chúa và nhảy cùng nàng giữa đám ma trời. Bọn nhện đỏ cũng vui thú chạy lên chạy xuống trên vách tường, những con rắn phun ra những tia lửa mà ta ngỡ như những hoa hướng dương. Bầy cú thì vỗ bụng thay trống, bọn dế thì rúc lên, bọn châu châu lại chơi đàn phong cầm. Thật là một cuộc vui kỳ quặc, ma quái.

Họ nhảy nhót một hồi, công chúa nói rằng nàng phải về sớm, nếu không sẽ bị lộ. Lão phù thủy đòi đi theo nàng cho có bạn đồng hành.

Họ bay về hoàng cung, có anh bạn John cùng bay theo. Anh dùng roi đánh rất mạnh vào lưng họ. Lão phù thủy chưa bao giờ bay ra ngoài trong cảnh mưa gió bão bùng như thế này, lão dừng lại phía ngoài hoàng cung và thì thầm vào tai công chúa: “Hãy nghĩ tới cái đầu của ta.” Câu thì thầm không lọt khỏi tai anh bạn. Ngay lúc công chúa lật đật bay vào phòng, lão già thì quay trở lại phía núi, anh bạn của John rút gươm ra, nắm lấy chòm râu dài của lão và trước khi lão kịp quay lại để biết điều gì đang xảy ra cho mình, thì anh đã nhanh tay cắt lấy đầu lão. Anh vớt xác lão xuống biển làm mồi cho cá, gói chiếc đầu nhắn nhỏ vào khăn tay, bay trở về phòng trọ và đi ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, anh trao cho John cái khăn có chiếc đầu lâu, dặn chàng không được mở ra trước khi công chúa ra câu đố về điều nàng đang suy nghĩ.

Lần này, sảnh đường chật như nêm, vì ai cũng tò mò muốn tận mắt thấy kết quả của cuộc đố gay cấn. Các ông quan phán cũng lại ngồi trên ghế nệm dày, vị vua già mặc áo quần mới, vương miện được đánh bóng sáng lên rực rỡ. Trên kia, công chúa ngồi buồn bã, mặt nàng tái xanh, nàng phủ lên mình bộ y phục đen như báo hiệu tang tóc.

“Hãy đoán ta đang suy nghĩ về cái gì?” Nàng hỏi John. Chàng không chần chờ, tháo chiếc khăn tay ném xuống sàn. Chính chàng cũng vô cùng kinh hãi khi thấy chiếc đầu lâu của lão phù thủy già. Một làn sóng những tiếng rú tóa khắp căn phòng rộng, công chúa sững người như biến thành đá, nàng không la lên một tiếng. Sau cùng, nàng đứng lên chìa tay cho John-- vì chàng đã đáp trúng câu hỏi chót-- Nàng không nhìn bên phải, cũng chẳng liếc qua bên trái, chỉ thờ dài sườn sượt mà nói rằng: “Chàng đã thắng cuộc, chàng sẽ làm chủ đời ta. Hôn lễ sẽ được cử hành ngay đêm nay.”

“Ta cũng mong thế,” Vua mừng rỡ la lên, “Phải như thế chứ!” Toàn thể dân chúng tung hô vang dội, ban quân nhạc cử lên những khúc nhạc vui, chuông đồ liên hồi, quý bà tháo hết những tạp dề màu đen vì từ nay không còn tang tóc nữa. Người ta cho đốt lửa thui những con bê và vô số gà vịt để đãi đãi dân chúng. Từ những vòi phun nước, người ta đã cho thay thế bằng rượu vang vào để ai cũng có thể đến uống thả đàn.

Mới chiều đến, toàn thành phố đã sáng rực ánh đèn. Đám lính đốt pháo và bắn cả súng trường để hoan hô, bọn trẻ con thì đốt pháo bông. Đâu đâu cũng thấy người ta ăn uống linh đình, nhảy nhót say sưa. Trong hoàng cung càng huy hoàng hơn, quý ông hoàng thân ôm trong tay quý bà sang đẹp và quay quay theo điệu valse nhịp nhàng.

Công chúa vẫn còn bị ma thuật ám ảnh, nàng chẳng đoái hoài đến John chút nào cả. Anh bạn của John biết thế nên cho chàng ba chiếc lông rút ra từ cánh chim thiên nga và một lọ nhỏ có vài giọt dầu linh diệu mà anh từng dùng để cứu người. Anh dặn John chuẩn bị một cái bồn tắm lớn để bên cạnh giường, và khi công chúa vào phòng thì hãy đẩy nàng ngã vào bồn tắm; John phải chìm nàng sâu xuống nước ba lần, nhưng trước đó, phải thả lông thiên nga và đổ những giọt dầu vào nước. Có thế, mới giải được phù phép mà lão phù thủy già đã ám trên người nàng.

John làm đúng lời bạn từng chi tiết. Công chúa la lên khi bị chìm vào nước lần đầu, nàng đẩy dựa, vùng vẫy trong tay John và biến thành con thiên nga đen với đôi mắt sáng rực lên óan hạp. Đến lần thứ nhì, nàng biến thành con thiên nga trắng, chỉ còn một vòng cổ màu đen. John cầu khẩn Chúa và chìm nàng lần thứ ba; lần này, nàng hiện trở lại nguyên hình là một công chúa xinh đẹp đáng yêu. Có thể nói, nàng đẹp hơn lên gấp ngàn

lần. Qua màn lệ, nàng ngỏ lời cảm ơn chàng đã cứu mình thoát khỏi pháp thuật tàn độc của lão phù thủy già.

Sáng sớm hôm sau, Vua và toàn thể triều đình đến bày tỏ lời chúc mừng nồng nhiệt. Suốt một ngày trời, hai vợ chồng mới chỉ tiếp khách khứa đến chúc mừng; người khách cuối cùng là anh bạn đồng hành của John trong tay cầm chiếc gậy và trên lưng là túi đi đường. John thân ái hôn anh nhiều lần và mời anh ở lại với chàng. Anh thiết tha mong mỗi bạn cùng ở lại với vợ chồng mình, vì chàng biết bạn là người đã tạo ra hạnh phúc cho mình. Nhưng người bạn quý lắc đầu, ôn tồn nói: “Không được đâu; thời giờ của tôi đã điếm. Tôi đã trả xong món nợ. Bạn hãy nhớ lại lúc bạn đứng ra ngăn cản bọn vô lương không cho chúng vớt xác một người đã chết ra ven đường, bạn đã bỏ ra hết số tiền bạn có trong túi để cho người chết được yên nghỉ trong nấm mồ. Bạn hãy nhìn kỹ vào tôi, chính tôi là người chết đó.”

Nói xong, anh bạn đồng hành biến mất.

Đám cưới diễn ra trong rờn rã một tháng trời. John và nàng công chúa trao nhau những lời nguyện ước thủy chung, và ông vua già đã sống nốt những ngày tràn đầy niềm vui để sau này, ngài kể lại cho các cháu ngoại nghe về bao điều đã xảy ra.

John là người thật hạnh phúc, vì chàng vừa có vợ đẹp, vừa thừa hưởng ngôi vua của một vương quốc giàu có.

Đừng Tin Lời Con Rắn Độc

The Fable of the Snake

Truyện cổ tích Da đỏ

Xưa kia, trong các bộ lạc da đỏ, một thanh niên khi đến tuổi trưởng thành phải lìa gia đình, một thân một mình ra đời với thiên nhiên để chuẩn bị vào đời. Gấu Xám theo đúng truyền thống tốt đẹp đó, khăn gói lên đường. Ngày đầu tiên, chàng đến một thung lũng xanh tươi, với những hàng cây cao vút, với những loài hoa đại muôn sắc trải dài theo từng bước chân đi. Chàng náo nức tiến bước nhanh hơn hồng khám phá thêm vẻ đẹp của thiên nhiên. Đến ngày thứ ba, khi chàng ngược nhìn lên, thấy một đỉnh núi cao chót vót phủ đầy tuyết trắng.

“Ta sẽ thử sức mình leo lên đỉnh núi kia,” Chàng tự nhủ. Khoác lên người bộ áo da thú, lại coàng qua ngang vai tấm chăn thô của mẹ cho, chàng hăm hở trèo lên đỉnh núi.

Đứng trên chót núi cao, đưa mắt nhìn quanh cảnh vật trải rộng ra dưới kia, lòng chàng tràn ngập niềm tự hào của một người chinh phục. Bỗng chàng nghe một tiếng rên dưới chân mình; chàng nhìn xuống và thấy một con rắn lục lặc. Rắn sợ chàng bỏ đi, vội nói :

“Tôi sắp chết mất, nơi đây lạnh quá, toàn thân tôi đang cứng lên. Lại chẳng có thứ gì để ăn cả, mà tôi thì đói từ cả tuần nay. Anh hãy ủ tôi trong chiếc áo kia để tôi hưởng được tí hơi ấm của thân thể anh và đưa tôi xuống dưới thung lũng.”

“Không,” chàng thanh niên da đỏ trả lời, “ta phải biết cảnh giác, Ta biết quá rõ về mi. Mi là loài rắn độc nhất trên đời này. Nếu ta nhặt mi lên, mi sẽ cắn ta, còn gì đời ta nữa.”

“Chàng trai ơi,” rắn nói, “tôi sẽ cư xử với chàng trái lại. Nếu chàng cứu tôi, chàng sẽ là người ơn, nợ nào tôi hại chàng.”

Chàng trai trẻ ngần ngừ trong giây lát, con rắn lại khéo ăn nói, ra sức ngọt ngào thuyết phục. Cuối cùng, chàng ta nhặt con rắn lên, cho vào trong áo mình và đem nó xuống núi. Vừa khi chàng nhẹ nhàng đặt nó xuống bãi cỏ êm, rắn cuộn mình lại và nhanh như chớp, mổ vào bắp vế người ơn.

“Ồ kìa, người đã hứa với ta...?” Chàng trai kêu lên đau đớn.

“Người đã biết rõ ta là thứ gì trước khi người nhặt ta lên kia mà.” Rắn đắc thắng trả lời và lủi vào bụi cây đi mất.

Một Bà Mẹ THE STORY OF A MOTHER

Có một bà mẹ đang ngồi âu sầu bên đứa con nhỏ. Bà rất buồn vì con bà đang hấp hối, em bé xanh xao đã nhắm nghiền đôi mắt thơ và lồng ngực đang thoi thóp những hơi thở cuối cùng. Thình thoảng em rên rĩ qua hơi thở thều thào, bà mẹ cúi sát tận mặt em mà lòng se thắt đau đớn vô cùng.

Bỗng có tiếng gõ cửa. Một ông lão nghèo khổ bước vào. Người ông chòm kín trong tấm chăn mà người ta chỉ dùng khoác cho ngựa. Bên ngoài trời rất lạnh, tường chỉ có thứ chăn này mới đủ che ấm tấm thân già. Băng tuyết xuống dày, phủ kín cả một vùng; những cơn gió như những lưỡi dao cắt vào da thịt. Ông già bước vào, run cầm cập. Thấy con đang ngủ thiếp đi, bà mẹ nhen lửa hâm chút rượu. Ông lão ngồi xuống đưa đứa bé với tiếng ru buồn. Bà mẹ ngồi vào chiếc ghế cạnh ông lão, nhìn con đang thoi thóp mà hỏi:

- Liệu có sao không hả cụ? Đức Chúa lòng lành có bắt nó đi không cụ?

Ông lão lắc đầu, chẳng ai hiểu rõ là cách trả lời hay biểu hiện sự bất lực. Bà mẹ gục đầu khóc nức lên. Em bé đã qua ba ngày hấp hối và bà thì đã kiệt sức lo lắng tho em, không hề chớp mắt được một giây. Bà thấy đầu óc trĩu nặng và thiếp đi một chốc. Con rết làm bà rùng mình thức dậy. Không thấy con và cả ông già, bà la hét lên:

- Trời ơi, cái gì thế này? Con tôi đâu rồi?

Cộp! Một tiếng động vang dội trong nhà. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn từng gõ nhịp nay ngưng lại, quả lắc rơi bộp xuống sàn nhà. Bà mẹ đáng thương vùng chạy ra khỏi nhà, miệng gọi tên con không ngớt. Một bà cụ mặc áo đen đang ngồi trên đồng tuyết chặn bà lại và mách:

- Tôi thấy thần Chết vào nhà bà và mang đứa bé đi mất. Lão ta chạy nhanh hơn gió. Một khi lão đã mang đi thì chớ hòng lão mang trả lại.

Bà mẹ thiếu nào khăn cầu:

- Cụ ơi, xin vui lòng chỉ cho tôi biết đường nào mà đi tìm lão.

- Đồng ý, nhưng bà phải hát cho ta nghe một bài mà bà từng hát ru con để đổi lấy sự chỉ đường của ta. Ta từng nghe nhiều bài hát, nhưng chỉ thích nghe giọng bà hát cơ. Ta là thần Đêm, từng ở bên bà và nghe bà hát ru con não ruột, chan hoà nước mắt.

Bà mẹ lại năn nỉ:

- Tôi xin hát đây, hát bất cứ gì cụ muốn nghe, nhưng cụ phải chỉ đường cho tôi đi tìm thần Chết đòi lại con tôi.

Bà mẹ hát, lời ca làm não lòng người, nước mắt bà chảy dài chan hoà trên hai gò má gầy. Bà vừa hát vừa nức nở, nức lên từng hồi. Thần đêm nghe xong bèn chỉ đường:

- Ta thấy thần Chết mang con chị biến vào khu rừng tối kia. Cứ đi theo hướng đó mà tìm.

Bà mẹ lao vào bóng đêm theo hướng thần đêm vừa chỉ. Đến một ngã ba giữa rừng già, bà phân vân không biết nên theo lối nào. Bà hỏi một bụi gai bên đường đang trơ trọi những cành khô bám đầy tuyết:

-Gai có thấy thần Chết mang một đứa bé chạy qua đây không?

-Thấy, có thấy, nhưng bà phải ôm tôi vào lòng, áp cho tôi được chút hơi ấm rồi tôi chỉ đường cho. Tôi lạnh cóng gần chết đây.

Bà mẹ không ngần ngại kéo bụi gai ôm sát vào ngực mình. Những cây gai nhọn đâm vào khuôn ngực trắng mịn của bà, đau điếng, máu từ tim bà nhỏ giọt nhưng bà cố nén cơn đau. Cành gai thấm máu trở nên tươi tốt, đâm chồi trở ra những bông hoa đẹp.

Nhờ bụi gai chỉ lối, bà mẹ đến một hồ lớn, nhưng không tìm thấy một chiếc thuyền để đi qua bờ bên kia. Mặt hồ đã đóng thành một lớp băng, nhưng quá mỏng để có thể bước lên đó. Hồ thì lại quá sâu, khó lòng lội qua được, nhất là nước lạnh giá. Nhưng bà quyết lòng phải vượt qua, bà cúi xuống uống dần nước hồ. Đúng là việc làm chẳng thể nào thành được, nhưng biết làm sao, lòng thương con vô bờ làm cho bà mẹ không suy tính lý lẽ nữa. Bà chỉ cầu xin Thượng đế sẽ làm một phép mầu như Người đã từng làm cho nhân loại trong lúc khổ đau cùng cực.

Hồ nước thấy thế, khuyên bà:

-Bà không uống cạn được nước hồ đâu, đừng làm chuyện điên rồ. Nay nghe ta bảo, chúng ta trao đổi với nhau đi. Ta thì khoái chơi ngọc, mà bà thì có đôi mắt long lanh đẹp tuyệt, có giá trị hơn cả những hòn ngọc trong suốt. Bà hãy khóc đi, khóc cho đến khi nào voi nước mắt và hai con mắt bà sẽ rơi xuống. Cho ta đôi mắt ấy, ta sẽ đưa bà đến tận nơi ở của thần Chết. Đó là một khu vườn ươm hoa mà mỗi cây hoa là một linh hồn con người đã do thần Chết mang về.

Bà mẹ nức nở:

- Tôi có tiếc điều gì của tôi đâu, chỉ mong tìm thấy con thôi.

Thế là bà khóc, nước mắt tuôn rơi đầm đề cho đến lúc đôi mắt đẹp theo giòng nước mắt rơi xuống tận đáy hồ và hoá thành hai hòn ngọc tuyệt đẹp. Hồ giữ lời, mang bà đặt vào trong một ngôi nhà lồng kín to lớn. Bà mẹ, nay đã mù, không nhìn được gì xung quanh, nên chẳng thể đoán được đây là đâu.

-Thần Chết ở đâu để ta còn đòi lại con thơ?

Một bà lão coi vườn bảo bà:

-Thần Chết chưa về đâu. Làm sao bà có thể vào tận đây được?

-Thượng đế đã đưa ta đến đây vì lòng người khoan ái vô cùng. Bà hãy vì Chúa, tỏ lòng thương xót mà cho ta hay con ta hiện ở đâu.

-Tôi làm sao biết được mặt mũi con bà ra sao. Mà bà thì lại chẳng nom thấy gì. Ở đây có hàng triệu triệu cây hoa, nhiều cây đã Chết héo đem qua, chờ thần Chết về trồng lại. Mọi gốc cây là một sinh mệnh con người. Hoa ở đây khác hẳn hoa trên trần thế; mỗi hoa có một trái tim biết đập theo nhịp sống hân hoan. Có những cây hoa là linh hồn con trẻ, cũng biết đập nhịp. Bà cứ đi mà tìm, chắc bà sẽ nhận ra nhịp tim của con bà, vì bà là mẹ cơ mà. Nhưng nếu bà muốn tôi giúp cho, thì hãy đền ơn cái gì đi.

- Bà thấy ta còn gì để cho bà chăng? hay ta sẽ theo hầu hạ bà tận cùng nơi thế gian này.

- Ta cần gì nơi tận cùng kia, hãy cho ta mái tóc óng ả của bà, ta thích những sợi tơ vàng óng kia. Đòi lại ta cho bà mái tóc bạc của ta.

Bà Mẹ đồng ý, trao đổi mái tóc vàng óng lấy mái tóc bạc phơ của bà lão.

Họ bước vào căn nhà lồng kính của lão thần Chết. Trong đó có biết bao muôn vạn cây hoa, đủ loại, đủ màu. đủ hương sắc. Mỗi cây tượng trưng cho một sinh mạng con người, có cây cho kiếp người bên Trung Hoa, có cây là kiếp người bên Ấn Độ... Có cây

xanh tươi mơn mớn, có cây héo uá khô cằn. Bà mẹ cúi xuống tận từng cây hoa, nghe nhịp tim của chúng, và giữa hàng triệu nhịp tim đó, bà đã nhận ra nhịp tim của con mình.

- Đúng là con tôi đây, làm sao có thể quên được nhịp tim mà mình hằng nghe bao năm dài.

Bà chỉ vào một cây hoa màu xám nhạt, nhỏ bé yếu ớt, thân cây không đủ sức đứng vững, quằn quẹo qua một bên.

- Chớ đụng vào cây. Lát nữa thần Chết trở về, đừng cho thần nhổ cây hoa này. Thượng đế trao cho thần giữ vườn hoa này, mỗi cây hoa còn mạnh là một người trên thế gian còn sức sống. Cây nào yếu là người thế gian đang bệnh hoạn, nếu nhổ lên là linh hồn người kia sẽ lìa khỏi thể xác đấy. Bà cứ dọa rằng bà sẽ phá tan vườn hoa này để thần Chết sợ mà làm theo ý bà.

Thần Chết về, mang theo hơi lành âm ty rừng rợn. Thấy bà mẹ, thần quát lên hỏi:

- Làm sao ngươi có thể đến đây được?

Bà mẹ vươn ngực đồng dặc trả lời:

- Ta là một bà mẹ.

Thần Chết đưa cánh tay dài chộp lấy cây hoa ốm yếu; nhưng bà mẹ, bằng hết sức mình, ôm kín lấy cây hoa không cho thần Chết đụng vào. Thần Chết hà hơi vào bà, bà cảm thấy lạnh buốt đến tận cùng tủy xương.

Thần Chết dọa bà.

- Ngươi không đủ sức chống lại ta đâu. Chớ dại.

- Thượng đế sẽ tiếp sức cho ta.

- Ta làm theo lệnh Thượng đế, ta chăm sóc khu vườn sinh mệnh này là làm theo ý Người. Ta nhổ cây ở đây là để đem lên trồng trên Thiên đàng cho linh hồn được hưởng cõi hạnh phúc vô biên hằng hữu.

Bà mẹ quỳ xuống van xin:

- Hãy trả lại con ta. Nếu không, ta sẽ nhổ hết cây trong vườn này.

Vừa nói, bà vừa quơ tay vợ lấy một chùm cây.

- Chớ, chớ. Chớ làm thế. Ngươi là một bà mẹ đau khổ, sao ngươi lại muốn làm các bà mẹ khác đau khổ theo ngươi?

Bà mẹ ngơ ngác, bàng hoàng. Những bà mẹ khác? Sẽ có những bà mẹ khác đau khổ vì ta nhổ lên những cây sinh mệnh của con họ sao?

Thần Chết ôn tồn nói:

- Đây là đôi mắt của ngươi, ta thấy chúng long lanh dưới đáy hồ nên vớt lên. Hãy nhận lại đi. Đôi mắt ấy trong sáng hơn xưa nhiều, hãy theo ta nhìn dưới đáy giếng kia, ta sẽ cho biết tên hai trẻ mà ngươi vừa định nhổ đi cành cây sinh mệnh.

Bà mẹ nhận lại đôi mắt, nhìn xuống đáy giếng, thấy từ một trong đoá hoa toả lên niềm hạnh phúc thơ ngây; một đoá hoa khác thì u sầu ảm đạm.

Thần Chết nói:

- Tất cả đều do ý của Thượng đế, ai hạnh phúc, ai trầm luân đều do Người sắp xếp cả.

- Tại sao lại có hoa hạnh phúc, hoa bất hạnh?

- Ta không thể trả lời ngươi được. Nhưng cần biết một trong hai hoa đó là linh hồn của con ngươi, là hình ảnh tương lai của nó.

- Trời ơi! Hãy cho ta biết hoa nào trong hai kia là hoa linh hồn của con ta. Nếu đời nó về sau sẽ đau khổ thì xin hãy mang nó đi, mang nó về chôn thiên đàng cho nó được hưởng chút phúc trời. Xin hãy quên những điều ta đã nói ra, xin hãy quên cả những dòng nước mắt khổ đau của ta.

Bà quy xuống chìa đôi bàn tay ra khẩn cầu:

- Xin Thượng đế vô cùng nhân ái hãy rước con tôi về bên người. Xin đừng nghe những lời cay đắng oán than của tôi. Xin hãy thương xót lấy con thơ...

Thế là thần Chết mang đứa bé ra đi, đưa nó đến nơi xứ sở mà bà mẹ ước nguyện.

Bà mẹ gục đầu xuống che dấu niềm đau thương nhưng thâm cảm ơn rằng con mình đã được an phần nơi vĩnh phúc.